

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
Số: 40/2020

Chịu trách nhiệm xuất bản:
ThS. ĐÌNH QUỐC THỊ

Ban biên tập:
ThS. ĐÌNH QUỐC THỊ
TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ
ThS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ
ThS. LÊ ĐÌNH HÙNG

Thư ký:
ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Trình bày:
ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoa.hoc.tcttp@gmail.com
Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Tranh cổ động: **Nguyễn Viết Xuân**
Bìa 2,3,4 và phụ trương: **Ảnh: Lê Đình Hùng**

In 150 cuốn, khổ 19 x 26,5cm, tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153 - Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy phép xuất bản số: 39/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh cấp ngày 15 tháng 6 năm 2020. In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2020

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	
1. ThS. Đình Quốc Thị:	2
2. TS. Nguyễn Quang Ngọc:	4
3. ThS. Phan Bá Linh:	9
4. ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh:	13
5. ThS. Nguyễn Thăng Mỹ:	15
6. ThS. Nguyễn Xuân Bé:	18
7. ThS. Nguyễn Viết Sơn:	21
8. ThS. Nguyễn Thị Lam:	25
9. ThS. Nguyễn Anh Tấn:	28
10. ThS. Nguyễn Quỳnh Nga:	31
11. ThS. Thái Thị Hiền:	34
12. ThS. Nguyễn Thị Thảo Linh:	39
13. ThS. Trần Thị Bích Thủy:	42
14. ThS. Lê Thị Thùy Dung:	45
II. THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	
1. ThS. Trần Ánh Dương:	49
2. ThS. Trần Thị Quỳnh Nga:	52
3. ThS. Nguyễn Trọng Vinh:	56
4. ThS. Nguyễn Duy Long:	58
5. ThS. Chu Thị Thu Huyền:	61
6. ThS. Hồ Thanh:	64
7. ThS. Phan Chí Quyết:	67
8. ThS. Phan Thị An Phú:	71
9. ThS. Phan Thị Ái Vân:	73
10. Bùi Thị Thủy:	75
11. ThS. Lê Đình Hùng:	78

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI LUÔN LUÔN LÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM XUYỀN SUỐT CỦA ĐẢNG BỘ CÁC XÃ



ThS. ĐINH QUỐC THỊ

TUV, Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

Nông thôn mới (NTM) là một chủ trương lớn của Đảng, là nội dung trọng tâm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thấm đẫm ý Đảng lòng dân, với nội dung có tính toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị - Xây dựng nông thôn mới (XDNTM) tạo ra nền tảng phát triển bền vững, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Với Hà Tĩnh, một tỉnh nông nghiệp, đời sống nhân dân còn thấp, xây dựng Nông thôn mới là cách tốt nhất để vượt qua khó khăn, tạo nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Để vượt qua khó khăn, từ năm 2001 Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã sớm có nghị quyết về xây dựng nông thôn mới, vì vậy khi Trung ương ban hành chủ trương xây dựng nông thôn mới Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đã đón nhận như một nguồn năng lượng tiếp đà cho sự vươn lên. Với những kinh nghiệm được tích lũy sau 8 năm xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết 01/NQ-TU, ngày 12/6/2001 của Tỉnh ủy, Tỉnh ủy Khóa XVI đã ban hành ngay Nghị quyết

số 08 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Theo đó, các Đảng bộ cấp xã xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm trước mắt và xuyên suốt nhiều nhiệm kỳ. Các nội dung xây dựng nông thôn mới được thể hiện rất cụ thể trong báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ các xã nhiệm kỳ 2010 - 2015 và 2015 - 2020 thể hiện khát khao vươn lên của Đảng bộ và nhân dân. Từ năm 2010, sau khi triển khai chủ trương chưa đầy 3 tháng hệ thống chỉ đạo, điều hành xây dựng NTM được thiết lập từ tỉnh đến cơ sở và thôn xóm; sau chưa đầy 2 năm tất cả các xã đã hoàn thành quy hoạch xã nông thôn mới. Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ được xác định trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và quy hoạch được phê duyệt, UBND các xã đã xây dựng kế hoạch xây dựng nông thôn mới cho nhiệm kỳ và hàng năm với sự tham gia của người dân, chọn điểm, chọn việc triển khai thực hiện. Những vấn đề gay gắt cần trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới như: nhận thức chưa đúng, tư tưởng trông chờ ỷ lại vào cấp trên, sự bất cập giữa yêu cầu phát triển và khả năng đáp ứng năng lực, cách thức tổ chức thực hiện... lần lượt được khắc phục, hiệu quả xây dựng

nông thôn mới càng ngày càng rõ. Nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện như: phải thực hiện tốt tuyên truyền nâng cao nhận thức, chăm lo đào tạo cán bộ, phát huy dân chủ rộng rãi, kiên trì và quyết liệt, kết hợp xây với chống, thực hiện tốt thi đua khen thưởng... đã được rút ra. Đến nay, sau 2 nhiệm kỳ (10 năm), xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào tự giác của toàn dân, cả tỉnh chung tay xây dựng NTM, tính đến 31/12/2020 toàn tỉnh có 154 xã/182 xã (sau sáp nhập) đạt xã NTM (chiếm 84,62%), 02 huyện: Nghi Xuân và Can Lộc được công nhận huyện đạt chuẩn NTM; Thành phố Hà Tĩnh và Thị xã Hồng Lĩnh được công nhận hoàn thành xây dựng NTM, Hà Tĩnh nằm trong tốp đầu cả nước về xây dựng NTM và hiện nay đang phấn đấu đến 2025 đạt tỉnh NTM.

Những kết quả đạt được là thành quả to lớn mà Đảng bộ, nhân dân các địa phương trong toàn tỉnh đã đạt được. Kết quả đó khẳng định tính đúng đắn của chủ trương và cách tổ chức thực hiện quyết liệt, sáng tạo, khẳng định lực lượng của nhân dân ta rất to lớn, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy vậy, xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh đang đặt ra nhiều vấn đề mới cho tất cả các xã kể cả đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn, trong đó nổi lên hàng đầu là những nhân tố liên quan phát triển bền vững như: vấn đề sản xuất nâng cao thu nhập cho dân cư, vấn đề việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa; sự bất cập giữa năng lực lãnh đạo, quản lý của các cấp, các ngành với yêu cầu phát triển nhất là đối với các xã mới sáp nhập do quy mô dân số lớn, diện tích rộng, yêu cầu ngày càng cao...

Đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập quốc tế rất sâu, rộng, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt nam tham gia ký kết có hiệu lực; sự tác động của các vấn đề toàn cầu như Đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, ... đang tác động trực tiếp vào Việt Nam không loại trừ tỉnh Hà Tĩnh

Qua tìm hiểu báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của cấp ủy và chương trình hành động trình Đại hội đảng bộ của các xã đã Đại hội điểm theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện, nhìn chung nội dung xây dựng NTM đã được thể hiện khá rõ ở phần đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2015-2020 cũng như ở hệ thống các mục tiêu chủ yếu của nhiệm kỳ tới, một số đơn vị đã xác định XD NTM là nhiệm vụ đột phá của nhiệm kỳ tới. Tuy nhiên trong phần nhiệm vụ và giải pháp thì nói chung đang còn chung chung, một số xã chưa chỉ ra được những việc phải làm, những việc phải khắc phục để đạt chỉ tiêu, mục tiêu đã xác định, chưa làm toát lên xây dựng NTM luôn luôn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt và phải rất quyết liệt của đảng bộ.

Vì vậy, để tiếp tục phát triển bền vững trên cơ sở những kết quả đã đạt được, cấp ủy các xã cần xác định đúng những vấn đề đang đặt ra, những yếu kém, khuyết điểm và những mâu thuẫn cần tập trung giải quyết trong xây dựng nông thôn mới của xã để đưa vào Báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của cấp ủy và chương trình hành động trình Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 với những chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, rõ ràng và phải được thảo luận sâu sắc tại Đại hội Đảng bộ./.

NHẬN THỨC VÀ CÁCH GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ DÂN TỘC GIAI CẤP CỦA ĐẢNG TA TRONG GIAI ĐOẠN 1930 - 1945



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Trường khoa Xây dựng Đảng

Trong quá trình hoạch định và lãnh đạo tổ chức thực hiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng ta đã dũng cảm vượt qua những khuôn mẫu giáo điều, sáng tạo trong vận dụng lý luận, nhạy bén trong nhận thức thực tiễn nhằm xác định chính xác kẻ thù, nhiệm vụ chiến lược, đề ra chủ trương tập hợp lực lượng đúng đắn và lựa chọn phương pháp cách mạng khoa học, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể ở một nước thuộc địa. Với những nhận thức đúng đắn và cách giải quyết khoa học mối quan hệ dân tộc - giai cấp trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), Đảng đã tiêu biểu cho tinh thần cách mạng của cả giai cấp và dân tộc, thực sự trưởng thành, đủ năng lực lãnh đạo toàn dân giành thắng lợi trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Dân tộc và giai cấp là hai phạm trù lịch sử, có mối quan hệ biện chứng với nhau. Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định rằng, vấn đề dân tộc ở thời đại nào cũng được nhận thức và giải quyết trên lập trường và theo quan điểm của một giai cấp nhất định. Mỗi dân tộc có một giai cấp đứng đầu; giai cấp nào thống trị về mặt kinh tế thì giai cấp đó cũng thống trị dân tộc. Chính điều này đã tạo nên mối quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc trong suốt quá trình vận động của xã hội có giai cấp. Mặt khác, trong mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, tính chất dân tộc được quy định bởi phương thức sản xuất thống trị trong

dân tộc; bởi kết cấu giai cấp được sinh từ phương thức sản xuất đó và bởi đặc trưng của giai cấp thống trị dân tộc đó; không có cách giải quyết vấn đề dân tộc chung cho mọi giai cấp, bởi quan điểm dân tộc và cách giải quyết vấn đề dân tộc bao giờ cũng là quan điểm của một giai cấp nhất định. Chính vì vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, vấn đề dân tộc không tách rời vấn đề giai cấp.

Vận dụng và phát triển sáng tạo những quan điểm trên vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra hệ thống những quan điểm cụ thể về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc giải quyết mối quan hệ dân tộc - giai cấp là đòi hỏi khách quan của thực tiễn cách mạng Việt Nam và xét đến cùng, giải quyết mối quan hệ này là để đi đến sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp. Giữa toàn thể dân tộc Việt Nam và các giai cấp, tầng lớp trong xã hội cùng thống nhất với nhau về mặt lợi ích trước nhiệm vụ chống lại chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc. Vì vậy, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp luôn thống nhất với nhau trong cách mạng Việt Nam. Mặt khác, Người cũng cho rằng, giải quyết mối quan hệ dân tộc - giai cấp là cơ sở để huy động mọi nguồn lực của dân tộc cho thắng lợi cho cách mạng Việt Nam. Do đó, trong giải quyết mối quan hệ này, phải chú ý tìm ra, khơi dậy và phát huy tối đa những điểm tương đồng giữa dân tộc và giai cấp để

làm cơ sở cho sự thống nhất, đồng thuận, tạo nên thắng lợi của cách mạng; độc lập dân tộc vì thế luôn là mục tiêu hàng đầu, là điểm tương đồng, là mẫu số chung để quy tụ tất cả mọi người dân, mọi giai cấp trong xã hội Việt Nam. Bên cạnh đó, phải luôn hiểu rõ sự khác biệt về nhu cầu, tâm lý, nhận thức, trình độ của mỗi bộ phận, giai cấp, tầng lớp khác nhau trong dân tộc nhằm khai thác triệt để sức mạnh toàn dân, tạo nên sức mạnh dân tộc. Có thể nói rằng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp là những chỉ dẫn hết sức quan trọng để Đảng ta hoạch định đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ dân tộc - giai cấp trong thực tiễn cách mạng giai đoạn 1930-1945.

1. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ biện chứng

Giai cấp chỉ là một bộ phận của dân tộc, và chưa có một giai cấp nào từ khi có dân tộc lại tồn tại ngoài dân tộc, kể cả giai cấp có mối liên hệ quốc tế rộng lớn là giai cấp công nhân hiện đại. Với bản chất và đặc điểm của mình, giai cấp công nhân cũng chỉ trở thành lãnh tụ của dân tộc một khi nó đại diện cho quyền lợi và sự phát triển của dân tộc đó. Vì vậy, cần phải nhận thức rõ rằng, không phải chỉ có quyền lợi dân tộc gắn liền với lợi ích của giai cấp công nhân - với tư cách là giai cấp tiên phong, mà ngược lại lợi ích của giai cấp công nhân cũng luôn gắn liền với quyền lợi chung của dân tộc. Thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng cho thấy rằng, lợi ích của giai cấp công nhân cơ bản thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn thể dân tộc.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, quá trình xâm lược và đô hộ của thực dân Pháp đã biến xã hội Việt Nam từ một xã

hội phong kiến thuần túy thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Mặc dù tính chất phong kiến còn được duy trì một phần, song tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và giai cấp đều bị đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội thuộc địa. Chính vì vậy, trong lòng xã hội Việt Nam hình thành nhiều mâu thuẫn đan xen nhau, mỗi quan hệ và sự đối kháng giai cấp trong xã hội ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng. Tuy nhiên mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động và giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Sự áp bức và bóc lột càng tăng thì những mâu thuẫn đó càng sâu sắc, kéo theo sự phản kháng và đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc và lợi ích giai cấp càng phát triển mạnh mẽ. Thực tế đó cho thấy vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam có quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau.

Trên cả phương diện lý luận và thực tiễn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đều đặt ra những vấn đề mới và khó, đòi hỏi Đảng phải nhận thức và xử lý khoa học mới có thể đưa cách mạng đến thắng lợi. Bởi về thực chất, vấn đề dân tộc và giai cấp chỉ là hai mặt của sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân: giải phóng khỏi áp bức dân tộc và áp bức giai cấp. Mặt khác, đặc thù ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như nước ta cũng cho thấy, nội dung chủ yếu của vấn đề giải phóng dân tộc lại nằm ở vấn đề nông dân - giai cấp chiếm hơn 90% dân số. Sai lầm cơ bản của các phong trào yêu nước trước khi có Đảng là không nhận thức rõ và xử lý được vấn đề dân tộc và giai cấp. Những nhà yêu nước tiền bối đã tách rời hoặc đối lập vấn đề này và nhận thức không đầy đủ các mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam. Từ đó đi đến sai lầm trong nhận diện kẻ thù, lựa chọn phương pháp đấu tranh phù hợp, không

tập hợp được lực lượng vĩ đại của quần chúng, nhất là giai cấp nông dân. Nói cách khác, tất cả các phong trào yêu nước theo ý thức hệ phong kiến và tư sản thất bại vì nó hoàn toàn bất lực và không có khả năng để quy tụ được xung quanh mình các lực lượng dân tộc, mà trước hết là nông dân. Trái lại, con đường cứu nước của giai cấp công nhân Việt Nam mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã thành công, bởi trước hết nó đáp ứng được nguyện vọng và yêu cầu bức thiết về ruộng đất của 90% dân số của dân tộc là giai cấp nông dân.

Thực tiễn quá trình lãnh đạo của Đảng đã chứng tỏ rằng, không đứng trên lập trường giai cấp công nhân để giải quyết vấn đề dân tộc, hoặc nhấn mạnh quá mức vấn đề giai cấp, hạ thấp vấn đề dân tộc, không chú ý tới đặc điểm dân tộc, đều dẫn đến sai lầm. Nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp là cơ sở quan trọng để Đảng lựa chọn cách thức giải quyết mối quan hệ này trong giai đoạn 1930 - 1945. Từ nhận thức đó, mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp đã từng bước được giải quyết theo hướng giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, đánh đổ đế quốc gắn liền với đánh đổ phong kiến, độc lập dân tộc gắn liền với người cày có ruộng. Cách giải quyết này có tầm quan trọng hàng đầu về chiến lược chi phối những bước phát triển tiếp theo của cách mạng Việt Nam. Nhờ đó, từ năm 1930 phong trào yêu nước của nước ta đã có sự phát triển mạnh mẽ về chất trên tất cả các phương diện, nhất là tính sáng tạo, nhân văn và triệt để; xu hướng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản do Đảng Cộng sản lãnh đạo trở thành xu hướng chủ đạo trong phong trào cách mạng nước ta.

2. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết

Vấn đề dân tộc và giai cấp luôn luôn gắn bó và tác động lẫn nhau nhưng không thể đặt ngang nhau; quyền lợi dân tộc bao giờ cũng cao hơn quyền lợi giai cấp. Vì vậy, trong khi giải quyết mối quan hệ dân tộc - giai cấp, quan điểm của Đảng là phải luôn lấy lợi ích của dân tộc làm trọng, chỉ có giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp. Cốt lõi của vấn đề dân tộc là giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam; cốt lõi của vấn đề giai cấp là giải phóng các giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác... khỏi tình trạng áp bức bóc lột, đem lại cơm ăn áo mặc, tự do, hạnh phúc cho các giai tầng trong xã hội Việt Nam. Như vậy, trong nhận thức của Đảng ta vấn đề dân tộc không chỉ dừng lại ở giải phóng dân tộc mà nó là con đường, phương tiện để thực hiện mục tiêu cao hơn, nhân văn hơn là giải phóng con người và xã hội loài người, là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt lý luận cách mạng không ngừng của Lênin và vận dụng sáng tạo quan điểm của Quốc tế Cộng sản về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (02/1930) đã xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Đó là một quá trình cách mạng lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn với những nhiệm vụ chiến lược khác nhau, mà trước tiên là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai giành độc lập dân tộc. Bằng việc đề cao vấn đề đấu tranh dân tộc, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử, phù hợp với nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân. Tiếp tục quan điểm này, trong Chỉ thị về vấn đề thành

lập Hội phản đế đồng minh (18/11/1930), Đảng nêu rõ: “Trong cách mạng phản đế và điền địa ở Đông Dương thì dân tộc Việt Nam là một dân tộc có lịch sử đấu tranh bất diệt với giặc Pháp từ ngày Pháp chiếm đến nay, nên dân tộc phản đế trong nhân dân rất mạnh”. Quan điểm này chứng tỏ rằng, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã nhận thấy mâu thuẫn chủ yếu ở Đông Dương là mâu thuẫn dân tộc, nhấn mạnh cuộc đấu tranh dân tộc. Nhận thức này hoàn toàn đúng thực tiễn và phù hợp với quan điểm của Đảng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên.

Tuy nhiên, nhận thức là một quá trình, trong quá trình phát triển nhận thức về giải quyết mối quan hệ dân tộc - giai cấp, không phải ở thời điểm nào Đảng cũng có quan điểm phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tháng 10/1930, Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương được thay thế cho Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam với những thay đổi về nhận thức và cách xử lý mối quan hệ dân tộc - giai cấp. Luận cương nhấn mạnh mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt; xác định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền” - “thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng”; khẳng định nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải “tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để” và “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”. Hai nhiệm vụ đó phải được đặt ngang hàng và tiến hành đồng thời, trong đó “vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân”. Tiếp đó, tháng 12/1930, Trung ương gửi thư cho các cấp đảng bộ tiếp tục nhấn mạnh cuộc đấu tranh chống giai cấp bóc lột. Những quan điểm này cho thấy, ở một số thời điểm

cụ thể, do không đánh giá đầy đủ những đặc thù của xã hội Việt Nam và chịu ảnh hưởng lớn từ quan điểm của Quốc tế cộng sản, Đảng đã không đề cao vấn đề dân tộc, quá nhấn mạnh cách mạng ruộng đất và đấu tranh giai cấp. Đây là quan điểm hoàn toàn không phù hợp với thực tiễn của xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Tháng 10/1936, trong văn kiện “Chung quanh vấn đề chiến sách mới”, Trung ương Đảng đã dùng cảm phê phán quan điểm của Luận cương tháng 10/1930: “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng... nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng”. Những quan điểm trong văn kiện này phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930 và khẳng định chủ trương đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và tác động mạnh mẽ đến Đông Dương. Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 của Đảng đã phân tích tình hình, đánh giá thái độ các giai cấp xã hội, các đảng phái và xu hướng chính trị ở Đông Dương, chỉ rõ những hạn chế, đồng thời khẳng định mặt tích cực của các giai cấp địa chủ và tư sản. Về mối quan hệ dân tộc - giai cấp, Hội nghị nhấn mạnh: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách

ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”; “chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới”, trong đó “nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc”. Vì vậy, phải “đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”.

Phát triển và hoàn thiện quan điểm của Hội nghị Trung ương tháng 11/1939, tại Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, sau khi đánh giá mâu thuẫn dân tộc đang phát triển gay gắt dưới hai tầng áp bức Nhật, Pháp, “quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”, Trung ương khẳng định: “Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta và của cách mạng Đông Dương hợp với nguyện vọng chung của tất cả nhân dân Đông Dương”. Mỗi quan hệ dân tộc - giai cấp được Đảng dứt khoát khẳng định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Theo đó, cách mạng ở Đông Dương không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền - cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề giải phóng dân tộc. Vấn đề giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết trong mối quan hệ dân tộc - giai cấp sau đó còn được thể hiện tại Nghị quyết Ban Thường vụ Trung

ương Đảng (2/1943). Tại văn kiện này, Trung ương tiếp tục khẳng định: Không thể hoàn thành luôn một lúc hai nhiệm vụ cách mạng dân tộc giải phóng và cách mạng thổ địa; “lúc này, nhiệm vụ dân tộc giải phóng cần kíp và quan trọng hơn. Nên Đảng phải thống nhất mọi lực lượng cách mạng đảng mau hoàn thành nhiệm vụ ấy trước...”.

Giải quyết mối quan hệ dân tộc - giai cấp là vấn đề hết sức phức tạp cả về lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy, thành công lớn nhất của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc giai đoạn 1930-1945 là đã nhận thức được đầy đủ vấn đề dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc - giai cấp trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản vào điều kiện cụ thể của nước ta. Nhờ đó Đảng ta đã giải quyết thành công các vấn đề chiến lược và sách lược trong đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Kinh nghiệm trong giải quyết mối quan hệ dân tộc - giai cấp giai đoạn 1930-1945 là những chỉ dẫn hết sức quan trọng để Đảng vận dụng trong việc hoạch định và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới đất nước. Mặc dù bối cảnh lịch sử đã thay đổi, nhưng có thể nhận thấy việc nhận thức đúng đắn và giải quyết khoa học mối quan dân tộc - giai cấp trên lập trường của giai cấp công nhân luôn được thể hiện rõ trong đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới. Biểu hiện rõ nhất là luôn trung thành với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; trong xác lập và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; trong quan điểm phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội; trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân./.

CHỐNG CÁC “CHỨNG BỆNH” TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



ThS. PHAN BÁ LINH

Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề cán bộ là vấn đề trọng yếu, rất cần kíp. Theo Người, cán bộ là “cái gốc của mọi công việc”¹, cán bộ tốt công việc sẽ thành công, cán bộ kém công việc sẽ thất bại. Nhưng để xây dựng được đội ngũ cán bộ tốt, làm được việc và ngày càng phát triển, thì Người cho rằng cần phải làm tốt công tác cán bộ.

Cần lưu ý rằng, nói đến quan điểm Hồ Chí Minh về cán bộ thì cán bộ là chủ thể. Còn khi bàn quan điểm Hồ Chí Minh về công tác cán bộ thì cán bộ lúc này lại là khách thể, tức là sản phẩm của công tác cán bộ mà chủ thể là cấp ủy và những người đứng đầu trong các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và tổ chức cán bộ.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy Người nhiều lần nêu rõ: có nhiều cán bộ rèn luyện tốt, đủ đức đủ tài, cung cấp tận tụy, hết lòng hết sức phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân nhưng công tác cán bộ dở nên không phát huy được năng lực của cán bộ. Nhiều cán bộ xứng đáng giữ các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhưng vì công tác cán bộ có vấn đề, thiếu khách quan, dân chủ, không đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của nhân dân lên trên hết nên tài năng của họ bị mai một. Kết quả Đảng mất nhân tài, mất cán bộ.

Nguyên nhân phần lớn thuộc về chủ quan. Đó chính là do các “chứng bệnh”² mà người làm công tác cán bộ thường phạm phải, nhất là trong ba khâu quan trọng: Đánh giá cán bộ, dùng cán bộ và huấn luyện cán bộ. Cụ thể:

Thứ nhất, khâu hiểu và đánh giá cán bộ.

Đây là khâu quan trọng đầu tiên của công tác cán bộ, và là việc làm khó, có tác động đến phần lớn các khâu còn lại của công

tác cán bộ. Nếu không hiểu và đánh giá đúng cán bộ thì không làm tốt công tác cán bộ. Thế nhưng trong xem xét, đánh giá cán bộ, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng người ta thường phạm những chứng bệnh sau đây: “1. Tự cao tự đại, 2. Ưu người ta nịnh mình, 3. Do lòng yêu ghét của mình mà đối với người, 4. Dem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau”³.

Người nhấn mạnh: Nếu “phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông”⁴. Kết quả sẽ dẫn đến việc đánh giá, xem xét cán bộ thiếu khách quan, không chính xác, ảnh hưởng đến các khâu sau này của công tác cán bộ nhất là sử dụng cán bộ.

Phương thuốc chữa bệnh mà Người yêu cầu đó chính là phải *hiểu và đánh giá đúng cán bộ*. Người yêu cầu người làm công tác cán bộ “muốn biết cán bộ” thì “trước hết phải biết mình”, vì “đã không tự biết mình thì khó mà biết người”, “muốn biết đúng sự phải trái của người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu”⁵. Thứ hai, để hiểu và đánh giá đúng cán bộ thì phải khách quan, khoa học, vì “trong thế giới cái gì cũng biến hóa, tư tưởng của người cũng biến hóa. Vì vậy, cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, vì nó cũng phải biến hóa”, không được cứng nhắc, đem cái khuôn khổ nhất định mà áp dụng cho các loại cán bộ, đem cái quá khứ mà áp dụng vào cái hiện tại, suy diễn cho tương lai. Người lưu ý trong đánh giá tránh sự lầm lẫn giữa cán bộ tốt và cán bộ xấu, nhất là cán bộ làm được việc và cán bộ tốt. Cán bộ làm được việc chưa hẳn đã là cán bộ tốt. Thứ ba,

đánh giá cán bộ phải làm thường xuyên, vì làm thường xuyên “một mặt tìm thì tìm thấy những nhân tài mới, một mặt khác thì những người hủ hóa cũng lòi ra”⁶.

Hồ Chí Minh kết luận: “Muốn biết rõ cán bộ, muốn đòi hỏi một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa chữa những khuyết điểm của mình. Mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng”⁷.

Thứ hai, đối với khâu dùng cán bộ

Dùng cán bộ (hay sử dụng cán bộ) là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và thường xuyên của Đảng, không có cán bộ thì không thể đưa công việc thành công được. Chính vì vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dùng cán bộ không chỉ dừng lại ở cách thức mà còn nâng lên tầm nghệ thuật dùng người.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra *ba chứng bệnh trong dùng cán bộ* mà các cá nhân, tổ chức thực hiện công tác cán bộ dễ phạm phải, đó là: “1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho rằng họ hơn người ngoài. 2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót, mà chán ghét những người chính trực³. Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình”⁸.

Nếu người có quyền làm công tác cán bộ mà không tránh được các bệnh trên thì chẳng những không sử dụng được đội ngũ cán bộ tốt mà còn tạo ra một đội ngũ cán bộ chỉ biết “làm bậy”⁹, làm hỏng cả công việc của Đảng. Họ sẽ tạo cơ hội cho kẻ xấu luôn lách vào hàng ngũ cán bộ, thậm chí trèo cao, kéo bè kéo phái để làm hại dân, hại đến lợi ích tập thể, lợi ích quốc gia.

Do vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu người làm công tác cán bộ phải biết “*Khéo dùng cán bộ*”¹⁰. Khéo dùng cán bộ tức là “tùy tài mà dùng người”, đặt đúng người đúng việc. Người nói “dùng người cũng như dùng gỗ”¹¹, tức là gỗ to, nhỏ, thẳng, cong... nếu người thợ khéo thì đều tùy chỗ mà dùng được.

Để khéo dùng cán bộ và *dùng cán bộ đúng*, Hồ Chí Minh đòi hỏi người làm công tác cán bộ phải có lòng độ lượng không được

thành kiến; phải có tinh thần rộng rãi, gần gũi, vui vẻ, thân mật kể cả những người mình không ưa... và nhất là “Phải sáng suốt để khỏi bị bọn vu vơ bao vây, mà cách xa cán bộ tốt”. Đặc biệt Hồ Chí Minh nhấn mạnh, những người có quyền dùng cán bộ thì phải “*có gan cất nhắc cán bộ*”¹². Có gan tức là phải mạnh dạn, không quá “rụt rè” hoặc “quá khắt khe” trong việc đề bạt cán bộ. Có gan cất nhắc cán bộ nghĩa là người cán bộ được cất nhắc có thể còn điểm yếu, song phải biết được khuyết điểm của họ để sau khi cất nhắc tiếp tục giúp đỡ họ tiến bộ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: cất nhắc cán bộ không nên làm như “giã gạo”. Một cán bộ bị nhắc lên nhắc xuống ba lần là hỏng cả đời. Tuy vậy, có gan không có nghĩa là làm nóng vội, làm ẩu, làm liều, càng không vì danh lợi của mình mà cất nhắc cán bộ.

Như vậy, nếu người làm công tác cán bộ biết “khéo dùng” sẽ làm cho tất cả các cán bộ vui vẻ, thoải mái, yên tâm làm tốt mọi công việc, phát huy được sở trường, năng lực cống hiến được nhiều nhất cho sự nghiệp cách mạng. Những cái tốt của cán bộ sẽ được phát huy và hạn chế những thiếu sót nhất định.

Thứ ba, đối với khâu huấn luyện cán bộ

Với Hồ Chí Minh, huấn luyện cán bộ cực kỳ quan trọng, bởi đó là “công việc gốc của Đảng”¹³. Huấn luyện trong tư tưởng của Người không chỉ riêng “tài” mà bao gồm cả “đức”. Người giải thích: Huấn luyện thì phải huấn và luyện. “Huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc”¹⁴. Mục đích cuối cùng của huấn luyện là làm cho người cán bộ thực sự “thạo việc”, “có gan làm việc, ham làm việc”. Có thể Đảng mới thành công. “Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo, “đập đi, hò đứng”, không dám phụ trách, như thế là một việc thất bại cho Đảng”¹⁵.

Người đã phê bình *khuyết điểm trong công tác huấn luyện cán bộ* là còn “hữu danh vô thực, làm chỉ cốt nhiều mà không thiết thực chu đáo”¹⁶. Cụ thể: học rồi không dùng được, lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng; tham

làm nhiều mà làm không chu đáo, không biết “quý hồ tinh, bất quý hồ đa”, mở lớp quá đông, mở lớp lung tung, kém chất lượng. . .

Do đó, trong huấn luyện, Hồ Chí Minh yêu cầu: Phải sửa đổi lối học tập và huấn luyện cán bộ theo một quy trình mới, hợp lý hoá với những nguyên tắc chung: “Mở lớp nào cho ra lớp ấy. Lựa chọn người dạy và người học cho cẩn thận. Đừng mở lớp lung tung”¹⁷. Phải thiết thực chu đáo trong huấn luyện, tức là phải xác định được “Ai huấn luyện”, “huấn luyện ai”, “huấn luyện gì”, “huấn luyện thế nào”, “tài liệu huấn luyện”. Trong huấn luyện phải nâng cao và hướng dẫn việc “tự động học tập”, muốn vậy phải luôn xác định đúng mục đích của huấn luyện là “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Muốn đạt mục đích, thì phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”¹⁸ . . .

Học tập và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở kinh nghiệm và thực tiễn lãnh đạo, trong những năm qua, Đảng ta đã luôn luôn coi trọng công tác cán bộ và xác định đó là nội dung cốt lõi, xuyên suốt trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về Chiến lược cán bộ, Nghị quyết số 26 –NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Đảng đã khẳng định: “Công tác cán bộ đã bám sát các quan điểm, nguyên tắc của Đảng, ngày càng đi vào nền nếp và đạt được những kết quả quan trọng... Các quy trình công tác cán bộ ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, công khai, minh bạch, khoa học và dân chủ hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức mới được quan tâm, từng bước gắn với chức danh, với quy hoạch và sử dụng cán bộ”¹⁹. Đặc biệt, qua công tác cán bộ, chúng ta đã “xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân vi phạm đã góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tiêu cực, làm trong sạch một bước đội ngũ cán bộ, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước”²⁰.

Tuy vậy, nhìn tổng thể, đến nay “công tác cán bộ còn nhiều hạn chế bất cập, việc thực hiện một số nội dung còn hình thức”. Cụ thể ở ba khâu của công tác cán bộ trên đây:

- *Về đánh giá cán bộ*: Đây “vẫn là khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến”²¹. Tình trạng phổ biến là đánh giá mang tính hình thức, nặng về cảm tính, nể nang, xuê xoa, né tránh, chưa thật công tâm, khách quan, chưa căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo đánh giá... dẫn đến kết quả đánh giá không phản ánh thực chất. Đánh giá sai cán bộ, không đúng nguyên tắc, thẩm quyền dẫn đến việc bố trí, sử dụng cán bộ sai sót, có trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của Đảng. Thậm chí có trường hợp cố tình đánh giá sai, báo cáo không trung thực về khuyết điểm, yếu kém của cán bộ để đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm.

- *Về khâu bố trí, sử dụng cán bộ*: Phải khẳng định lại rằng, đây là khâu cực kỳ quan trọng nhưng phức tạp, đan xen lợi ích và nhạy cảm trong công tác cán bộ. Thậm chí có tính chất quyết định nhất của việc chạy chức, vì đây là đích đến của nạn chạy chức (“mua chức” và “bán chức”). Chính vì vậy, trong thời gian qua, mặc dù các cấp ủy, tổ chức đảng đã thực hiện tương đối nghiêm túc theo hướng công khai, minh bạch trong bố trí, sử dụng cán bộ, từng bước khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, thiếu khách quan khi xem xét, quyết định công tác cán bộ, nhưng “tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng, chạy danh hiệu, chạy tội..., trong đó có cả cán bộ cao cấp, chậm được ngăn chặn, đẩy lùi... Tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó có cả người nhà, người thân, họ hàng, “cánh hẩu” xảy ra ở một số nơi, gây bức xúc trong dư luận xã hội”²². Việc bố trí, sử dụng cán bộ có nơi chưa thực hiện theo quy hoạch cán bộ; một số trường

hợp bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chưa đúng người, đúng việc, còn có biểu hiện cục bộ, nặng về thứ tự, thâm niên; phương châm bố trí cán bộ “có lên, có xuống, có vào, có ra” ít được thực hiện; cơ chế phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và trọng dụng người có đức, có tài chậm được nghiên cứu xây dựng và ban hành; chưa thu hút được nhiều cán bộ có chất lượng cao vào làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị; thiếu nhất quán trong giải quyết mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu trong bổ nhiệm. Một số trường hợp bố trí không đúng sở trường, năng lực.

- *Về khâu huấn luyện cán bộ*: Nghị quyết số 26 –NQ/TW của Đảng chỉ rõ: “Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chậm đổi mới, chưa kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, chưa gắn với quy hoạch và theo chức danh”²³. Nhiều người đi học nặng về bằng cấp, nhẹ về kiến thức; học chỉ để “chuẩn hóa cán bộ” mà không thiết thực phục vụ công việc đang làm, dẫn đến mâu thuẫn giữa bằng cấp với trình độ, năng lực thực tế. Việc quản lý về thời gian lên lớp, lịch học bắt buộc và tự học... bị buông lỏng dẫn tới chất lượng đào tạo chưa cao. Chế độ học tập suốt đời chưa trở thành nền nếp, kể cả đối với cán bộ cấp chiến lược.

Như vậy, ba khâu cơ bản trong công tác cán bộ được chỉ ra trên đây đều còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Và chính những hạn chế, bất cập đó “là một nguyên nhân chủ yếu làm cho đất nước phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mong muốn của chúng ta, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước”²⁴.

Vậy nguyên nhân do đâu? Có nhiều nguyên nhân, gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó đặc biệt có nguyên nhân từ phía những người làm công tác cán bộ. Nghị quyết 26 của Đảng chỉ rõ: “Đầu tư xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ... Chưa quan tâm đúng mức xây dựng đội ngũ làm công tác cán bộ; năng lực, phẩm chất, uy tín của một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ”²⁵.

Nhưng, suy cho cùng, nguyên do sâu xa nhất là chúng ta vẫn đang phạm phải những “chứng bệnh” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra trước đó trong công tác cán bộ, nhất là trong đánh giá, sử dụng cán bộ.

Giải pháp quan trọng để khắc phục những bất cập, hạn chế trong công tác cán bộ nêu trên là chúng ta phải tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, các quy định của Đảng về công tác xây dựng Đảng nói chung, về xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ nói riêng, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Nghị quyết 26 về chiến lược cán bộ; Trong công tác cán bộ cần tập trung thực hiện tốt các khâu: đánh giá, quy hoạch, sử dụng, luân chuyển, kiểm tra giám sát và đào tạo bồi dưỡng; nêu cao vai trò của tập thể, cá nhân, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là bí thư cấp ủy và người đứng đầu trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ...

Giải pháp bền vững, cấp bách và lâu dài là tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng của Người về cán bộ và công tác cán bộ nói riêng. Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Người về những “chứng bệnh”, những khuyết điểm thường phạm phải trong công tác cán bộ đối với những cá nhân, tổ chức làm công tác cán bộ để phòng, tránh, khắc phục, sửa chữa. Cụ thể hóa những biện pháp, những yêu cầu của Người (đã chỉ ra trên đây) thành những giải pháp cụ thể để vận dụng trong chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ và trong đào tạo, xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ.

^{1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15} Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, NXBCTQG-ST, H.2011, tập 5, tr. 309, 317, 317, 317, 314, 314, 318, 317, 318, 88, 321, 309, 320

^{14, 16, 17, 18} Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, sđd, tập 6, tr. 359, 356, 363, 208

^{19, 20, 21, 22, 23, 24, 25} Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Văn phòng Trung ương, H. 2018, tr. 46, 46, 48, 48-49, 48, 50, 50-52

BÀN VỀ VĂN KIẾN BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA ĐẠI HỘI CHI BỘ TRỰC THUỘC ĐẢNG BỘ CƠ SỞ



ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

*Trưởng phòng Quản lý đào tạo và
nghiên cứu khoa học*

Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở,⁽¹⁾ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Đại hội chi bộ do lãnh đạo chi bộ triệu tập năm năm hai lần.

Đại hội chi bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi chi bộ, là sự kiện chính trị hết sức quan trọng, là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của toàn thể đảng viên, cán bộ và nhân dân trong các thôn xóm, tổ dân phố, đảng viên, cán bộ trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, đảng viên, cán bộ chiến sĩ trong các đơn vị lực lượng vũ trang, đảng viên, cán bộ trong công chức, viên chức trong các cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp; có ý nghĩa cực kỳ quan trọng nhằm tổng kết, đánh giá đúng tình hình, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết Đại hội chi bộ đã đề ra; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan và rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, thiết thực; tiếp tục quán triệt sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên và căn cứ vào thực trạng tình hình của đơn vị để xây dựng mục tiêu, phương hướng và các nhiệm vụ giải pháp để thực hiện nhiệm vụ chính trị trong nhiệm kỳ tới một cách cụ thể, khoa học, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ và toàn Đảng. Đồng thời Đại hội sẽ bầu các chức danh chủ chốt của chi bộ đảm bảo đủ đức, đủ tài lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ chi bộ nhiệm kỳ mới. Việc tổ chức

Đại hội chi bộ thành công là góp phần đảm bảo cho Đại hội Đảng cấp trên và Đại hội Đảng toàn quốc thành công.

Trong các văn kiện của đại hội chi bộ, báo cáo chính trị là văn kiện quan trọng nhất, tổng kết toàn diện kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và các mặt công tác khác của đơn vị, làm rõ nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ; đồng thời, vừa thể hiện tư duy, quan điểm, chủ trương, định hướng, khả năng dự báo và đề xuất mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác, các nhiệm vụ xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị của tổ chức đảng cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Vì vậy, việc chuẩn bị tốt nội dung báo cáo chính trị nhiệm kỳ là việc rất quan trọng, trên cơ sở đánh giá khách quan, sâu sắc những kết quả đã đạt được, những yếu kém, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, Báo cáo chính trị phải xác định rõ nhiệm vụ chính trị cho cả nhiệm kỳ; đòi hỏi nó phải thể hiện rất rõ tính chiến đấu và năng lực lãnh đạo của chi bộ.

Là tổ chức Đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở, số lượng đảng viên không nhiều nhưng chi bộ là nơi tổ chức thực hiện mọi chủ trương, quan điểm, nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp. Nội dung Báo cáo chính trị của Đại hội chi bộ là những chi tiết cấu thành quan trọng của báo cáo chính trị các Đại hội cấp trên mà cao nhất là Đại hội Đảng toàn quốc. Những nội dung hoạt động, khối lượng thực hiện nhiệm vụ chính trị, những ưu, khuyết điểm phải được kiểm đếm, đánh giá sâu sắc để có

được dữ liệu chính xác cho bức tranh toàn cảnh về việc lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực. Đây cũng là cơ sở để phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm, yếu kém trong nhiệm kỳ sau cho các cấp ủy Đảng. Do đó, việc chuẩn bị, soạn thảo báo cáo chính trị của Đại hội chi bộ phải hết sức được quan tâm, thực hiện chu đáo, tỉ mỉ; chỉ đạo sâu sát để có được những nội dung phản ánh thực tiễn trung thực nhất.

Thông thường, trước khi bước vào Đại hội chi bộ theo nhiệm kỳ, tổ chức Đảng cấp trên có văn bản hướng dẫn việc chuẩn bị Báo cáo chính trị. Đó là một bản đề cương gợi lên những nội dung chính cần chuẩn bị. Để có một bản Báo cáo chính trị đầy đủ, sâu sắc, bố cục chặt chẽ, các chi ủy không chỉ dựa vào đề cương hướng dẫn của cấp trên để đưa ra những kết luận, nhận định nặng về định tính, thiếu cụ thể, thiên về lý luận mà thiếu thực tiễn, chung chung đọc tại chi bộ nào cũng được mà cái chính là phải căn cứ vào thực tế ở mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị và thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng đảng ở đơn vị mình.

Tuy đòi hỏi cao nhưng việc chuẩn bị báo cáo chính trị Đại hội chi bộ không phải là việc phức tạp, bởi nó gắn liền với quá trình thực hiện nhiệm vụ của chi bộ trung bình là 30 tháng (2 nhiệm kỳ/05 năm). Đại hội chi bộ là dịp sinh hoạt toàn diện, tổng hợp kết quả của 30 kỳ sinh hoạt thường kỳ và chuyên đề, trong đó có 05 lần sơ kết, 02 lần tổng kết hoạt động chi bộ/ 02 năm. Những nhiệm vụ chính trị thực hiện trong từng tháng, quý và hàng năm đã lần lượt được kiểm đếm; những nội dung xây dựng Đảng đã được tổ chức thực hiện; những ưu, khuyết điểm đã được phát hiện, nhìn nhận, sửa chữa... hoàn toàn có thể được báo cáo một cách hệ thống, định lượng rõ ràng trong báo cáo chính trị tại Đại hội chi bộ. Vì vậy Báo cáo chính trị Đại hội chi bộ được xây dựng đúng tinh thần đó sẽ là cơ sở dữ liệu quan trọng để Đại hội các cấp trên mang đầy hơi thở thực tiễn khách quan, phản ánh chân thực, sinh động quá trình tổ chức

thực hiện quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước trong mọi mặt của đời sống nhân dân.

Đề nâng cao chất lượng xây dựng Báo cáo chính trị Đại hội chi bộ, trước hết trong quá trình xây dựng Báo cáo chính trị, các chi ủy cần phải có thái độ nghiêm túc, cầu thị, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, thực hành dân chủ rộng rãi, biết lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên, người lao động, nhân dân... Trên cơ sở chấp hành tốt nguyên tắc tập trung dân chủ để phân tích, đánh giá sâu sắc mọi mặt hoạt động của chi bộ, của đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiệu quả triển khai các chủ trương nghị quyết, niềm tin của nhân dân (đối với chi bộ thôn, xóm, tổ dân phố), cán bộ công chức, viên chức (đối với chi bộ cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp); những kết quả đã đạt được và hạn chế, yếu kém trên các mặt, các nội dung công việc... Đặc biệt phải phân tích làm rõ những thuận lợi, khó khăn, những mâu thuẫn đang đặt ra cho sự lãnh đạo của chi bộ và phong trào của đơn vị để từ đó trên cơ sở quán triệt các định hướng nhiệm vụ chính trị của cấp trên, chi bộ phải xác định đúng nội dung nhiệm vụ chính trị của nhiệm kỳ, nhất là chỉ ra các điểm, các mũi nhọn đột phá.

Là văn kiện quan trọng nhất để lãnh đạo tổ chức đảng xuyên suốt một nhiệm kỳ, Báo cáo chính trị phải là văn bản có chất lượng cao nhất của ban soạn thảo, tập thể đảng viên mà đặc biệt là lãnh đạo chủ chốt của chi bộ. Đó phải là văn bản thực sự kết tinh lập trường tư tưởng, trí tuệ của tập thể đảng viên. Do đó, xây dựng báo cáo chính trị đòi hỏi một sự làm việc nỗ lực, nghiêm túc, phát huy dân chủ, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm cao nhất của tập thể đảng viên trong chi bộ với một khung thời gian thỏa đáng, thậm chí mỗi bước chuẩn bị và tổ chức thực hiện phải được tiến hành trong thực tiễn suốt 30 tháng của một nhiệm kỳ theo đúng nghĩa./.

¹ Điều 21. Điều lệ Đảng Khóa XI

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC CHĂM SÓC, BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN NHÂN TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

*Trưởng phòng tổ chức, hành chính
thông tin tư liệu*

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc chăm lo sức khỏe cho toàn dân. Người xác định sức khỏe là vốn quý nhất của con người, là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của mọi công việc, thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người từng nói: “Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe... Dân cường thì quốc thịnh” [1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ý thức rằng: “Sức khỏe của cán bộ và nhân dân được đảm bảo thì tinh thần càng hăng hái. Tinh thần và sức khỏe đầy đủ thì kháng chiến càng nhiều thắng lợi, kiến quốc càng mau thành công” [2]. Do đó, bảo vệ sức khỏe là trách nhiệm của mọi người dân, là nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước, nhưng ngành y tế giữ vai trò nòng cốt, vì đây là lĩnh vực quan trọng, trực tiếp chăm lo sức khỏe cho con người. Người yêu cầu hoạt động y tế trong chăm sóc sức khỏe nhân dân phải thực hiện phương châm dự phòng là chính, kết hợp phòng bệnh với chữa bệnh và kết hợp đông - tây y theo nguyên tắc khoa học, dân tộc, đại chúng. Theo đó, “cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn” [3] và “Lương y phải như từ mẫu”. Bên cạnh việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân của ngành Y tế, thì mỗi người dân phải nêu cao ý thức bảo vệ sức khỏe của mình trong xây dựng xã

hội mới bằng việc thường xuyên luyện tập thể dục, phải quan tâm đến giữ gìn vệ sinh. Mỗi hoạt động lớn hay nhỏ, ở từng con người, từng tập thể hay đơn vị, địa phương nếu có lợi cho sức khỏe, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều cho đó là thể hiện tinh thần yêu nước. Người coi thể dục là biện pháp tốt để rèn luyện sức khỏe, thân thể khỏe mạnh. Người gọi phong trào diệt muỗi của nhân dân là “vệ sinh yêu nước” vì nó không chỉ liên quan đến công tác vệ sinh mà nó còn có ý nghĩa về mặt chính trị, kinh tế và văn hóa. Người còn yêu cầu: “Trong nhà ngoài vườn, luôn luôn sạch sẽ gọn gàng” [4], “đường sá phải sạch sẽ. Ao tắm giặt, giếng nước uống phải phân biệt và săn sóc cẩn thận. Những ao hồ không cần thì lấp đi, cho đỡ muỗi” [5]. Vì theo Người, “sạch sẽ tức là một phần đời sống mới. Sạch sẽ thì ít đau ốm. Sức khỏe thì làm được việc, làm được việc thì có ăn. Xem đó thì biết rằng ai cũng nên làm đời sống mới” [6].

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước ta luôn xác định chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và của cả hệ thống chính trị. Điều đó được thể hiện qua Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/01/1993 (khóa VII) về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân và Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 (khóa VIII) của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình

hình mới. Đặc biệt từ văn kiện Đại hội VIII đến Đại hội XII của Đảng, vấn đề chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân đã được đề cập thành mục tiêu riêng; ngoài ra, một số nghị quyết của Đảng đối với các lĩnh vực khác có tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến ngành y tế như: chính sách an sinh xã hội; xã hội hóa dịch vụ công; đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, xây dựng nông thôn mới... Nhờ đó, hệ thống chính sách, pháp luật từng bước được hoàn thiện, phù hợp thực tiễn đời sống và xu thế của thời đại. Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, đủ khả năng triển khai hiệu quả phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận, tiếp nhận các dịch vụ y tế cũng như ứng phó kịp thời thiên tai, thảm họa. Các cơ sở y tế công lập được củng cố và phát triển cả về số lượng, chất lượng và quy mô; y tế dự phòng được tăng cường, đã kiểm soát và phòng, chống tốt, không để dịch bệnh lớn xảy ra; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu đã được củng cố, mở rộng dịch vụ y tế cho tuyến xã, thí điểm thực hiện quản lý một số bệnh mãn tính như hen, tăng huyết áp, đái tháo đường tại cộng đồng, góp phần giảm tải cho tuyến trên. Tình trạng sức khỏe của người dân Việt Nam được cải thiện đáng kể, tuổi thọ trung bình của người dân đã đạt hơn 73,1 tuổi, cao hơn nhiều so với một số nước có cùng trình độ phát triển; là điểm sáng trong việc đạt các Mục tiêu Thiên niên kỷ; tiếp cận và ứng dụng hiệu quả các kỹ thuật tiên tiến phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ngày càng tăng. Chính sách tài chính y tế có nhiều đổi mới; diện bao phủ bảo hiểm y tế ngày càng được mở rộng, hướng tới BHYT toàn dân; đổi mới cơ chế tài chính y tế hướng tới tính

đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế, chuyển dần việc đầu tư ngân sách Nhà nước trực tiếp cho các cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người thụ hưởng chính sách thông qua hệ thống BHYT, Nhà nước chỉ bao cấp cho người nghèo, trẻ em dưới sáu tuổi, người trong diện chính sách và hỗ trợ một phần kinh phí cho người cận nghèo mua thẻ bảo hiểm y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, từng bước nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017)

Tuy nhiên, thực tế hiện nay công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, do một số cơ chế, chính sách chưa được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp xu thế thế giới và tình hình mới trong nước, nhất là nhu cầu cần được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe ngày càng cao và đa dạng. Trong khi đó, mô hình bệnh tật có sự thay đổi cơ bản, từ các bệnh truyền nhiễm là chủ yếu sang các bệnh không lây nhiễm, tai nạn, thương tích. Mặt khác, tốc độ già hóa dân số đòi hỏi phải đổi mới hệ thống chăm sóc sức khỏe để đáp ứng sự thay đổi của mô hình bệnh tật và thích ứng với già hóa dân số. Nhiều yếu tố ảnh hưởng xấu đến sức khỏe như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thực phẩm không an toàn, dịch bệnh; các hành vi, lối sống có hại cho sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu, bia, các tệ nạn ma túy, đòi hỏi phải có những giải pháp mạnh và sự tham gia quyết liệt của cả hệ thống chính trị.

Để nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đây là một trong

những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Thống nhất trong nhận thức, quyết tâm trong hành động của cả hệ thống chính trị và của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình, cộng đồng. Đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong thực thi các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể.

- Hai là, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đảm bảo mọi người dân được tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút các bác sĩ, dược sĩ về làm việc tại tuyến huyện và xã, vùng khó khăn. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và mỗi người dân nhằm thay đổi hành vi, lối sống để phòng bệnh và nâng cao sức khỏe. Xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, vệ sinh, chủ động phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ba là, từng bước triển khai thực hiện lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe đến từng người dân. Tập trung chỉ đạo các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến. Củng cố hệ thống tổ chức mạng lưới và tăng cường năng lực cấp cứu ở cả 3 tuyến tỉnh, huyện, xã.

- Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện tốt lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng bệnh viện, phấn đấu tất cả cơ sở khám, chữa bệnh nâng điểm chất lượng theo tiêu chí của Bộ Y tế.

- Năm là, tăng cường công tác quản lý chất thải y tế, bảo đảm các điều kiện vệ sinh môi trường trong các cơ sở y tế. Khuyến

khích phát triển y tế tư nhân. Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Đẩy mạnh công tác phát triển y dược cổ truyền, đẩy mạnh kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe. Tăng cường công tác vận động, kêu gọi đầu tư, huy động các nguồn lực hợp tác quốc tế cho công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế. Sử dụng các nguồn lực hợp lý, hiệu quả....

Hiện nay đất nước ta đang ngày càng tham gia hội nhập quốc tế sâu, rộng, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thì cần thiết phải có sự đầu tư phát triển nguồn nhân lực phát triển toàn diện, trong đó sức khỏe là yếu tố quan trọng hàng đầu. Do vậy, việc đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới càng trở nên cần thiết. Qua đó, góp phần đào tạo đội ngũ “thế hệ cách mạng cho đời sau” khỏe về thể chất, mạnh về tinh thần để phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

(1). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tập 4, tr.241

(2). Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 8, tr.154.

(3). Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 9, tr.34.

(4). Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 5, tr.118; (5), tr.119; (6), tr.114;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 32 -NQ/TW NGÀY 26/5/2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ

*Phó trưởng Phòng Quản lý đào tạo và
nghiên cứu khoa học*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên về lý luận chính trị giữ một vai trò, ý nghĩa hết sức quan trọng trong mọi giai đoạn cách mạng của Đảng ta. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong các giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam: *“Đảng ta tổ chức trường học lý luận cho cán bộ để nâng cao trình độ lý luận của Đảng ta để giải quyết sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng và tình hình thực tế của Đảng ta, để Đảng ta có thể làm tốt hơn công tác của mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng vĩ đại của mình”*⁽¹⁾.

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định nhằm tăng cường sự lãnh đạo đối với việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Theo đó, đã tạo được nhiều chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng từ Trung ương tới địa phương, xây dựng được đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm trước các nhiệm vụ chính trị được giao.

Trong thời kỳ đổi mới, xác định yêu cầu đặt ra đối với nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ ngày càng cao, do đó công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phải được đổi mới theo hướng sát thực, hiệu

quả gắn với việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi chức danh cán bộ, đảng viên các cấp. Ngày 12/5/1999, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 54-QĐ/TW về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng. Quy định đã xác định nguyên tắc là *“Việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị được thực hiện gắn với việc tiêu chuẩn hoá đối với cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội; kết quả học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đánh giá tư cách đảng viên và tổ chức đảng trong sạch vững mạnh”*. Những nguyên tắc cốt lõi này đã từng bước được các cấp ủy đảng quán triệt một cách nghiêm túc, được cụ thể hóa thành nhiều chủ trương, chính sách thiết thực, tạo bước chuyển mới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói riêng và xây dựng hệ thống chính trị các cấp nói chung.

Khẳng định tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, ngày 26/5/2014 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 32 -NQ/TW *“về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo quản lý”*. Nghị quyết đã xác định mục tiêu đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là: *“tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*

có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực, phong cách làm việc hiệu quả đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Để thực hiện mục tiêu mà nghị quyết số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định, trước mắt, cần tập trung một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ là nhiệm vụ của các tổ chức đảng, chính quyền và của cả hệ thống chính trị. Nhiệm vụ ấy chỉ thực sự đạt kết quả cao khi chủ thể tiến hành nó có nhận thức đúng đắn, đầy đủ để hành động tự giác. Thực tiễn công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong thời gian qua cho thấy, một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên, theo đó chưa cử cán bộ đi học đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo chức danh, vị trí công tác; cử cán bộ đi đào tạo nhưng chưa gắn với quy hoạch, chưa đảm bảo tính tuần từ trong đào tạo, bồi dưỡng. Cá biệt một số đơn vị không muốn bố trí cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, hoặc chỉ bố trí đi học các lớp tại chức với lý do địa phương, đơn vị đang bận nhiều công việc. Như vậy, rõ ràng là một số cấp ủy và người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Để khắc phục tình trạng này, cấp ủy các cấp cần tăng cường kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đối với cán bộ đảng viên về việc chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước về nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên nhằm kịp thời chấn chỉnh nhận thức lệch lạc và xử lý nghiêm các vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong

việc chấp hành các nghị quyết, quy định của Đảng, Nhà nước về chế độ học tập lý luận chính trị. Đặc biệt phải quán triệt việc chuẩn hóa trình độ lý luận chính trị trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí cán bộ.

Thứ hai, tăng cường phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo các cấp, các ngành với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một quy trình khoa học. Ngoài sự nỗ lực của học viên, sự cố gắng của giảng viên thì không thể thiếu sự phối hợp của các cơ quan liên quan, đặc biệt là các địa phương, đơn vị cử người đi học. Chính vì vậy, trước hết phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa cơ sở đào tạo, bồi dưỡng với các địa phương, các ngành đối với công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và dài hạn. Sự phối hợp sẽ giúp cho cấp ủy, chính quyền các cấp và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chủ động hơn trong việc chọn cử cán bộ đi học, theo đó chủ động được nguồn cán bộ đủ tiêu chuẩn, điều kiện để thực hiện các khâu như quy hoạch, bổ nhiệm, tránh được sự lúng túng trong việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng dẫn đến làm xuất hiện tình trạng xin cho trong việc cử cán bộ đi học. Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng sẽ chủ động được việc xây dựng kế hoạch chiêu sinh, mở lớp, xác định được nội dung trọng tâm trong từng giai đoạn của công tác đào tạo, bồi dưỡng theo đó từng bước đáp ứng được yêu cầu thiết yếu của thực tiễn. Mặt khác, trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng cần tăng cường phối hợp quản lý và đánh giá chất lượng học viên từ đánh giá ý thức, thái độ học tập đến đánh giá kết quả vận dụng những tri thức đã được lĩnh hội vào việc thực hiện nhiệm vụ ở các địa phương, đơn vị, trong đó cần chú trọng đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng một cách thường xuyên, liên tục. Công tác đánh giá sau đào tạo mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá tăng giảm số lượng đào

tạo, bồi dưỡng và tỷ lệ cán bộ theo các chức danh đã được đào tạo, bồi dưỡng mà chưa chú trọng đánh giá mức độ chuyển biến trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của mỗi vị trí, chức danh cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng. Hiệu quả của công tác phối hợp đánh giá học viên sau đào tạo, bồi dưỡng sẽ giúp cấp ủy, chính quyền các cấp nhìn nhận chính xác, khách quan, khoa học về năng lực thực sự của cán bộ, đảng viên. Về phía các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng sẽ có căn cứ để xây dựng, bổ sung chương trình nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trước những yêu cầu nhiệm vụ mới.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm chính trị cấp huyện

Cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, quan tâm sâu sắc đến chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường chính trị cấp tỉnh. Phải tập trung xây dựng trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực sự là trung tâm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của địa phương. Cần phải có những chủ trương, chính sách thiết thực tạo đà thúc đẩy chất lượng hoạt động của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng này. Đề từng bước thực hiện được mục tiêu đó, trước hết cần thống nhất và quán triệt các nhiệm vụ và giải pháp được nêu tại Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030, nhất là “*Kiến toàn tổ chức và hoạt động của trường chính trị tỉnh, thành phố; sáp nhập hoặc chuyển nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác (nếu có) về trường chính trị tỉnh, thành phố. Thống nhất ở cấp tỉnh chỉ có 01 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là trường chính trị*”. Mặt khác, cần quan tâm đến việc xây dựng chất lượng đội ngũ giảng

viên tại các trường chính trị cấp tỉnh, cần có cơ chế, chính sách đặc thù để khuyến khích động viên đội ngũ giảng viên cơ hữu tại các trường chuyên tâm hơn nữa đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đồng thời, linh hoạt sử dụng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, các ngành nhằm tăng cường thêm tri thức và kinh nghiệm thực tiễn phong phú, đa dạng trong công tác lãnh đạo, quản lý cho học viên thuộc các hệ đào tạo, bồi dưỡng khác nhau. Cần có chính sách luân chuyển, biệt phái có thời hạn đội ngũ giảng viên các trường chính trị cấp tỉnh về công tác tại các xã, các phòng ban chuyên môn cấp huyện và một số sở, ban ngành đoàn thể cấp tỉnh nhằm trang bị những kinh nghiệm từ thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý, từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên sắc bén về lý luận am hiểu thực tiễn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hiện nay. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm chính trị cấp huyện thật sự ngang tầm nhiệm vụ, giúp cấp ủy, chính quyền cấp huyện đào tạo, bồi dưỡng và phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp trên tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ địa phương theo quy định được phân cấp. Trước mắt là thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ được quy định tại Quy định số 208 - QĐ/TW ngày 8/11/2019 của Ban Bí thư TW Đảng.

Thứ tư, đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cán bộ, công chức, viên chức

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phải được xây dựng để đáp ứng yêu cầu bổ sung kiến thức, kỹ năng mà cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu hụt. Chú trọng cung cấp kiến thức để làm rõ những vấn đề mới về lý luận, chứ không phải cung cấp cho họ những kiến thức, kỹ năng mà họ đã biết, đã có hoặc không còn

Xem tiếp trang 24

XÂY DỰNG CHI BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



ThS. NGUYỄN VIỆT SƠN

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Ngay từ buổi đầu đề xuất tư tưởng xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đề ra việc xây dựng hệ thống tổ chức từ dưới lên trên, từ chi bộ, khu bộ, tổng khu bộ đến cơ quan lãnh đạo tối cao là Ban Chấp hành Trung ương, Đại hội đại biểu của Đảng. Hai ông chỉ rõ, trên thực tế để thực hiện xây dựng tổ chức cơ sở đảng từ chi bộ, nên trở thành trung tâm và hạt nhân trong công đoàn cũng như trong các tổ chức quần chúng xã hội khác.

Tiếp thu những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chính đảng của giai cấp vô sản, trong công tác xây dựng đảng, một trong những vấn đề Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu là công tác xây dựng chi bộ. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng muốn mạnh trước nhất phải có mạng lưới chi bộ vững mạnh. Bởi vì, chi bộ là hạt nhân nòng cốt, là nền tảng của tổ chức Đảng cơ sở, cho nên phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, mà trọng tâm là công tác xây dựng chi bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của chi bộ Đảng đối với công tác xây dựng Đảng và của toàn bộ sự nghiệp cách mạng, mà Người còn đi sâu phân tích và đưa ra những luận điểm mới về công tác xây dựng chi bộ. Vì vậy có thể nói, Người đã góp phần bổ sung, phát triển các nguyên lý mácxít về vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản, đặc biệt trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Vai trò của chi bộ dù ở giai đoạn cách mạng nào cũng là hạt nhân. Hồ Chí Minh khẳng định: “Chi bộ là đồn lũy của Đảng

chiến đấu ở trong quần chúng”⁽¹⁾; “Chi bộ là gốc rễ của Đảng ở trong quần chúng. Chi bộ tốt thì mọi chính sách của Đảng đều được thi hành tốt, mọi công việc đều tiến bộ không ngừng. Trái lại, nếu chi bộ kém thì công việc không trôi chảy”⁽²⁾. Đó là một quan niệm thật sự chuẩn xác về vị trí, vai trò hạt nhân của chi bộ đảng trong hệ thống tổ chức Đảng.

Nhằm củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò của chi bộ đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh căn dặn, phải không ngừng hoàn thiện phương thức hoạt động, lề lối làm việc cho phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở. Chẳng hạn, với chi bộ ở cơ quan, Người yêu cầu: “Phải thật sự mở rộng dân chủ trong cơ quan. Phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình...”; “mỗi một đảng viên phải xung phong làm gương mẫu trong mọi việc”⁽³⁾.

Đối với chi bộ ở nông thôn, phải có hình thức tổ chức, nội dung sinh hoạt, phương thức lãnh đạo phải khác với các chi bộ ở cơ quan, đơn vị hành chính, các chi bộ công nhân trong nhà máy, xí nghiệp... Người nói: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng ở nông thôn. Chi bộ vững mạnh thì mọi chính sách của Đảng và Chính phủ nhất định thi hành được tốt. Muốn vững mạnh, thì tất cả đảng viên trong chi bộ phải thật thà đoàn kết nhất trí”⁽⁴⁾. Như vậy, theo Người, trong công tác tổ chức lãnh đạo của Đảng, cần phải hết sức chú ý đến tính đặc thù trong công tác xây dựng chi bộ ở các đơn vị, lĩnh vực, ngành nghề khác nhau. Tất nhiên, theo Hồ Chí Minh: “Là đảng viên

Đảng Lao động Việt Nam, thì dù xuất thân từ thành phần khác nhau, cũng đều chung một đại gia đình cách mạng, đều chung một mục đích là xây dựng chủ nghĩa xã hội, đều chung một lập trường là lập trường của giai cấp công nhân”⁽⁵⁾.

Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của chi bộ trong quan hệ với hệ thống tổ chức của Đảng, quan hệ với các tổ chức của hệ thống chính trị và quan hệ trực tiếp với nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, cần xác định vai trò của chi bộ trong ba loại quan hệ chủ yếu, đồng thời cần hết sức chú trọng trong quan hệ tương tác giữa chi bộ với các đối tượng khác.

Một là, đối với bản thân Đảng, chi bộ là tổ chức hạt nhân quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, theo Hồ Chí Minh: “Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”⁽⁶⁾. Do đó: “cần phải ra sức củng cố các chi bộ, để tất cả các chi bộ trở nên thật sự là hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở mọi bộ, mọi ngành, mọi nghề, mọi nơi”⁽⁷⁾.

Hai là, quan hệ giữa chi bộ và đảng viên; chất lượng đảng viên quyết định chất lượng chi bộ; chi bộ là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và cũng là nơi giám sát đảng viên. Hồ Chí Minh xác định: “Đảng viên tốt thì chi bộ mới tốt. Muốn đảng viên tốt thì chi bộ phải thường xuyên giáo dục mỗi đồng chí. Nhiệm vụ của đảng viên là gì? Tư cách của đảng viên là thế nào? Đồng thời giúp đỡ đảng viên hằng ngày tự kiểm điểm mình”⁽⁸⁾.

Ba là, vai trò của chi bộ các khu vực dân cư, địa bàn sinh sống, trong quan hệ giữa Đảng và quần chúng, chi bộ là cầu nối giữa Đảng và quần chúng. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng. Nhiệm vụ của chi bộ là: luôn luôn tuyên truyền cho nhân dân và

tổ chức nhân dân, để thực hiện khẩu hiệu và chính sách của Đảng; luôn luôn chú ý đến tư tưởng và nhu cầu của nhân dân và kịp thời báo cáo cho cấp trên biết rõ; luôn luôn quan tâm đến đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa của nhân dân, đồng thời giáo dục nhân dân, tổ chức nhân dân để giải quyết các vấn đề cho nhân dân; chỉ có làm đầy đủ những công việc ấy, thì Đảng mới liên hệ chặt chẽ với quần chúng”⁽⁹⁾.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ đảng viên, nhất là các cấp ủy Đảng, với tư cách là người lãnh đạo, phải có ý thức coi trọng công tác xây dựng chi bộ. Bởi chi bộ là sợi dây, là chiếc cầu nối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Chỉ khi xây dựng được hệ thống tổ chức chi bộ tốt, Đảng mới xây dựng được mối quan hệ gắn bó bền chặt, máu thịt trong nhân dân, tạo nên niềm tin, nguồn sức mạnh, sự thống nhất của toàn Đảng, toàn dân và đó cũng chính là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Một trong những phương châm Hồ Chí Minh chỉ đạo để xây dựng chi bộ vững mạnh, trở thành chiếc cầu nối thực sự giữa các cấp ủy đảng với hệ thống chính trị và nhân dân là công tác chỉnh đốn, tự phê bình và phê bình trong Đảng. Vấn đề “thanh đảng” có thể phù hợp với một số đảng chính trị cảm quyền trên thế giới, nhưng ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ chủ trương “chỉnh đốn Đảng”, coi đó là cách làm phù hợp, trở thành nhu cầu tồn tại và phát triển của Đảng. Vấn đề cốt lõi là ở chỗ: “Chi bộ tốt là do các đảng viên tốt”, do đó, Người đặc biệt chăm lo xây dựng đội ngũ cốt cán trong các chi bộ cơ sở. Chính Người đã khởi xướng cuộc vận động xây dựng “Chi bộ bốn tốt”; “Đảng bộ bốn tốt” và trực tiếp lãnh đạo, tổ chức, duy trì, đẩy mạnh phong trào này trong toàn Đảng cho đến phút cuối đời. Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Hồ Chí Minh căn dặn, muốn Đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có đủ năng lực lãnh đạo, hoàn thành

nhệm vụ cách mạng, mỗi cán bộ đảng viên, từ Trung ương đến các chi bộ, “cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁽¹⁰⁾. Để làm được điều đó: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽¹¹⁾.

Từ những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam sớm nhận thức một cách sâu sắc và vận dụng vào công tác xây dựng Đảng, khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chi bộ và tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng chi bộ trở thành hạt nhân lãnh đạo: “Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở”⁽¹²⁾. Trong nhiều văn kiện quan trọng, Đảng ta luôn xác định vai trò, chức năng của tổ chức cơ sở đảng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng nhấn mạnh: “Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở”⁽¹³⁾.

Tiếp tục khẳng định vai trò hạt nhân lãnh đạo của chi bộ và tổ chức cơ sở đảng, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII nhấn mạnh: “Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kiện toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, gần dân, sát dân, có trách nhiệm cao trong công việc, có phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ

chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng...kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước”⁽¹⁴⁾.

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng ta là đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, hơn lúc nào hết phải vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong bối cảnh và điều kiện mới. Cụ thể là phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 6 tháng 7 năm 2018 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII của Đảng, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Đồng thời, phải xác định rằng, đây là mặt trận đấu tranh đặc biệt gay go, phức tạp, nhất là vấn đề đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong Đảng và trong xã hội. Do đó, yêu cầu mỗi chi bộ, mỗi đảng viên phải nêu cao tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với các biểu hiện tư tưởng lệch lạc, sai lầm, phản động, độc hại, bảo vệ nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng, bảo vệ chế độ chính trị, giữ vững niềm tin của nhân dân với Đảng với Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Công tác xây dựng đảng nói chung, xây dựng chi bộ nói riêng phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, đặc thù, hoàn cảnh của từng chi bộ, chú trọng các mối quan hệ chủ yếu của chi bộ. Để nâng cao sức mạnh của chi

bộ, trước hết phải chú ý đến chất lượng đảng viên, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên, bên cạnh đó, công tác kiểm tra của Đảng phải được coi trọng và thường xuyên; công tác phê bình và tự phê bình nhằm phát huy tinh thần dân chủ của đảng viên trong chi bộ; đổi mới sinh hoạt chi bộ cả về hình thức và nội dung, thời gian sinh hoạt chi bộ sao cho sát hợp với từng cơ sở, đối tượng. Chỉ có như vậy, công tác xây dựng Đảng mới có hiệu quả, Đảng mới đảm bảo được vai trò lãnh đạo của mình, hoàn thành sứ mệnh cách mạng và trọng trách mà nhân dân tin tưởng giao phó trong tình hình mới./.

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, NXB. CTQG.H. 2000. tr.242.

(2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Sđd, tr. 161.

(3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 268-269.

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Sđd, tr. 317.

(5) Sđ d, tr. 317.

(6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Sđd, tr. 92, 80.

(7) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 271.

(8) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Sđd, tr. 92, 80.

(9) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 243.

(10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, NXBCTQG.H..2000, tr. 516-517.

(11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, NXBCTQG.H..2000, tr.

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 31.

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 142-143.

(14) Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội lần thứ XII*, NXB.CTQG.Hà Nội 2016, tr.

TIẾP TỤC THỰC HIỆN...

(Xem tiếp trang 20)

phù hợp. Ngoài chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính như hiện nay, cần thực hiện tốt các chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức ngắn ngày, tập trung vào các nội dung thiết thực, phù hợp với đặc điểm công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo từng vị trí, chức danh công tác và lĩnh vực khác nhau, đồng thời linh hoạt trong việc biên soạn và thực hiện chương trình. Xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên biệt, cơ bản, cập nhật, hiện đại, phù hợp thực tiễn và có tính liên thông, như: chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị; bồi dưỡng chức danh; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức. Phải thực hiện triệt để nội dung của Nghị quyết số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị là *“Xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp, thời gian đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chọn lọc, thiết thực, phù hợp với từng loại chức danh cán bộ. Nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian đào tạo phù hợp, bảo đảm tính kế thừa, thống nhất; bậc đào tạo càng cao, nội dung càng chuyên sâu, tránh trùng lặp nội dung ở các hệ, bậc học dưới. Chú trọng hơn về phương pháp luận, tính định hướng, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, kỹ năng công tác và phong cách lãnh đạo, quản lý.*

Việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị đòi hỏi phải có sự vào cuộc quyết liệt, kiên trì, kiên quyết của cả hệ thống chính trị, nhất là các cơ quan tham mưu về công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Đảng, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của các cơ quan từ Trung ương tới địa phương với mục đích cuối cùng là xây dựng được đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, trình độ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tác phong công tác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị đang đặt ra ngày càng cao đối với các địa phương, cơ sở, các cấp, các ngành trong giai đoạn hiện nay./.

1- Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8, Nxb CTQG, tr.492.

TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GẮN BÓ MÁU THỊT GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN THỊ LAM

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3/2/1930 là sự kiện lịch sử trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ đó đến nay, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành những cuộc đấu tranh lâu dài, đầy gian khổ, hy sinh giành độc lập, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được xác lập trong thực tiễn đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước, được nhân dân tin tưởng và thừa nhận. Hiến pháp 2013 đã khẳng định: *“Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, với Đảng: *“Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh”*; *“Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”*⁽¹⁾. Quán triệt quan điểm đó, trong nhiều văn kiện, Đảng ta khẳng định, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Cơ sở quyết định nhất của mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là lợi ích

của nhân dân trong tương quan lợi ích giai cấp - dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán tư tưởng về sự thống nhất quyền lợi của các giai cấp và của cả dân tộc. Người viết: *“Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”*⁽²⁾. Người coi lợi ích dân tộc là mục tiêu chung của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội; đồng thời, Người cũng coi lợi ích của giai cấp công nhân, lợi ích của dân tộc và loài người cũng là lợi ích của Đảng. Từ đó, Người tiếp tục khẳng định: *“Đảng không phải chỉ đại biểu lợi ích của đảng viên, mà đại biểu lợi ích của toàn giai cấp công nhân, toàn thể dân tộc và loài người... Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và loài người, Đảng không có mục đích gì khác”*⁽³⁾.

Từ những quan điểm lý luận cốt lõi đó, Đảng ta đã xây dựng thành công mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập và gần 40 năm đổi mới đất nước.

Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến kiến quốc nhưng nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, theo cách mạng, sẵn sàng nghe và làm theo cán bộ, sẵn sàng nuôi, dưỡng cán bộ, bảo vệ cán bộ. Nhân dân ta đã hoàn toàn tin tưởng ở đường lối của Đảng, tin vào phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên tin vào tương lai tươi sáng khi đất nước được độc lập, thống

nhất. Niềm tin ấy được xây đắp từ mối quan hệ bền chặt, gắn bó mật thiết, máu thịt giữa nhân dân với Đảng. Đảng hy sinh đấu tranh cho hạnh phúc của Nhân dân, cho độc lập, tự do của Tổ quốc, nhân dân đùm bọc, chở che, nuôi dưỡng Đảng. Kết quả toàn Đảng, toàn dân đã giành thắng lợi trong: cách mạng tháng 8/1945, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Đại thắng Mùa xuân 1975 vĩ đại. Từ đây đất nước ta bắt đầu một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hoà bình thống nhất độc lập và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện hòa bình, Đảng ta những tập trung giải quyết những lợi ích thiết thực của người dân như quyền tự do, dân chủ, các vấn đề dân sinh, dân trí, niềm tin của Nhân dân với Đảng thể hiện trên nhiều phương diện, trước hết là sự quan tâm, hưởng ứng tích cực thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; tham gia các cuộc bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp; tham gia góp ý vào xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; đóng góp ý kiến phê bình tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên; tham gia bồi dưỡng kết nạp quần chúng và Đảng. Đồng thời, toàn dân đã thực hiện phong trào lao động sản xuất, thi đua yêu nước với những kết quả lớn. Nhờ đó, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, khoảng cách giữa nông thôn với đô thị ngày càng được xích lại gần. Hệ thống chính sách về người có công, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, y tế cho người dân được quan tâm, cải thiện rõ nét. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua đạt khá cao 6,8% . GDP bình quân đầu người tăng từ 1.332 USD năm 2010 lên 2.768 USD/người. Tỷ lệ hộ nghèo chuẩn đa chiều giảm 1 - 1,5% (còn khoảng 3,73 - 4,23%), tỷ lệ thất nghiệp 1,98%. Chương trình xây dựng nông thôn mới có nhiều khởi sắc, đến hết 2019 có 54% số xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Chất lượng dịch vụ y tế được nâng lên đạt 8,6 bác sỹ, 27,5 giường bệnh trên 1 vạn dân, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 89,3%. Chất lượng giáo dục đào tạo và dạy nghề được nâng lên, xếp hạng đại

học tăng 12 lần, từ hạng 80 lên 68. Tuổi thọ của người dân ngày càng được nâng lên(4). Nhà nước đảm bảo công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống cho mọi hành viên trong xã hội về ăn ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, lợi ích cá nhân với lợi ích của tập thể và cộng đồng xã hội. Vị thế của Việt Nam trong đời sống quốc tế đã được cải thiện. Chúng ta đã tích cực hội nhập vào xu thế hòa bình và hợp tác quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy của nhiều nước trên thế giới và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đường lối của Đảng đã đáp ứng, giải quyết những nhu cầu lợi ích của toàn dân tộc. Nhờ đó những chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình tự đổi mới, phù hợp với bản chất và vai trò của một đảng chính trị lãnh đạo một nhà nước pháp quyền, tổ chức thành công một xã hội dân chủ là sứ mệnh lịch sử và thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng. Chủ trương, đường lối của Đảng được cụ thể hóa bằng các quy định, hướng dẫn, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trước khi đến với Nhân dân và được thực hiện bởi Nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chăm lo lợi ích vật chất, tinh thần của nhân dân; đảm bảo các quyền dân sinh, dân chủ và nâng cao dân trí, tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước được nhân dân bầu cử dân chủ, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, vì lợi ích của nhân dân, vì nhân dân phục vụ, qua đó góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, đồng thời góp phần tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Chúng ta khẳng định, Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng chủ trương, đường lối, nghị quyết và bằng công tác cán bộ. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước do chính đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện, đội ngũ cán bộ đó được Nhà nước đào tạo đã trở thành công bộc tận tụy phục vụ nhân dân. Quyền làm chủ của Nhân dân được tôn trọng và phát huy, thể hiện ở: Quyền ứng cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước; quyền được thông tin; quyền nói lên tiếng nói của mình; quyền được lao động, sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền được kiểm tra, giám sát; quyền được hưởng thụ thành quả lao động của mình, thành quả của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên việc quán triệt quan điểm của Đảng về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân vẫn còn hiện tượng như: một số địa phương, đơn vị vẫn còn né tránh, hoặc là làm qua loa, đại khái những việc liên quan đến phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nhiều cấp ủy, chính quyền chưa chú trọng huy động được đông đảo người dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Sự sa sút về lối sống, về những chuẩn mực đạo đức truyền thống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nạn tham nhũng, lãng phí và xa rời quần chúng đã vi phạm lợi ích nhân dân, làm ảnh hưởng xấu tới mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Thực tế đòi hỏi cần tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng trong giai đoạn hiện nay, để thực hiện điều đó đòi hỏi tổ chức Đảng các cấp thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục ban hành các chủ trương, đường lối, cơ chế để phát huy được vai trò làm chủ của người dân, coi trọng lợi ích của Nhân dân, phù hợp với bản chất và vai trò của một đảng chính trị lãnh đạo toàn

xã hội; tổ chức thành công một xã hội dân chủ thực sự.

Thứ hai, phải thường xuyên nâng cao được sức mạnh nội lực của Đảng, nêu cao tinh thần thẳng thắn, nghiêm túc tự phê bình và phê bình theo tinh thần nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và XII “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng”. Đảng càng có thái độ thẳng thắn bao nhiêu thì càng có uy tín đối với Nhân dân bấy nhiêu. Tăng cường sức mạnh của kỷ luật Đảng, làm cho Đảng có thể thường xuyên tiếp nhận tinh hoa của xã hội và đào thải những thành phần đã bị thoái hóa, biến chất. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng”⁽⁵⁾. Để thực hiện được điều đó, đòi hỏi Đảng phải không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn gương mẫu, tiêu biểu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt Quy định số 08-QĐi/TW của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Thứ ba, Đảng cần xây dựng được một thiết chế hiệu quả tự kiểm soát quyền lực có tính khoa học để thường xuyên cảnh báo về chất lượng nhân sự, đặc biệt là tính công khai, minh bạch về thông tin, một trong những phương thức tốt nhất để thúc đẩy mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân chủ động tham gia vào công việc giám sát nhân sự và đóng góp tích cực vào công việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

Thứ tư, các cấp ủy, tổ chức Đảng cần làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của

Xem tiếp trang 47

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN



ThS. NGUYỄN ANH TÂN

Giảng viên Khoa Nhà nước & Pháp luật

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản Di chúc thiêng liêng, trong đó Người đã căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽¹⁾.

Sinh thời Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Trước hết phải làm cho cán bộ, đảng viên thấy rõ vai trò của đạo đức cách mạng và mục đích của giáo dục đạo đức cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng dân tộc, giải phóng loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì”⁽²⁾.

Hồ Chí Minh coi đạo đức là cái gốc, cái nền tảng của người đảng viên. Theo Hồ Chí Minh, đối với con người, sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa, người cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng, vì sự nghiệp giành được độc lập cho dân tộc và xây dựng CNXH là sự nghiệp cách mạng khó khăn, gian khổ, to lớn và lâu dài. Muốn làm cách mạng thì

con người phải có cái tâm, cái đức trong sáng. Có đạo đức cách mạng làm nền tảng cán bộ, đảng viên mới nhận rõ được mục đích động cơ vào Đảng của mình.

Mỗi đảng viên, mỗi người cán bộ, từ trên xuống dưới phải hiểu rằng: mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân. Người nhấn mạnh: Làm đầy tớ nhân dân chứ không phải là “quan” nhân dân”⁽³⁾. Vào Đảng không phải để thăng quan tiến chức, “làm quan cách mạng để đầu cưỡi cổ nhân dân” mà để gánh vác nhiệm vụ cách mạng, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn, gian khổ, kể cả hy sinh tính mạng của mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới”⁽⁴⁾.

Theo Hồ Chí Minh trong giáo dục đạo đức cách mạng, một tấm gương sáng còn hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền, vì thế, Người thường xuyên nêu những tấm gương sáng để cán bộ, đảng viên học tập. Vì đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa đạo đức nhân loại; truyền thống với hiện đại; phương Đông với phương Tây, được hình thành và phát triển từ yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc; là sự kết hợp giữa nhân sinh quan cộng sản với các giá

trị đạo đức truyền thống của dân tộc. Do đó, muốn giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên thì phải không ngừng học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập về chuyên môn nghiệp vụ, học ở trường học, học ở đoàn thể, học ở Nhân dân để nâng cao hiểu biết của mình. Con người thực sự có đạo đức thì bao giờ cũng khiêm tốn, chịu khó học tập, phấn đấu để bồi dưỡng năng lực, nâng cao tài năng, trí tuệ của mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng giao phó.

Theo Hồ Chí Minh các phẩm chất tiêu biểu của đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và khiêm tốn, giản dị, yêu thương con người và phải có tinh thần quốc tế trong sáng.

Người cán bộ, đảng viên giữ được cần, kiệm, liêm, chính thì sẽ chí công vô tư, luôn có ý thức phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc, của Đảng lên trên hết, trước hết.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên phải chú trọng cả đức lẫn tài. Để làm tròn nhiệm vụ cách mạng của mình, người cán bộ, đảng viên vừa phải có đạo đức, vừa có tài năng, vừa có phẩm chất, vừa có năng lực. Hai mặt đó gắn bó chặt chẽ với nhau, không được thiếu mặt nào. Phẩm chất, năng lực của cán bộ, đảng viên phải căn cứ vào hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, chứ không phải căn cứ vào lời nói về đạo đức, khoe khoang về tài năng.

Đạo đức của cán bộ, đảng viên là phải hòa mình với nhân dân, vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Cán bộ, đảng viên là cầu nối giữa Nhân dân với Đảng, phải hòa mình với quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Lời nói và việc làm của cán bộ, đảng viên làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết chặt chẽ, tổ chức

tuyên truyền vận động quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng. Hồ Chí Minh phê phán những cán bộ, đảng viên theo đuôi quần chúng hoặc làm những việc quan liêu mệnh lệnh, gò ép quần chúng, coi thường nhân dân.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh nội dung tự giáo dục, tự rèn luyện, chống chủ nghĩa cá nhân, phải phấn đấu tu dưỡng của cá nhân bền bỉ hằng ngày, gạt bỏ mọi cảm dỗ của đời thường, để không ngừng tiến bộ, bởi vì học cái tốt thì khó, ví như người ta leo núi phải vất vả và khó nhọc mới lên đến đỉnh. Học cái xấu thì dễ như ở trên đỉnh núi chỉ trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta đã chú trọng việc giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cho cán bộ, đảng viên và luôn coi đây là vấn đề quan trọng, cấp bách hiện nay. Đại hội lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh: “Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện lời Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Chống tư tưởng cơ hội thực dụng”(5).

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân đang thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, để giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cần tập trung mấy điểm sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc quán triệt những phẩm chất đạo đức cách mạng đến mỗi cán bộ, đảng viên, vì muốn thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” thì trước hết, cán bộ, đảng viên phải là những người nắm vững, đầy đủ những

phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới; thấm nhuần và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, công tác thiết thực làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Việc quán triệt các phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên phải được tiến hành thường xuyên ở các cấp bộ đảng, nhất là chi bộ, nơi đảng viên trực tiếp sinh hoạt hàng ngày.

Thứ hai, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, xây đi đôi với chống, vì chủ nghĩa cá nhân luôn luôn là kẻ thù của đạo đức cách mạng. Khi kinh tế thị trường càng phát triển, giao lưu hợp tác quốc tế càng mở rộng thì chủ nghĩa cá nhân càng có cơ hội phát triển. Vì vậy, các tổ chức đảng cần coi trọng chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau.

Thứ ba, để hạn chế mặt trái, mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, Đảng cần vận dụng tốt hơn nữa tư tưởng Hồ chí Minh về xây dựng đảng, phải có những biện pháp cấp bách và lâu dài. Phải đặt vấn đề giáo dục đạo đức là biện pháp quan trọng hàng đầu và thường xuyên trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước. Giáo dục rèn luyện cán bộ, đảng viên phải được chú trọng không chỉ trong học tập nghị quyết, chủ trương của Đảng mà ngay cả trong sinh hoạt thường kỳ của các cấp ủy Đảng, trong các cơ quan Nhà nước và đoàn thể.

Thứ tư, đối với tổ chức cơ sở đảng, cần phải thường xuyên giáo dục nâng cao đạo đức bằng cách coi trọng và nâng cao chất lượng trong sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình; “Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên gắn với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đẩy mạnh và bảo đảm chất lượng công tác phát triển đảng. Chú trọng trẻ hóa và nâng cao trình

độ của đảng viên; lấy đạo đức làm gốc, đồng thời bồi dưỡng về kiến thức, trí tuệ, năng lực để làm tròn nhiệm vụ người lãnh đạo, người đi tiên phong trong các lĩnh vực được giao”(6). Không ngừng củng cố, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng, có quy định nghiêm ngặt đối với các cán bộ, đảng viên có quan hệ nhiều đến tiền bạc, hàng hóa, tài sản của Nhà nước, của Nhân dân. Đồng thời thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra của Đảng.

Thứ năm, đối với cán bộ, đảng viên phải tự mình phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức; chi bộ đảng phải có quy chế chặt chẽ đối với cán bộ, đảng viên; có kế hoạch thường xuyên kiểm tra việc rèn luyện đạo đức nhằm giúp cán bộ, đảng viên phấn đấu tu dưỡng để xứng đáng là người cách mạng chân chính. Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên phải tự giác, bền bỉ hàng ngày mà phát triển, củng cố, “cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”(*).

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB CTQG, Hà Nội 2000

2. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 5 - NXB CTQG, Hà Nội 2000, Tr 252 – 253

3. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12 - NXB CTQG, Hà Nội 2000, Tr 222

4. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 11 – NXB CTQG, Hà Nội 2000, Tr 372

5. Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, Hà Nội 2001, Tr 138

6. Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB CTQG, Hà Nội 2006, Tr 133

VAI TRÒ CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM



ThS. NGUYỄN QUỲNH NGÀ

Giảng viên khoa xây dựng Đảng

Quốc tế Cộng sản do V.I.Lênin sáng lập và lãnh đạo chỉ tồn tại gần một phần tư thế kỷ (1919 - 1943) nhưng đã đóng góp cho nhân loại những giá trị lịch sử to lớn vì quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đặc biệt là đối với phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có cách mạng dân tộc giải phóng của nhân dân Việt Nam.

Quốc tế Cộng sản ra đời trong bối cảnh thế giới bước sang thế kỷ XX - thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Cũng trong bối cảnh đó, Quốc tế II rơi vào sự lũng đoạn của chủ nghĩa cơ hội, những hành động phản bội của các lãnh tụ Quốc tế II đối với giai cấp công nhân đã làm cho Quốc tế II bị phá sản hoàn toàn trên các phương diện tư tưởng, chính trị và tổ chức. Sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế cần có một tổ chức chung của chuyên chính vô sản toàn thế giới.

Ngay từ khi ra đời, nhận thấy vai trò, vị trí hết sức quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, Lênin đã chủ trương thay đổi khẩu hiệu của C. Mác: “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại!” bổ sung, phát triển thành: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!”. Quốc tế III chủ trương liên hiệp giai cấp vô sản với các dân tộc bị áp bức, ủng hộ phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa ở các châu lục: Á, Phi, Mỹ la -

tinh, trong đó có Việt Nam, khi chủ trương lập Mặt trận nhân dân ở các nước, tập hợp rộng rãi các lực lượng dân chủ chống chủ nghĩa phát-xít. Thông qua các tổ chức của mình, trong đó có Bộ Phương Đông đã phát triển toàn diện vấn đề dân tộc, thuộc địa trên cơ sở vạch ra con đường đấu tranh cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, cũng như sự cần thiết phối hợp hành động giữa phong trào cộng sản (hoạt động của các đảng cộng sản) với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, điển hình nhất là ở châu Á. Với đường lối chính trị đúng đắn về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế Cộng sản đã nêu cao tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc phương Đông với giai cấp vô sản phương Tây. Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhanh chóng trở thành một chi bộ của Quốc tế Cộng sản (tháng 4-1931). Từ đây, cách mạng Việt Nam hòa nhập dòng thác cách mạng thế giới.

Ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản đã giúp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh xác định đúng đắn con đường cách mạng Việt Nam - con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam (1858), hàng trăm phong trào yêu nước diễn ra nhưng đều lần lượt thất bại, cách mạng Việt Nam đứng trước sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Sau gần 9 năm (1911 - 1920) bôn ba khắp Châu Á, Phi, Mỹ Latinh để tìm một hướng đi cho cuộc cách mạng giải phóng ở Việt Nam, cho đến cuối tháng 7 năm 1920, lần đầu tiên, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin (để trình bày

tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản) trên tờ báo Nhân Đạo - cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội Pháp, Người mới tìm thấy ở đó cái cảm nang giải phóng dân tộc Việt Nam. Văn kiện trình bày rõ hướng đi và biện pháp lãnh đạo của Đảng Cộng sản đưa sự nghiệp đấu tranh của các dân tộc thuộc địa đi đến thắng lợi hoàn toàn. Trong đó, Lênin nêu lên rằng: “Điều quan trọng nhất trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là phải làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì chỉ có sự gần gũi ấy mới bảo đảm việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng”. Đồng thời, Lênin cũng nêu lên những nhiệm vụ quan trọng của các đảng cộng sản là phải trực tiếp ủng hộ phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa: giai cấp công nhân ở nước tư bản đang thống trị dân tộc chậm tiến trước tiên có nhiệm vụ ủng hộ tích cực nhất phong trào giải phóng các dân tộc ấy; phải đặc biệt ủng hộ phong trào nông dân ở các nước chậm tiến chống bọn địa chủ, chống chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất, chống chế độ phong kiến, phải liên minh chặt chẽ nhất giữa tất cả các phong trào giải phóng dân tộc với nước Nga Xôviết.

Những luận điểm cách mạng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc mà qua 9 năm tìm kiếm (1911-1920) Người mới bắt gặp. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc nhận biết một tổ chức chính trị cần tham gia là Quốc tế III do Lênin sáng lập và lãnh đạo thực sự giúp đỡ các dân tộc bị áp bức đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giành độc lập tự do. Từ đó,

Người nhận thức được là trong thời đại ngày nay, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản, con đường do Lênin và Quốc tế Cộng sản vạch ra. Sau này nhớ lại thời điểm được đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin, Người đã viết: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”. Và Người cũng nói rằng, lý do để Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản không phải là vì điều gì cao siêu mà chỉ bởi: “Rất đơn giản. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Quốc tế III nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Quốc tế II không hề nhắc tới vận mệnh các thuộc địa vì vậy tôi bỏ phiếu tán thành Quốc tế III. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu”.

Quốc tế Cộng sản có vai trò to lớn trong việc tích cực truyền bá lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận về giải phóng dân tộc và đào tạo cán bộ cách mạng, tiến tới thành lập chính đảng cộng sản ở Việt Nam. Lênin nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thành lập các đảng cộng sản ở các nước thuộc địa, phụ thuộc nhằm thúc đẩy cách mạng giải phóng dân tộc ở những nước này và coi đây là một trong những nhiệm vụ chính của Quốc tế Cộng sản. Đồng thời, tích cực truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản vào phương Đông và thúc đẩy phong trào yêu nước ở đây đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Để thực hiện mục

tiêu này, Quốc tế Cộng sản thông qua Bộ Phương Đông chỉ thị cho các đảng cộng sản in các tài liệu mác-xít chuyển vào các nước phương Đông. Các cơ sở đào tạo bậc đại học như trường Đại học cộng sản cho người lao động Phương Đông được thành lập. Đại học Phương Đông trở thành cơ sở hàng đầu nghiên cứu khoa học và giảng dạy các vấn đề kinh tế - chính trị, xây dựng Đảng, tổ chức phong trào cộng sản và giải phóng dân tộc ở phương Đông.

Với vai trò là cán bộ phụ trách Cục phương Nam, thuộc Bộ phương Đông, khi trở về hoạt động tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc lựa chọn những thanh niên Việt Nam có khả năng, gửi đi học tại Trường Đại học Cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mát-xcơ-va (Trường Đại học Phương Đông) và Trường Quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu. Đồng thời liên lạc với các tổ chức yêu nước trong nước, tìm ra các nhân tố ưu tú gửi đi học. Quốc tế Cộng sản đã đào tạo và bồi dưỡng cho Việt Nam gần 100 cán bộ, trong đó có những cán bộ đã trở thành lãnh tụ chính trị, chiến sĩ cộng sản xuất sắc như: Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên... Nhờ đó mà chủ nghĩa Mác-Lênin đã được đội ngũ cán bộ này truyền bá vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ta từng bước trưởng thành vững chắc về lý luận cách mạng, đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn, giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Không chỉ dừng lại ở việc lựa chọn và cử những thanh niên đi đào tạo, Người còn muốn gửi những thiếu nhi từ 12 - 15 tuổi có mặt ở Quảng Châu, đang là “những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam”

sang Mát-xcơ-va để đào tạo, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán, đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam sau này. Thông qua tập bài giảng “Đường Kách mệnh” và báo Thanh niên cùng các tờ báo và nguyệt san bí mật được chuyển về Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng và con đường giải phóng dân tộc, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930).

Nhờ sự giúp đỡ tích cực của Quốc tế Cộng sản, sự hoạt động tích cực của những nhà cách mạng Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin ăn sâu bén rễ vào phong trào cách mạng trong nước, làm thay đổi về tính chất và số lượng phong trào, dẫn đến sự hình thành các chi bộ Đảng trên khắp cả nước. Đứng trước tình hình đó, để tránh sự phân rẽ trong quá trình lãnh đạo, Quốc tế Cộng sản đã theo dõi sát sao tình hình cách mạng Đông Dương và chỉ đạo cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc đứng ra triệu tập Hội nghị để hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập một chính đảng duy nhất ở Việt Nam.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, thử thách, như giai đoạn sau Cao trào cách mạng 1930-1931, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng làm cách mạng rơi vào tổn thất chưa từng có. Trong hoàn cảnh đó, Quốc tế Cộng sản đã tìm mọi cách giúp đỡ để Đảng Cộng sản Đông Dương gây dựng lại tổ chức, phong trào cách mạng...

Năm 1943, trước sự thay đổi của tình hình thế giới, Quốc tế Cộng sản tuyên bố tự giải tán, vai trò lịch sử của chức đối với phong trào cách mạng thế giới chấm dứt nhưng những giá trị của Quốc tế Cộng sản còn có ý nghĩa cho đến hiện tại. Cách mạng Việt Nam tiếp tục kế thừa và phát triển những giá trị đó trong các giai đoạn cách mạng tiếp theo./.

NÂNG CAO KỸ NĂNG TUYÊN TRUYỀN, THUYẾT PHỤC, VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG LỰC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG



ThS. THÁI THỊ HIỀN

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên”. Như vậy tuyên truyền, thuyết phục, vận động là một nội dung trong phương thức lãnh đạo của Đảng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người rất chăm lo đến công tác tuyên truyền và là người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta, mở các lớp huấn luyện cán bộ, xây dựng lực lượng làm công tác tư tưởng, tuyên truyền chuẩn bị cơ sở lý luận cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tiễn cho thấy, khi đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn thì hiệu quả đạt được lại phụ thuộc vào cách thức tổ chức thực hiện. Để tổ chức thực hiện có nhiều việc phải làm, trong đó điều quan trọng nhất là làm cho người dân hiểu và tin tưởng chủ trương, thấy lợi ích từ chủ trương, chính sách để tự giác thực hiện, hay nói cách khác là phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thuyết phục để đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống. Việc tổ chức tuyên

truyền, thuyết phục phải được tiến hành thông qua các tổ chức Đảng, đoàn thể, cộng đồng dân cư với những quy mô và mức độ khác nhau. Tuy nhiên, dù bằng cách thức nào và thông qua tổ chức nào thì đều phải bắt đầu từ những con người cụ thể (chủ thể tuyên truyền, thuyết phục), đó không chỉ là những người phụ trách tuyên truyền mà còn là tất cả cán bộ, đảng viên như Bác Hồ đã chỉ ra: “Chẳng những các người phụ trách tuyên truyền, những người viết báo, viết sách, những người nghệ sĩ là người tuyên truyền, mà tất cả cán bộ, tất cả đảng viên, hễ những người có tiếp xúc với dân chúng đều là người tuyên truyền của Đảng”⁽¹⁾.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong công tác tuyên truyền sự nghiệp cách mạng, họ chính là những người đem đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ tuyên truyền cho dân hiểu và thực hành cho dân tin, dân theo, dân làm; đồng thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân với Đảng, Chính phủ để Đảng, Chính phủ xây dựng, hoạch định đường lối, chính sách đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó, đòi hỏi người cán bộ phải có trí tuệ, có năng lực, sự hiểu biết, có đạo đức trong sáng, có kỹ năng hoạt động thực tiễn... những phẩm chất này không tự nhiên có, mà phải trải qua quá trình trau dồi, rèn luyện. Do đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ

chức quần chúng phải luôn chú trọng rèn luyện kỹ năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân cho cán bộ, công chức, viên chức. Đặc biệt mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức với tư cách là người cán bộ làm nhiệm vụ tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân phải tích cực, chủ động học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực và kỹ năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân.

Kỹ năng tuyên truyền, thuyết phục được hình thành từ nhiều yếu tố, nhưng từ thực tiễn công tác tuyên truyền, thuyết phục Nhân dân của Đảng, của các địa phương, cơ quan, đơn vị, chúng ta thấy người cán bộ, đảng viên cần tập trung kết hợp giữa “xây” và “chống”, trong đó lấy “xây” làm chính với việc rèn luyện các phẩm chất sau:

1. Về xây, cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tự làm giàu tri thức, sự hiểu biết của bản thân, nhất là những nội dung liên quan đến nhiệm vụ tuyên truyền.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cho rằng: “Tuyên truyền là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó thì tuyên truyền thất bại”⁽²⁾. Muốn nói cho dân hiểu, để từ đó dân nhớ, dân theo và dân làm thì yêu cầu đầu tiên đối với người cán bộ, đảng viên là phải có tri thức, sự hiểu biết, đây chính là hành trang đầu tiên giúp cán bộ, đảng viên có thể vận dụng để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Để làm được điều đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải chủ động học tập, nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng nếu không sẽ lạc hậu, thoái bộ; ngoài những kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, cán bộ tuyên truyền còn phải nắm vững những chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, các quy định của địa phương,

cơ quan, đơn vị và cả những phong tục, tập quán sinh hoạt của nhân dân. “Phải nâng cao trình độ lý luận, gắn liền công tác lý luận với thực tiễn cách mạng; phải đi sát thực tế, phải liên hệ mật thiết với quần chúng”⁽³⁾.

Thứ hai, phải có phẩm chất đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, luôn luôn thể hiện tinh thần nêu gương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ ra rằng: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁽⁴⁾. Đối với nhiệm vụ tuyên truyền, thuyết phục, hàng ngày, hàng giờ người cán bộ, đảng viên phải gặp gỡ, tiếp xúc trực tiếp với quần chúng nhân dân, họ được xem như là người gieo niềm tin, là cầu nối giữa Đảng với Dân. Do đó, muốn hướng dẫn nhân dân thì tự mình phải “mực thước” để người ta bắt chước, đây chính là phương pháp tuyên truyền bằng hành động cụ thể, “nói đi đôi với làm”. Vì vậy, ngoài làm giàu trí tuệ, cán bộ tuyên truyền phải tự rèn luyện, trau dồi mọi mặt để thực sự tiêu biểu về đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, lối sống trong sáng, lành mạnh, gương mẫu về mọi mặt (tức là phải hội tụ được giữa “đức” và “tài”, giữa cái “tâm” và cái “tầm”). Thực tiễn của công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân cho thấy rằng, có những lúc cán bộ đã nói cho dân nghe, dân hiểu nhưng vì không tạo được niềm tin cho nhân dân nên họ không theo, không làm và như vậy thì coi như truyền truyền chưa thành công. Cho nên, đối với cán bộ, đảng viên làm công tác tuyên truyền, thuyết phục phải là người có tinh thần trách nhiệm, tự mình làm gương trước, phải thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; phải giữ gìn phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, “nói đi đôi

với làm”; phải nhạy bén, chủ động, sáng tạo trong mọi hoàn cảnh; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với những nội dung mình đã nói để tạo được niềm tin cho nhân dân; phải mạnh dạn đổi mới nội dung, phương pháp sao cho công tác tuyên truyền, thuyết phục đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, phải tự rèn luyện nâng cao năng lực nắm bắt, thu thập, xử lý thông tin

Tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục là một nhiệm vụ rất khó khăn, bởi vì dân chúng không phải ai cũng như nhau, trong dân chúng có nhiều tầng lớp khác nhau, nhiều ý kiến khác nhau, không phải lúc nào người dân cũng nghe và thuận theo những điều cán bộ nói, mà sẽ xuất hiện các quan điểm có thể thống nhất, có thể đối lập một phần, một khía cạnh, một vấn đề, cũng có thể đối lập hoàn toàn với quan điểm mà cán bộ nêu lên. Vì vậy, cán bộ tuyên truyền, thuyết phục phải là người có khả năng nắm bắt tình hình; có kỹ năng khai thác, phân tích, dự báo, phát hiện, xử lý và sử dụng các thông tin như: thông tin về đối tượng, về các yếu tố tác động đến nhiệm vụ định triển khai, về dư luận, về thái độ, tâm trạng của nhân dân trước mỗi chủ trương, chính sách... Bởi lẽ, trong bối cảnh thông tin đa chiều như hiện nay, nếu thiếu kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, không có sự chọn lọc sẽ dễ dẫn đến sử dụng thông tin sai trái để tuyên truyền. Muốn làm được điều đó, cán bộ, đảng viên phải luôn trăn trở trước mỗi tình huống, mỗi vấn đề, mỗi nguyên nhân và lý do, để từ đó biết phân ra mức độ và tính chất khác nhau của từng vấn đề nhằm lựa chọn đối sách, vận dụng những cách thức, phương pháp tác động cho phù hợp.

Thứ tư, phải rèn luyện khả năng nói và viết

Mục đích cuối cùng của công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân

dân là phải tác động tới tâm tư, tình cảm của người nghe để cảm hóa và lay động họ, từ đó làm cho họ thay đổi nhận thức và hành động theo mong muốn của cán bộ tuyên truyền, thuyết phục. Vì vậy, đòi hỏi cán bộ, đảng viên không những phải có năng lực, có sự hiểu biết rộng, mà còn phải thực sự khéo léo, linh hoạt, nhanh nhạy, biết làm chủ bản thân, làm chủ tình huống, làm chủ cả ngôn ngữ, hành động, cử chỉ, điệu bộ. Theo Bác cán bộ tuyên truyền “Phải biết cách nói. Nói thì phải giản đơn, rõ ràng, thiết thực. Phải có đầu, có đuôi, sao cho ai cũng hiểu được, nhớ được. Chớ dùng những danh từ lạ, ít người hiểu. Chớ nói ra ngoài đề, chớ lấp đi lấp lại”⁽⁵⁾. Người còn chỉ ra rằng: “Tuyên truyền không cần phải nói tràng giang đại hải. Mà nói ngắn gọn, nói những vấn đề thiết thực, chắc chắn làm được, để cho mọi người hiểu rõ và quyết tâm làm bằng được”⁽⁶⁾. Muốn nói đơn giản, rõ ràng, thiết thực, người nghe dễ hiểu, dễ nhớ, trước khi nói cán bộ tuyên truyền cần phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu và phải viết ra rõ ràng như lời Bác dạy: “Trước khi nói, phải viết một dàn bài rõ ràng, rồi cứ xem đó mà nói”⁽⁷⁾; khi nói và viết thì: “Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng”⁽⁸⁾.

2. Về chống, cần chống các biểu hiện sau:

Thứ nhất, “thói ba hoa”

Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành một phần để nói về căn bệnh thường mắc phải của cán bộ làm công tác tuyên truyền khi nói và viết đó là “thói ba hoa”, mà biểu hiện của nó thường là: dài dòng, rỗng tuếch; có thói “cầu kỳ”; khô khan, lúng túng; báo cáo lông bông; lụp chụp cẩu thả; bệnh theo “sáo cũ”; nói không ai

hiếu; bệnh hay nói chữ. Đối với công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân, nếu mắc phải những “thói” này thì sẽ không thể cảm hóa được quần chúng, không thể làm cho quần chúng tâm đắc, tin tưởng và làm theo. Vì vậy, theo Bác, người tuyên truyền bao giờ cũng phải tự hỏi: “Viết cho ai xem? Nói cho ai nghe? Nếu không vậy, thì cũng như cố ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem”⁽⁹⁾. Để chữa được thói ba hoa thì cán bộ tuyên truyền, thuyết phục phải hiểu, phải nhớ, phải thực hành những nội dung sau:

“1. Phải học cách nói của quần chúng. Chớ nói như cách giảng sách. Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng.

2. Phải luôn luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực và dễ hiểu.

3. Khi viết, khi nói, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình.

4. Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết.

5. Trước khi nói, phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận... Sau khi viết rồi, phải xem đi xem lại ba, bốn lần. Nếu là một tài liệu quan trọng, phải xem đi xem lại chín, mười lần. Làm được như thế - đảng viên và cán bộ ta quyết phải làm như thế - thì thói ba hoa sẽ bớt dần dần cho đến khi hoàn toàn hết sạch mà công việc của Đảng, tư cách của cán bộ và đảng viên sẽ do đó mà tăng thêm”⁽¹⁰⁾.

Thứ hai, “bệnh chủ quan”

Chủ quan là cái thuộc về ý thức, ý chí của con người, đó là một thứ bệnh độc hại, làm thoái hóa cán bộ, đảng viên, kìm hãm sự phát triển của đất nước; biểu hiện

phổ biến của bệnh chủ quan là thường suy nghĩ và hành động đơn giản, nóng vội, đốt cháy giai đoạn, bất chấp quy luật khách quan. Khi nói về nguyên nhân của bệnh chủ quan Bác Hồ đã chỉ rõ: “Mỗi chứng bệnh sinh ra do nhiều nguyên nhân. Nhưng kết quả nó đều làm cho người ta ồm yếu. Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông”⁽¹¹⁾.

Cán bộ, đảng viên, đặc biệt là với những người làm công tác tuyên truyền, thuyết phục khi mắc phải căn bệnh chủ quan sẽ dẫn đến rời xa thực tế, thờ ơ với những ý kiến đề đạt của quần chúng nhân dân, không lắng nghe, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, không phản ánh được những khó khăn, vướng mắc mà nhân dân đang trăn trở, không biết vận dụng kiến thức sát đúng và phù hợp với thực tế khách quan; chỉ dựa vào nhận thức, kinh nghiệm và ý chí của cá nhân mình mà suy nghĩ, hành động; chỉ biết nói cho dân nghe, nhưng không làm cho dân hiểu, dân nhớ, dân tin để dân theo, dân làm. Bệnh chủ quan của cán bộ, đảng viên nếu không được phát hiện, sửa chữa kịp thời thì chẳng những không đạt được kết quả mà còn làm mất niềm tin của nhân dân vào chủ trương, chính sách, vào cán bộ, đảng viên. Vì vậy, cách thiết thực nhất để nêu cao tinh thần phòng chống bệnh chủ quan trong công tác tuyên truyền, thuyết phục chính là: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải học lý luận, phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông”⁽¹²⁾; phải khéo léo, linh hoạt và nhạy bén; phải thường xuyên rèn luyện cho mình phương pháp, tác phong khoa học, thiết thực và hiệu quả; phải tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ ba, thiếu gần gũi, thân thiện với quần chúng nhân dân

Hiệu quả của công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân phụ thuộc rất lớn vào phương pháp, phong cách, thái độ ứng xử của cán bộ, đảng viên. Thực tiễn chỉ ra rằng, không phải bất kỳ ai, bất kỳ lúc nào cán bộ, đảng viên tuyên truyền, thuyết phục, vận động quần chúng cũng sẽ đồng tình, ủng hộ và làm theo. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận chính thái độ gần gũi, thân thiện, ân cần, chu đáo của cán bộ tuyên truyền là nhân tố “mưa dầm thấm sâu”, có thể tác động rất lớn và trực tiếp vào tâm tư, tình cảm của quần chúng nhân dân để làm thay đổi nhận thức và hành động của họ.

Vì vậy, muốn công tác tuyên truyền, thuyết phục đạt hiệu quả, cán bộ, đảng viên phải hoàn toàn khắc phục được thói thờ ơ, vô cảm, quan cách, xa dân, thiếu gần gũi, thân thiện với quần chúng nhân dân. Để làm được điều đó, “Người tuyên truyền cần phải chịu khó, chịu khổ, khéo ở, siêng làm... Đến một địa phương nào, cần phải đi thăm các cụ phụ lão, các người phụ trách, rồi đi thăm các nhà đồng bào để gây cảm tình, và để hiểu biết tình hình địa phương. Đó là một việc cần cho tuyên truyền. Hai là dân ở đó sinh hoạt thế nào, ta cũng phải sinh hoạt như họ. Nếu dân dậy sớm mà mình ngủ trưa, dân đang làm việc mà mình nằm ngủ lì, thì sẽ bị dân ghét, và ảnh hưởng xấu đến việc tuyên truyền. Thấy dân làm việc gì, bất kỳ to nhỏ, ta cũng ra tay làm giúp. Đó là cách gây cảm tình tốt nhất, nó sẽ giúp cho việc tuyên truyền kết quả gấp bội. Thái độ phải mềm mỏng: đối với các cụ già phải cung kính, với anh em, phải khiêm tốn, với phụ nữ, phải nghiêm trang, với nhi đồng, phải thân yêu, với cả mọi người, phải thành khẩn”⁽¹³⁾, làm tốt những điều đó thì chắc chắn công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân sẽ thành công.

Công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân chính là cầu nối để đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đến với mọi người dân, giúp họ thấy được giá trị của các chủ trương, chính sách đối với cuộc sống của chính mình, từ đó tin tưởng và làm theo. Chính vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên - chủ thể của “chiếc cầu nối” phải luôn tự trang bị cho mình đầy đủ tri thức, kỹ năng, biết kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân, những người xung kích, đi đầu trong mọi mặt trận; đưa nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước đi vào cuộc sống góp phần nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng./.

¹ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr341;

² CD -Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr191.

³ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 10, tr314;

⁴ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 1, tr284.

^{5, 7}CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr191;

⁶ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 14, tr169;

⁸ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr345;

⁹ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr340.

¹⁰ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr345,346;

¹¹ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr273.

¹² CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr274,275;

¹³ CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr192.

LUẬN CỨ KHOA HỌC GÓP PHẦN ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI CÁC QUAN ĐIỂM, LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC, PHỦ NHẬN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN



Ths. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phạm trù trung tâm của Chủ nghĩa xã hội khoa học và là một trong những phạm trù cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Tuy nhiên, thời gian qua, trên các diễn đàn trong nước và quốc tế, có một số luận điệu xuyên tạc về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân qua đó phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Những luận điệu đó cho rằng, giai cấp công nhân đã hoàn thành sứ mệnh của mình trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc. Ngày nay, trong điều kiện hòa bình, hội nhập, thời kỳ của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ giai cấp công nhân ngày càng teo đi; ở các nước tư bản phát triển, công nhân có cổ phần trong các công ty tư bản, giai cấp công nhân đã không còn là giai cấp không có tư liệu sản xuất; sứ mệnh lịch sử không còn thuộc về giai cấp công nhân nữa mà thuộc về đội ngũ trí thức, các nhà khoa học,... Vì vậy, đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tiếp tục khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại hiện nay là vấn đề đang được đặt ra một cách bức thiết trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848), C.Mác và Ph.Ăngghen đã trình bày về nguồn gốc ra đời của giai cấp công nhân. Về nguồn gốc kinh tế, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng sự ra đời của giai cấp công nhân gắn với nền đại công nghiệp, từ mục đích phát triển quy mô sản xuất và tích lũy tư bản của nhà tư sản. Về nguồn gốc xã hội, giai cấp công nhân được tuyển

mộ từ trong tất cả các giai cấp, tầng lớp của xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen có công đầu trong việc phát hiện và luận giải tính khách quan và tự giác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chứ không phải xuất phát từ ý muốn chủ quan của bất kỳ một cá nhân hoặc một lực lượng xã hội nào:

Thứ nhất, do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân quy định. Trong chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất, cách mạng nhất trong các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất của xã hội hiện đại. Họ đại diện cho lực lượng sản xuất cách mạng có trình độ xã hội hóa cao và đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến hiện đại, là lực lượng tạo ra phần lớn của cải cho xã hội, đem lại sự giàu có và thúc đẩy xã hội phát triển. Mặt khác, trong chủ nghĩa tư bản, do giai cấp tư sản sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư. Như vậy, lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân để xóa bỏ giai cấp tư sản, xóa bỏ áp bức bóc lột là một tất yếu khách quan để tồn tại và phát triển.

Thứ hai, do đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định. Với tư cách chủ thể trực tiếp nhất của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại, trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ học vấn và ý thức chính trị của giai cấp công nhân ngày càng được nâng cao. Môi trường sản xuất công nghiệp hiện đại đã tôi luyện cho giai cấp công nhân tính tổ chức

kỷ luật cao và tác phong công nghiệp hiện đại. Đồng thời, giai cấp công nhân có hệ tư tưởng độc lập, được vũ trang bởi lý luận tiên phong là chủ nghĩa Mác - Lênin và có chính đảng của mình là đảng cộng sản tổ chức, lãnh đạo. Giai cấp công nhân còn là giai cấp có tinh thần triệt để cách mạng được thể hiện: ở phương thức đấu tranh là xóa bỏ tận gốc chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất với tư cách là chế độ áp bức, bóc lột và ở mục tiêu cuối cùng là phải giải phóng đồng thời toàn xã hội khỏi mọi hình thức áp bức, bóc lột nên giai cấp công nhân là giai cấp có khả năng tổ chức, lãnh đạo, đoàn kết chính giai cấp mình và các giai tầng khác trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thứ ba, bản thân các mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Trong chủ nghĩa tư bản những mâu thuẫn cơ bản được hình thành một cách khách quan và được biểu hiện ra ở hai mặt chủ yếu. *Một là*, xét về mặt kinh tế, đó là xung đột giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính chất tư nhân hóa của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. *Hai là*, xét về mặt chính trị - xã hội, đó là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản. Cả hai mặt của mâu thuẫn này không thể giải quyết triệt để trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản và tất yếu dẫn đến cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân tiến hành dưới sự lãnh đạo và tổ chức của chính đảng của giai cấp công nhân. Đó là sự quy định khách quan cho sứ mệnh của giai cấp công nhân C.Mác khẳng định “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản thì trái lại, là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”⁽¹⁾.

Ngày nay, khi thế giới đã bước vào nền kinh tế tri thức, dưới tác động của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt

cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhưng sứ mệnh lịch sử toàn thế giới thuộc vẫn về giai cấp công nhân là điều không hề thay đổi, điều này được thể hiện ở các điểm sau:

Trước hết, khoa học công nghệ góp phần tạo ra nhiều của cải cho xã hội nhưng tại các nước tư bản chủ nghĩa do chế độ sở hữu vẫn là sở hữu tư nhân nên của cải vật chất tạo ra vẫn chủ yếu nằm trong tay của giới chủ tư sản, người công nhân vẫn bị bóc lột giá trị thặng dư ở mức độ cao hơn, tinh vi hơn. Theo những tính toán dựa trên những số liệu thống kê của Chính phủ Mỹ, chỉ tính trong khu vực chế tạo máy, trong một thập kỷ, tỷ lệ bóc lột tăng từ 33% lên 402%⁽⁵⁾. Vì vậy mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu đặt ra vẫn là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Những tiến bộ về dân chủ trong xã hội cũng như cải thiện thu nhập và đời sống của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở các nước tư bản phát triển là kết quả đấu tranh lâu dài của giai cấp công nhân buộc giai cấp tư sản phải tự điều chỉnh để giảm áp lực của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm níu giữ vị trí thống trị của mình

Hiện nay, dù thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp, sau sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bị tổn thất, lắng xuống, chủ nghĩa tư bản vẫn đang phát triển nhưng trong lòng nó các nhân tố của chủ nghĩa xã hội đang hình thành và phát triển, các mâu thuẫn thời đại vẫn không hề thay đổi đó là mâu thuẫn giữa hai khuynh hướng, hai con đường tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đã thúc đẩy giai cấp công nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là về chất lượng, nhất là trình độ học vấn, năng lực sáng tạo và làm chủ công nghệ. Do đó, giai cấp công nhân vẫn là lực lượng nòng cốt của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dưới sự tác động của mỗi cuộc cách mạng công nghiệp, nhiều ngành nghề mới

xuất hiện; tỷ lệ công nhân lao động chân tay trực tiếp ngày càng giảm nhưng tỷ lệ công nhân trí óc thức ngày càng tăng. Đội ngũ công nhân kỹ thuật bậc cao hiện nay ở Tây Ban Nha 53,2%, Italia 53,1%; Pháp 51,9%; Bồ Đào Nha 47,1%⁴ ... Ở Nhật Bản hiện nay trên 90% công nhân có trình độ đại học và tương đương. Về số lượng, theo Tổ chức lao động quốc tế (ILO), năm 1900, toàn thế giới mới chỉ có 80 triệu công nhân thì đến năm 1990 có hơn 600 triệu công nhân, đến năm 2000 tăng lên đến 800 triệu công nhân và chắc chắn đến nay số lượng đó đã phát triển lên rất nhiều. Về chất lượng, năng lực làm chủ công nghệ hiện đại và ý thức giác ngộ giai cấp, ý thức dân tộc ngày càng cao. Thực tế khách quan nay đã khẳng định rằng giai cấp công nhân trên toàn thế giới không hề teo đi mà đã có sự phát triển rất cao cả về số lượng và chất lượng, đó là sự đảm bảo chắc chắn để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh toàn thế giới của mình

Thứ ba, hiện nay khi công nghệ càng phát triển, sản phẩm làm ra càng nhiều, sự đóng góp của giai cấp công nhân càng cao thì lợi nhuận của nhà tư bản càng lớn và giá trị thặng dư mà nhà tư bản bóc lột của công nhân cũng càng cao làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ngày càng gay gắt. Do đó, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân càng không thay đổi

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, vai trò của trí thức đối với xã hội luôn được khẳng định. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì vai trò của trí thức ngày càng quan trọng. Với những phát minh, sáng chế của trí thức, quá trình sản xuất vật chất của công nhân và nông dân đã có thay đổi căn bản, góp phần thay đổi sức sản xuất của xã hội, tạo ra sự phát triển vượt bậc của thời đại mới về cả giá trị vật chất và tinh thần cho nhân loại. Tuy nhiên, trí thức tồn tại với tư cách không phải là một giai cấp, mà là một tầng lớp (đội ngũ) trung gian trong xã hội, hoạt động trong lĩnh vực lao động trí óc, trí thức không có hệ tư

tưởng độc lập mà phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp mà họ phục vụ. Trí thức không có quan hệ riêng và trực tiếp với sở hữu tư liệu sản xuất - cái dấu hiệu quan trọng nhất để xác định giai cấp, do đó không có khả năng đại biểu cho phương thức sản xuất nào cả, cũng không có hệ tư tưởng độc lập... Cho nên, trí thức luôn phải gắn với những giai cấp nhất định. Với tư cách là một tầng lớp, và ở trong một thể chế chính trị cụ thể, trí thức nói chung là của giai cấp thống trị do chính hệ thống giáo dục và đường lối đào tạo của nhà nước của giai cấp thống trị ấy tạo ra. Trí thức không phải là “siêu giai cấp”, “đứng trên mọi giai cấp” như quan niệm của các học giả tư sản, mà theo V.I.Lênin, “Nếu không nhập cục với một giai cấp thì giới trí thức chỉ là một con số không mà thôi”⁽⁴⁾. Do đó, trí thức chỉ có thể chứng tỏ mình là một lực lượng xã hội thực sự khi gắn bó chặt chẽ và được sự ủng hộ của một giai cấp, tầng lớp nào đó trong xã hội. Theo nghĩa đó, *trí thức không thể là lực lượng lãnh đạo xã hội*.

Trên đây là những luận cứ khoa học, xác thực để chứng minh cho tính đúng đắn, khoa học những phát kiến vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin và bác bỏ những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân./.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr.38.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr.605

(3) C. Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Sdd, t.4, tr. 628

(4) Hội đồng lý luận trung ương, Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, Tr.376

(5) Hội đồng lý luận trung ương, Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, Tr.374

(6)V.I.Lênin: Toàn tập, t.4, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1974, tr.552

PHÁT HUY ĐỨC TÍNH CẦN CÙ, TIẾT KIỆM CỦA NGƯỜI HÀ TĨNH TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI HIỆN NAY



Ths. TRẦN THỊ BÍCH THỦY

Giảng viên khoa lý luận cơ sở

Mỗi vùng miền trên dải đất hình chữ S này đều hình thành trong điều kiện tự nhiên, xã hội không hoàn toàn giống nhau. Chính vì vậy, mà ở mỗi cộng đồng hình thành những nét văn hóa khác nhau với những phong tục, tập quán, tâm lý, thói quen, đạo đức, lối sống, tư tưởng... khác nhau. Trong xu thế ngày nay, ranh giới giữa các vùng, miền, các nền văn hóa trở nên mong manh và chỉ mang tính tương đối. Do đó, việc nhận diện, gọi tên những truyền thống quý báu của quê hương, xứ sở để làm tiền đề xây dựng nên phong cách của con người mang đặc trưng vùng miền là rất quý, đáng trân trọng trong quá trình phát triển kinh tế vùng miền nói riêng, cả nước nói chung.

Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, Hà Tĩnh được biết đến là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa, là nơi phát tích của nhiều nhân tài. Theo sử liệu, từ đời cổ đến đời Trần, Hà Tĩnh là vùng biên viễn. Ngoài cư dân bản địa có mặt ở đây từ thuở bình minh của lịch sử, vùng đất này còn là nơi “di”, “hợp” của nhiều nguồn cư dân khác. Cùng với vị trí địa lý, thổ nhưỡng, khí hậu... nguồn gốc cư dân đã tạo nên một cộng đồng có những nét tính cách, phong tục, bản ngã... đậm đặc, phong phú, mang dấu ấn “hóa thạch ngoại biên”, đủ sức đề kháng với những yếu tố văn hóa ngoại lai, xa lạ, đồng thời lại biết giao lưu, tiếp biến với cái mới, tiến bộ của các vùng miền khác để trường tồn.

Những đặc điểm về tính cách, văn hóa tiêu biểu của người xứ Nghệ đã được nhiều nhà nghiên cứu như: Phan Huy Chú, Bùi Dương Lịch, Đặng Thai Mai, Vũ Ngọc Khánh... đề cập đến. Trong bài viết này, tác giả chỉ khai thác hai nét tính cách tiêu biểu của người Nghệ Tĩnh, đã làm nên nét riêng có của con người sinh ra, lớn lên, thụ hưởng không gian văn hóa sinh tồn của vùng quê xứ Nghệ đó là cần cù và tiết kiệm.

Trước tiên nói về đức tính cần cù.

Đây là vùng nắng nóng, mưa nhiều, khí hậu khắc nghiệt, đất đai cằn cỗi... Để sinh tồn, con người buộc phải cần cù, chịu khó, vượt lên hoàn cảnh để tồn tại. Từ nhu cầu tự thân, lâu dần đức tính cần cù trở thành truyền thống được truyền từ đời này qua đời khác. Thông qua sinh hoạt gia đình, họ hàng, làng xã..., người lớn trao truyền cho con cháu những tính cách đã trở nên ổn định thông qua các câu ca dao, tục ngữ, dễ nghe, dễ hiểu, dễ nhớ, nên dễ làm theo.

Người “Nghệ” quan niệm rằng: “Trời nào có phụ ai đâu. Hay làm thì giàu, có chí thì nên”. Họ khuyên nhủ nhau “Người có chí thì nên, nhà có nền thì vững”, hay “Luyện mới thành tài, miệt mài ắt giỏi”, “Mưu cao chẳng bằng chí dày”... Những câu ca dao chân tình mộc mạc nhưng ẩn sâu bên trong lại mang một ý nghĩa, một triết lý nhân sinh vô cùng sâu sắc, góp phần làm phong phú thêm thang giá trị tinh thần

của dân tộc Việt. Con người vùng “*Nắng đỏ đồng, mưa thâm cả bùn non*” đã biết “*lấy sức mình gặt sức thiên nhiên*” để có một cuộc sống no ấm, đủ đầy.

Là một vùng chuyên về nông nghiệp, mà đã làm nông nghiệp sẽ bị chi phối bởi bốn yếu tố “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, nên con người lại càng phải lam lũ, hăng say lao động, bởi thực tế cho thấy rằng “*Tay làm, hàm nhai, tay quai, miệng cười*”, “*Có làm thì mới có ăn. Không chưng ai dễ đem phần đến cho*” hay “*Thế gian chuộng của chuộng công. Nào ai có chuộng người không bao giờ*”... Nhưng để lao động tốt thì yếu tố đầu tiên là phải có sức khỏe, tinh thông nghề nghiệp nên người dân đã biết động viên nhau: “*Nỗ ố, nỗ đau làm giàu mấy chốc*”, hay “*Của rẻ rẻ không bằng nghề trong tay*”, “*Một nghề cho chín còn hơn chín nghề*”.... Nếu trong xóm làng có kẻ lười biếng, dù trai hay gái đều bị cộng đồng lên án “*Đàn bà không biết nuôi heo là đàn bà nhác. Đàn ông không biết buộc lạt là đàn ông hư*”... nên không ai bảo ai, mọi người đều cố gắng hoàn thành tốt công việc của mình để không bị thiếu thốn, cộng đồng bàn tán.

Như vậy, với tính cách là một đức tính, một truyền thống... cần cù của người Hà Tĩnh được hiểu là sự nhiệt tình với công việc, yêu lao động, tinh thần trách nhiệm đối với công việc nhằm đạt được kết quả trong lao động tốt nhất.

Do đất đai không trù phú, là nơi chảo lửa, túi mưa, vùng được xem là “*Túi bão lũ mười phương*”, từng là vùng biên ải, nên để duy trì cuộc sống, một trong những đức tính cần có, đi liền với cần cù là tiết kiệm. Từ việc khắc phục những bất lợi của tự nhiên, chống giặc giã, dịch họa... đã hình thành nên một tính cách, lâu dần trở thành truyền thống quý, ăn sâu vào

cách cảm, cách nghĩ, cách hành xử của con người nơi đây có phần đậm đặc, rõ nét đó là biết chắt chiu, dành dụm, ăn bữa hôm dành bữa mai. Trong suy nghĩ của cư dân vùng này, tiết kiệm biểu hiện thái độ biết quý trọng những thành quả lao động, tiết kiệm là để phòng khi thất bát, bất trắc, mất mùa, tiết kiệm xuất phát từ suy nghĩ sống phải có trách nhiệm với gia đình, với cộng đồng làng xã và dành dụm cho thế hệ mai sau. Người Hà Tĩnh thường khuyên nhủ nhau “*Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn*”. Trong hoàn cảnh nào, con người nơi đây luôn động viên nhau: “*Buôn tàu bán bè không bằng ăn dè tiết kiệm*”; “*Giàu không kiệm, đói liền tay. Khó mà hoang phí ăn mày trợn sớ*”... Từ thừa hồng hoang, con người nơi đây đã tay chống trời, tay giữ nước. Trong cuộc mưu sinh đó, con người phải vật lộn, chống chọi, dành giắt để sinh tồn nên trong huyết mạch, người Nghệ Tĩnh không chuộng thói phô trương, xa hoa mà luôn nhắc nhở nhau: “*Ăn chắc mặc bền*”, “*Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm*”, “*Của bền tại người*”. Thế hệ trước luôn nhắc nhở thế hệ sau “*Ở đây một hạt cơm rơi. Ngoài kia bao hạt mồ hôi thấm đồng*” và ghét thói xa hoa phù phiếm kiểu “*Con nhà lính, tính nhà quan*”.

Tác giả Bùi Dương Lịch (Nghệ An ký) đã khái quát: “*Xứ Nghệ tuy đất xấu, dân nghèo*” nhưng “*Dân đều vui vẻ công việc, sẵn sàng vì nước, có lòng tôn quân, thân thượng và biết lễ nghĩa, liêm sỉ*”; “*Do đất xấu dân nghèo, nên chịu khổ, nhẫn nại, cần cù, kiệm ước, đã quen nề nếp. Kẻ sỹ không chuộng hoa phấn, yên cảnh bần hàn. Người các trấn thường cười là hủ lậu*”.

Nhờ cần cù, tiết kiệm nên thế hệ trước đã dành dụm cho thế hệ sau có điều kiện học hành, đỗ đạt “*Sáu mươi tuổi mẹ lợi*

bùn cấy hái. Mong cho con thành ông trạng, ông nghè”. Nhờ tiết kiệm mà mảnh đất này đã đóng góp sức người, sức của to lớn trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân giành độc lập, thống nhất đất nước vĩ đại.

Thực tế cho thấy rằng, do ảnh hưởng của giao lưu, hội nhập, lối sống thực dụng, hưởng thụ... từ bên ngoài vào, một bộ phận lớp trẻ ngày nay quay lưng với những giá trị truyền thống của dân tộc, vùng miền, lười lao động, đòi hỏi quyền lợi mà quên đi trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân đối với gia đình, cộng đồng, dân tộc; chỉ muốn “làm chơi” mà “ăn thật”, muốn “*ngồi mát ăn bát vàng*”. Đặc biệt hơn, một bộ phận không nhỏ thanh niên, học sinh, sinh viên lười học tập, thích đua đòi nên sa vào các tệ nạn xã hội, làm gia tăng đột biến tỉ lệ tội phạm thanh thiếu niên. Thậm chí, ngay ở các công sở, trong giờ làm việc, cán bộ, công chức vẫn cứ nhõn nhơ ngoài đường, tụ tập quán cà phê hoặc chơi game trên điện thoại.... Đã xuất hiện những suy nghĩ lệch lạc cho rằng cuộc sống thật là ngắn ngủi, vì vậy cần phải sống gấp, phải hưởng thụ để sau này khỏi phải hối tiếc... Suy nghĩ đó, lối sống đó đã thực sự xa rời những chuẩn mực đạo đức tốt đẹp của người Hà Tĩnh nói riêng, dân tộc nói chung, là trở lực trong quá trình phát triển của tỉnh nhà và đất nước.

Cần cù, tiết kiệm không chỉ là tài sản tinh thần vô giá của người xứ Nghệ mà đã theo con người nơi đây ghi dấu tốt đẹp, tỏa sáng trên tất cả vùng miền của Tổ quốc, từ lịch sử đến hiện tại. Đây có lẽ là một trong những lý do lý giải vì sao trong số rất nhiều truyền thống quý báu của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn 2 đức tính Cần và Kiệm làm một trong 4

chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ đảng viên. Bởi hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người hội tụ đầy đủ, tinh túy những giá trị tiêu biểu của vùng quê xứ Nghệ. Bác hiểu hơn ai hết giá trị của cần cù, tiết kiệm nên đã lựa chọn những chuẩn mực đó làm nguyên liệu để xây dựng một nền đạo đức cách mạng, dân tộc, tiến bộ, nhân văn.

Để hòa nhập không bị hòa tan, để phát triển mang tính bền vững, để đưa tỉnh nhà thoát khỏi tình nghèo, trở thành tỉnh có kinh tế phát triển, văn hóa đặc sắc, những năm tới, Đảng bộ Hà Tĩnh phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, phấn đấu xây dựng tỉnh nhà giàu mạnh và phát triển. Đặc biệt là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các ấn phẩm văn hóa, thông qua các hoạt động cộng đồng..., nhà tổ chức, quản lý phải khơi gợi, giáo dục, truyền bá những giá trị tinh thần tốt đẹp của quê hương văn hiến cho thế hệ tương lai.

Hiện nay, cả nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế, Hà Tĩnh không nằm ngoài xu thế đó. Thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế là cạnh tranh quyết liệt giữa các cá nhân, tổ chức... Vì vậy, để bắt kịp tiến độ của cả nước, khu vực, thế giới thì phải rèn luyện ý thức khản trương, cần cù, tiết kiệm trong lao động, sản xuất, cuộc sống... nhằm đạt năng suất và hiệu quả lao động cao. Do đó, phẩm chất cần cù, tiết kiệm của người Hà Tĩnh là một yếu tố thực sự cần thiết để góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương cũng như cả nước phát triển.

THU THẬP, XỬ LÝ THÔNG TIN - NỘI DUNG QUAN TRỌNG CỦA HOẠT ĐỘNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ



ThS. LÊ THỊ THÙY DUNG

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Sản phẩm của hoạt động lãnh đạo, quản lý được thể hiện dưới hình thức chủ yếu là các quyết định lãnh đạo, quản lý đảm bảo tính khoa học, tính khả thi, và được quần chúng nhân dân ủng hộ. Các sản phẩm ấy là kết quả của sự nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào từng điều kiện cụ thể của thực tiễn để giải quyết các vấn đề đang đặt ra. Như vậy để lãnh đạo, quản lý có hiệu quả ngoài việc trước hết người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải nắm vững lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời phải nắm vững tình hình của thực tiễn. Tuy nhiên thực tiễn luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng và những thông tin phản ánh từ thực tiễn đến người cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng rất đa dạng phong phú, do đó yêu cầu đặt ra đối với người cán bộ lãnh đạo, quản lý là phải biết cách thu thập, xử lý thông tin trên cơ sở lưu ý một số kênh tiếp cận thông tin như sau:

Thứ nhất, sách báo, tạp chí, các phương tiện thông tin đại chúng; đây là một nguồn thông tin có tính chuyên sâu nhưng có thể có hạn chế về tính cập nhật. Thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng có tính cập nhật, đa dạng nhưng có thể có những yếu tố chưa được kiểm chứng đầy đủ đặc biệt là thông tin từ internet. Bên cạnh đó, các thông tin từ internet có thể có yếu tố bình luận, đánh giá, cảm nhận từ người đưa tin. Vì vậy, việc thu thập thông tin cần chú ý đến những đặc điểm này để loại bỏ những yếu

tố cảm tính, tìm ra những yếu tố có ý nghĩa thông tin khách quan, bảo đảm các yêu cầu như sau:

Tính chính xác và có độ tin cậy cao luôn là yêu cầu đầu tiên và quan trọng nhất, bởi lẽ, nếu như chúng ta trích dẫn vào nguồn tài liệu tham khảo không chính xác sẽ dẫn đến những quan điểm nhận thức sai lầm. Chẳng hạn, hiện nay, trên mạng internet có rất nhiều trang cá nhân, trang thông tin điện tử, trong đó, có nhiều trang có những bài viết thể hiện quan điểm, cách nhìn nhận cá nhân đôi khi thiên cận và không khách quan, thậm chí có nhiều bài viết đi ngược lại chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không phản ánh đúng bản chất sự việc.

Bảo đảm tính khách quan của tài liệu được thể hiện ở việc khi sử dụng nguồn thông tin này, tuyệt đối không được bóp méo, xuyên tạc nội dung của tài liệu mà phải tôn trọng tính chính xác của thông tin tài liệu. Bảo đảm tính pháp lý, việc thu thập thông tin từ sách báo, tạp chí tuân theo các quy định của pháp luật như thu thập thông tin phải tuân thủ các quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nghĩa là chỉ được sử dụng nguồn tài liệu tham khảo đó khi được phép của tác giả hoặc cơ quan quản lý.

Thứ hai, kênh giao tiếp trực tiếp, các thông tin được truyền trong các cuộc giao tiếp trực tiếp dưới hình thức họp, hội thảo, tọa đàm, báo cáo, nói chuyện là một nguồn thông tin quan trọng trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Đối với các loại thông tin này cần chú ý, thông tin đóng góp có thể chỉ là thông tin một chiều, mang tính chủ quan nên cần tập hợp và đối chiếu thông tin với các

nguồn thông tin khác; và tính đến mục đích, nội dung cụ thể của cuộc giao tiếp để tiếp cận và sử dụng thông tin một cách phù hợp.

Việc tổ chức thu thập thông tin từ việc giao tiếp trực tiếp có ý nghĩa rất to lớn, không chỉ giúp người cán bộ lãnh đạo, quản lý có được thông tin từ người dân mà còn là dịp để chia sẻ thông tin chính thống từ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến người dân, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân. Để nâng cao hiệu quả thu thập thông tin từ kênh này người cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải thể hiện rõ tinh thần cầu thị, tôn trọng và chú ý lắng nghe nguyện vọng, ý kiến của nhân dân thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri, các buổi đối thoại, tiếp dân, đồng thời các cấp ủy, chính quyền cần tập trung xử lý có hiệu quả, kịp thời các kiến nghị, đề xuất chính đáng của người dân khi đã có đủ điều kiện giải quyết

Thứ ba, kênh thông tin qua các *văn bản báo cáo, tổng hợp* của các tổ chức chính trị - xã hội. Đây là một nguồn thông tin quan trọng, có tính khả dụng cao trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Trước mỗi vấn đề cần giải quyết, thông tin từ văn bản báo cáo, tổng hợp là một nguồn thông tin có giá trị, phục vụ trực tiếp cho quá trình ra quyết định. Để thu thập thông tin từ văn bản báo cáo, tổng hợp có hiệu quả, quá trình thu thập nguồn thông tin cần chú ý đến các nội dung như: Xác định thông tin cần thu thập để giải quyết vấn đề; các cấp ủy cần chỉ đạo thực hiện tốt quy chế về công tác dân vận, quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy tính tích cực chủ động và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân và tính chịu trách nhiệm trước nhân dân của các tổ chức này

Thứ tư, thông tin thống kê là sản phẩm của hoạt động thống kê từ việc điều tra, báo cáo, tổng hợp, phân tích và công bố các

thông tin phản ánh bản chất và tính quy luật của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành; bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó. Đây là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, có vai trò cung cấp các thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân.

Thứ năm, kênh thông tin từ kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học như các hội thảo, các công trình nghiên cứu khoa học

Yêu cầu của đường lối, chính sách là hướng đến để giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn đảm bảo quy luật khách quan. Vì vậy, việc thu thập thông tin để xây dựng đường lối, chính sách cần bảo đảm tính khách quan, phản ánh đúng những thuộc tính bản chất và quy luật vận động khách quan của các vấn đề đang diễn ra trong thực tế. Đây là nguồn thông tin hết sức quan trọng, do đó trong lãnh đạo quản lý, các cấp ủy, chính quyền cần phải chú trọng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; phải tạo điều kiện để các nhà khoa học, các nhóm nghiên cứu tiếp cận với những tư liệu phản ánh các quá trình kinh tế-xã hội trên cơ sở đảm bảo quy định của pháp luật

Thứ sáu, kênh thông tin không chính thức, các câu chuyện tiêu lâm, các tin đồn, các luồng dư luận xã hội, các tờ rơi ... đều là những hình thức truyền tin không chính thức có thể tham khảo khi cần thiết và cần được đánh giá độ tin cậy khi sử dụng.

Trên cơ sở những thông tin thu được từ các kênh trên và căn cứ vào thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội cũng như tiềm năng của địa phương mình; các nhà lãnh đạo, quản lý sẽ xem xét, nghiên cứu, phản biện, đánh

giá, cho ý kiến và đi đến quyết định ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách. Việc ban hành các quyết định trong lãnh đạo, quản lý đúng hay sai, kịp thời hay không kịp thời, phù hợp với thực tiễn hay không phụ thuộc rất lớn vào việc nắm bắt, thu thập, xử lý thông tin của nhà lãnh đạo, quản lý. Thực tiễn cho thấy, một số địa phương không coi trọng công tác thông tin, thiếu những thông tin chính xác, hoặc thiếu kỹ năng xử lý cũng sẽ làm giảm ý nghĩa của thông tin, không đem lại cơ sở khoa học vững chắc nên người lãnh đạo, quản lý sẽ không kịp thời phát hiện những vấn đề mới, thiếu cơ sở khoa học để đưa ra các quyết định dẫn đến việc thực hiện các nghị quyết, quyết định kém hiệu quả, đi ngược lại lợi ích của mọi người trong xã hội, thậm chí còn kìm hãm sự phát triển của xã hội. Từ đó cũng làm hạn chế vai trò lãnh đạo, quản lý của cán bộ, lãnh đạo các cấp.

Thông tin có vai trò rất quan trọng trong công tác lãnh đạo, điều hành và giải quyết công việc của người lãnh đạo, quản lý. Có đầy đủ thông tin chính xác khoa học, kịp thời sẽ góp phần cho công việc được giải quyết nhanh chóng hợp tình hợp lý. Ngược lại, thiếu thông tin, thông tin sai lệch sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết công việc. Thu thập, xử lý thông tin cần bảo đảm tính khoa học, tính pháp lý; khai thác thông tin từ nhiều kênh, nguồn thông tin, trên cơ sở đó tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin để có thể nhìn nhận sâu sắc, khách quan và toàn diện các vấn đề. Vì vậy cấp ủy Đảng, chính quyền phải không ngừng nâng cao nhận thức, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như cán bộ, nhân viên các cấp./.

TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ...

(Xem tiếp trang 27)

Đảng; cùng với đó, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, xử lý kịp thời, dứt điểm những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề gây bức xúc trong nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên luôn tỉnh táo, cảnh giác, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu thủ đoạn, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, những phân tử cơ hội chính trị, bất mãn...

Thứ năm, đổi mới nội dung phương thức tuyên truyền vận động, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, phát huy sức mạng của khối đại đoàn kết dân tộc. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương các mô hình, điển hình về công tác dân vận.

Để Nhân dân tin Đảng, hết lòng ủng hộ Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải gắn bó mật thiết với nhân dân, hết lòng phục vụ Nhân dân, đặt lợi ích của Đảng, quyền lợi của nhân dân lên trên hết, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc bất hủ: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”, là yêu tố quyết định để Đảng không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, thêm vững vàng chèo lái, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc đến thắng lợi./.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 330)

⁽²⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 41

⁽³⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 290 - 291

⁽⁴⁾ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch năm 2020)

⁽⁵⁾ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 213

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH



ThS. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội tiêu cực ra đời khi xã hội loài người phân chia giai cấp, hình thành nhà nước. Tham nhũng có tác hại làm thất thoát tài sản của Nhà nước, của Nhân dân; làm giảm sức mạnh quản lý hành chính nhà nước, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với chế độ; làm ảnh hưởng uy tín của quốc gia trên trường quốc tế; đe dọa sự tồn vong của chế độ. Ngay từ những ngày đầu mới giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của Nhân dân, và của Chính phủ, “là giặc ở trong lòng”, “là giặc nội xâm”. Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đảng (tháng 11/1994) xác định nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác là một trong bốn “nguy cơ” đối với Đảng và Cách mạng Việt Nam.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đáng chú ý là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí”. Nghị quyết đã xác định mục tiêu: “Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch,

vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính”.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII chủ trương: “Tích cực đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, trong đó chú trọng về hoàn thiện thể chế về kinh tế - xã hội, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, kiểm sát, xét xử; xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng, lãng phí; tổ chức thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Phát huy vai trò giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan truyền thông trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tổ chức thi hành pháp luật. Giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện tốt cơ chế bảo vệ người phát hiện, tố cáo tham nhũng”⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khoá XVIII, công tác phòng chống tham nhũng (PCTN) trên địa bàn tỉnh Hà

Tỉnh luôn được cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định cả hai mặt phòng và chống. Công tác tuyên truyền, giáo dục về PCTN gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt được nhiều kết quả. Các cấp, các ngành đã quán triệt nghiêm túc, đầy đủ 5 quan điểm của Đảng về PCTN. Việc thực hiện rà soát, bổ sung, xây dựng thể chế, thực hiện các biện pháp phòng ngừa được duy trì thường xuyên. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc tham nhũng, lãng phí được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, cơ bản đã ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PCTN ở Hà Tĩnh còn có những hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng chưa được được tiến hành thường xuyên, sâu rộng, một số văn bản mới ban hành chưa được triển khai kịp thời; một bộ phận đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu tự giác trong học tập, nghiên cứu; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của xã hội và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Vai trò giám sát của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy mạnh mẽ.

- Nhiều cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chưa quyết liệt trong chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; hầu hết cấp uỷ, tổ chức đảng cấp

huyện và cấp cơ sở chưa thực hiện việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng, lãng phí vào sinh hoạt định kỳ theo quy định tại Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 01/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn có liên quan trong việc triển khai, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng chưa chặt chẽ, thường xuyên.

- Một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung; công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn bất cập; kỷ cương, kỷ luật trên một số lĩnh vực chưa nghiêm để xảy ra nhiều sai phạm, nhất là ở các lĩnh vực tài chính-ngân sách, xây dựng cơ bản, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tổ chức cán bộ...

- Công tác tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu. Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trên một số lĩnh vực nhất là trong lĩnh vực tài chính, thuế, đầu tư xây dựng cơ bản, môi trường, đất đai, tài nguyên, khoáng sản còn nhiều hạn chế. Việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong một số lĩnh vực còn bất cập, dễ xảy ra nhiều sai phạm. Kê khai tài sản thu nhập còn nặng về hình thức; nhận thức, trách nhiệm về công tác kê khai nhất là thực hiện công khai bản kê khai của người đứng đầu và các đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai còn hạn chế. Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức ở một số địa phương, đơn vị còn hình thức, chưa kiên quyết, còn có hiện tượng nể nang.

- Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán còn hạn chế; số vụ việc sai phạm được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chuyển cơ quan điều tra xem xét xử lý hình sự còn ít; chất lượng điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng chưa cao (nhiều

vụ bị tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc cải sửa); việc thi hành các quy định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, nhất là thu hồi tiền, tài sản chưa kịp thời, xử lý các tập thể, cá nhân có liên quan sai phạm thiếu nghiêm túc, làm ảnh hưởng đến kỷ cương, phép nước và kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng.

- Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng chưa đáp ứng yêu cầu; cơ chế giám sát, tự kiểm tra còn nhiều hạn chế và bất cập; hoạt động của Thanh tra nhân dân trong nội bộ tổ chức, đơn vị chưa được phát huy đầy đủ; tình trạng thiếu chủ động trong việc kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn chưa được khắc phục.

- Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo về phòng, chống tham nhũng của nhiều cơ quan, đơn vị còn chậm, chất lượng thấp, làm ảnh hưởng đến kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành⁽²⁾.

Nguyên nhân của hạn chế:

- Tính tiên phong, gương mẫu, vai trò trách nhiệm của người đứng đầu ở nhiều cấp ủy, cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu công tác phòng, chống tham nhũng; một số cán bộ, đảng viên thiếu rèn luyện, tu dưỡng, thiếu trách nhiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng dẫn đến các sai phạm, tham nhũng, lãng phí.

- Hệ thống pháp luật nói chung và cơ chế, chính sách quản lý của Nhà nước chưa đồng bộ, còn nhiều sơ hở, bất cập, nhất là các lĩnh vực nhạy cảm dễ xảy ra tham nhũng; nhiều cơ chế, chính sách không còn phù hợp nhưng chậm được sửa đổi, nhất là cơ chế “xin - cho”, “chạy dự án” tồn tại quá lâu.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra về phòng, chống tham nhũng chủ yếu được tiến hành bởi lực lượng Thanh tra, trong

khí lực lượng Thanh tra mỏng, năng lực, phẩm chất chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

- Các hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, phức tạp, được thực hiện bởi những người có chức, có quyền, xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực đời sống xã hội, nhưng điều kiện, biện pháp nghiệp vụ và kỹ thuật cần thiết chưa đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh chống tội phạm.

- Kỷ cương hành chính, kỷ luật Đảng đối với các sai phạm được phát hiện qua kiểm tra, thanh tra, kiểm toán chưa nghiêm, còn biểu hiện nể nang, né tránh, chưa đủ sức răn đe phòng ngừa, làm giảm hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo PCTN⁽³⁾.

Trong thời gian tới, để công tác PCTN trên địa bàn Hà Tĩnh có hiệu quả cao, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, nhất là các nội dung liên quan trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XII của Đảng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị; Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện công tác PCTN đến năm 2020; Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020; Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và Kế hoạch thực thi Công ước của Chính phủ...

Hai là, gắn việc thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính

trị, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng với Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, tăng cường, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra để phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, lãng phí nhất là các vụ nghiêm trọng, phức tạp mà dư luận xã hội quan tâm. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán đảm bảo kỷ cương.

Bốn là, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, lấy hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá năng lực, kết quả công tác của tổ chức, cơ quan, đơn vị. Xác định công tác phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, thường xuyên của cả hệ thống chính trị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Thực hiện nghiêm túc việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng, lãng phí vào các cuộc sinh hoạt định kỳ của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

Năm là, đẩy mạnh việc trao đổi thông tin, hoàn thiện cơ chế phối hợp về phòng ngừa, phát hiện tham nhũng giữa cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát và các cơ quan khác có liên quan. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận thông tin, giải quyết đơn thư tố cáo tham nhũng; phát hiện và biểu dương, khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có thành tích, dũng cảm tố cáo tham nhũng.

Sáu là, Nâng cao vai trò giám sát của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác phòng, chống tham nhũng; phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cơ quan ngôn luận và công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các tổ chức xã hội, báo chí, doanh nghiệp trong phòng, chống tham nhũng.

Bảy là, tập trung chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu áp dụng thống nhất, phù hợp với tình hình thực tế, làm cơ sở cho các địa phương, đơn vị thực hiện; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chỉ đạo các sở, ban, ngành soát xét, bổ sung cơ chế quản lý đảm bảo tính khoa học, hiệu quả; bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động; xây dựng và tổ chức thực hiện những quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của đơn vị, của ngành; thực hiện nghiêm việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật PCTN năm 2018; triển khai thực hiện kịp thời các văn bản của Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng.

Tám là, thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng; nâng cao chất lượng báo cáo của các tổ chức, cơ quan, đơn vị để bảo đảm có đầy đủ thông tin, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo./.

Tài liệu tham khảo:

(1) Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015- 2020;

(2), (3) Báo cáo tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh khoá XVIII đến nay; phương hướng, nhiệm vụ công tác phòng chống tham nhũng nhiệm kỳ 2020 – 2025, ngày 12/6/2019 của Ban Nội chính Tỉnh ủy Hà Tĩnh.

ĐẢNG BỘ HÀ TỈNH LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2009 - 2019



ThS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, là một trong ba bộ phận cấu thành của cơ cấu kinh tế quốc dân, có quan hệ chặt chẽ, tác động hỗ trợ qua lại với ngành công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu nông nghiệp là tổng thể các bộ phận hợp thành ngành nông nghiệp, các bộ phận này được xác định trong mối quan hệ tỷ lệ về chất lượng và số lượng giữa các yếu tố cấu thành tổng thể ngành nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp cũng được xem xét cả về chất lượng và số lượng, cả về quy mô sản xuất và lực lượng lao động làm việc trong các bộ phận cấu thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là quá trình thay đổi (tăng hoặc giảm) về quy mô, tỷ lệ giá trị và tỷ lệ lao động tham gia các chuyên ngành, tiểu ngành trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải đảm bảo kiến tạo một hệ thống bền vững về mặt kinh tế, xã hội và môi trường không chỉ đảm bảo nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của thế hệ hiện tại mà còn đảm bảo nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của thế hệ tương lai. Trong công cuộc đổi mới đất nước, vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ngày càng được Đảng ta nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn. Trên cơ sở đó, đã đề ra những chủ trương, định hướng cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Là một tỉnh nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp của Hà Tĩnh có vai trò rất to lớn đối với sự phát triển mọi mặt của tỉnh. Với diện tích đất tự nhiên là 599.717ha, trong đó có 476.158ha đất nông nghiệp (79,3%). Trong giai đoạn 2009-2019, Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế, trong đó xác định kinh tế nông nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững là một trong những nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới phát triển kinh tế của tỉnh. Hà Tĩnh đã cụ thể hóa Nghị quyết 26-NQ/TW, ngày 05-8-2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” bằng Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 19-5-2009, “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 định hướng năm 2020” với quyết tâm chính trị cao. Nghị quyết số 08 NQ/TU đã đề ra mục tiêu chung là: “Phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với công nghiệp, dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững; hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung; đẩy mạnh cơ giới hoá, điện khí hoá và áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả; giải quyết tốt các nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm, môi trường bền vững không những cho dân cư nông thôn mà cả dân cư công nghiệp

và đô thị. Phát triển công nghiệp, dịch vụ gắn với chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân; từng bước điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý. Xây dựng nông thôn mới theo hướng truyền thống, văn minh, hiện đại, có kết cấu hạ tầng phù hợp với quy hoạch không gian làng, xã, quy hoạch kinh tế - xã hội của ngành và địa phương; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; đảm bảo môi trường sinh thái... Nhanh chóng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền, đặc biệt quan tâm vùng miền núi, vùng sâu, vùng tái định cư; nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng giai cấp nông dân mới theo ý thức tự vươn lên, có khả năng làm chủ nông thôn mới. Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội”.

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08, UBND tỉnh đã có Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) đã khẳng định: “Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung, hàng hóa, có kỹ thuật, năng suất cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ”⁽¹⁾; “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển”⁽²⁾.

Triển khai Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc

gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Hà Tĩnh xác định đây là Chương trình trọng tâm. Để tiếp tục đưa Nghị quyết 26-NQ/TW, 08-NQ/TU vào chiều sâu sát với thực tiễn cuộc sống và cụ thể hóa Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 01/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 về Phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Đến Đại hội đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) xác định mục tiêu: “*phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, gắn với nền nông nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”⁽³⁾. Thực hiện chủ trương đó, Đảng bộ Hà Tĩnh “*tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt các mục tiêu tái cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”⁽⁴⁾. Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết, sản xuất theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình liên kết 4 nhà phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh tạo bước chuyển toàn diện về phát triển nông nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

Ngày 18-12- 2015, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 04-CT/TU về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp năm 2016; bám sát khung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Chương trình số 10/CTr-UBND, ngày 15-01-2016, của UBND tỉnh, chủ động ban hành và triển khai các đề án, kế hoạch, phương án sản xuất. Triển khai, thực hiện sự lãnh đạo của Đảng bộ, HĐND, UBND

tỉnh đã xây dựng đồng bộ các quy hoạch và ban hành các hệ thống, chính sách nhằm giải phóng tối đa các nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển bền vững.

Trong những năm 2009 - 2019, cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng trưởng kinh tế bình quân đầu người của Hà Tĩnh đã đạt kết quả cao. Nếu như năm 2009 đạt 7,62%, năm 2010 đạt 8,26%, bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt trên 18%. Trong giai đoạn 2016 - 2019, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn giữ ở mức khá ổn định (năm 2017 đạt 10,71%, năm 2018 đạt 18,5%⁽⁵⁾, năm 2019 10,99%), cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. GRDP bình quân đầu người năm 2017 đạt trên 39 triệu đồng (tăng gấp 4 lần so với năm 2008), năm 2019 đạt 62,1 triệu đồng. Khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển toàn diện, một số sản phẩm chủ lực phát triển với tốc độ cao, quy mô sản xuất tương đối lớn được hình thành rõ nét. Sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ từng bước được hình thành. Liên kết kinh tế, xã hội hóa sản xuất ngày càng phát triển. Nhờ thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách và giải pháp về tái cơ cấu ngành nên sản xuất nông nghiệp Hà Tĩnh liên tục tăng trưởng cao. Cơ cấu sản xuất ngành, lĩnh vực và nhiều sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực có bước chuyển dịch theo hướng tích cực: Tăng giá trị sản xuất ngành chăn từ 32,28% (2008) lên trên 52,8%; tăng nhanh tỷ trọng cơ cấu giá trị sản xuất ngành hàng, sản phẩm có lợi thế phát triển, giá trị gia tăng cao (như Cam, bưởi Phúc Trạch, rau củ quả, chè xuất khẩu, bò, lợn, hươu, tôm), giữ ổn định, giảm dần quy mô sản xuất với cơ cấu hợp lý các sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng thấp hơn và xu hướng cung cầu thị trường đang dần bão hòa (như lúa, lạc, cao su...); phát huy lợi thế các vùng sinh thái⁽⁶⁾. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp Hà Tĩnh đã có sự phát triển tích cực như:

Về trồng trọt, từ việc thay đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu bộ giống, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và các chính sách hỗ trợ về giống, phân bón kịp thời, hiệu quả đã góp phần tích cực làm cho kết quả sản xuất tăng lên phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Về chăn nuôi, đã có sự thay đổi rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh từ nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi gia trại, trang trại lớn, nuôi công nghiệp, nuôi liên kết phát triển với nhiều vùng chăn nuôi tập trung, tỷ trọng, quy mô chăn nuôi công nghiệp tăng.

Về lâm nghiệp, đã chuyển dần từ khai thác sang tập trung gây dựng vốn rừng với nhiều chương trình, dự án trồng rừng tập trung và đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng ổn định lâu dài cho các hộ gia đình. Diện tích rừng và độ che phủ rừng đã tăng lên đáng kể. Năm 2015, giá trị sản xuất lâm nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đạt 853 tỷ đồng, tăng 97,89% so với năm 2006 và tăng 67,78% so với năm 2011. Trong 5 năm (2011 - 2015), bình quân mỗi năm giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng bình quân là 11,86%/năm⁽⁷⁾. Năm 2018, Hà Tĩnh đã tập trung chỉ đạo phát triển rừng sản xuất theo hướng quy hoạch tập trung, quản lý giống cây theo chuỗi hành trình. Điều chỉnh cơ cấu lại quy hoạch sản xuất cây cao su; phát triển dịch vụ môi trường, tạo nguồn thu ổn định tái đầu tư cho trên 25.78ha rừng/năm. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 52,3%. Năm 2019, đã trồng mới và trồng lại sau khai thác được 4.860 ha rừng tập trung (300 ha rừng phòng hộ và 4.560 ha rừng sản xuất), 2,5 triệu cây phân tán, khai thác gỗ rừng trồng ước đạt trên 287.811m³; đã ban hành trên 28 công văn, công điện, chỉ thị chỉ đạo, hướng dẫn phòng cháy chữa cháy rừng,⁽⁸⁾...

Về thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, công nghệ cao, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa đối tượng và phương

thức nuôi, liên kết theo chuỗi giá trị; chấn chỉnh quản lý quy hoạch các vùng nuôi, nhất là tôm trên cát, đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh, phát triển bền vững. Năm 2009, giá trị sản xuất của ngành thủy sản đạt 864.690 tỷ đồng, năm 2010 tăng lên 889.241 tỷ đồng. Bình quân giai đoạn (2011 - 2015) tăng 6,78%/năm. Năm 2019 tổng sản lượng thủy sản đạt trên 51.360 tấn (tăng 12,7% so với năm 2018); diện tích nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao đạt trên 900 ha (tăng 4,5%)⁽⁹⁾.

Từ thực tiễn chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp toàn diện theo hướng bền vững và hiện đại ở Hà Tĩnh thời gian qua, có thể cho thấy những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Hà Tĩnh:

Thứ nhất, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể quán triệt sâu sắc nội dung các nghị quyết, làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức trong triển khai thực hiện; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Thứ hai, vận dụng sáng tạo Nghị quyết của Trung ương sát với thực tiễn địa phương; ban hành các chủ trương, cơ chế chính sách đồng bộ, sát đúng; ưu tiên thỏa đáng cho thu hút đầu tư, tích tụ và tập trung ruộng đất, chuyển giao khoa học công nghệ, khai thác lợi thế vùng miền, tạo sự đột phá cho phát triển sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn tiến tới sản xuất nông nghiệp hiện đại, vừa đảm bảo tính sản xuất trên diện rộng, an sinh xã hội; huy động nguồn lực và trao quyền đầy đủ cho người dân, cộng đồng với vai trò chủ thể thực hiện.

Thứ ba, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp chủ động, sáng tạo, quyết liệt, thường xuyên kiểm tra, sâu sát cơ sở, đôn đốc, nhắc nhở, nắm bắt ý kiến, nguyện

vọng, khó khăn của người dân, doanh nghiệp, tập trung chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ, thúc đẩy phát triển sản xuất, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Thứ tư, cán bộ là nhân tố quyết định trong tổ chức thực hiện đưa nghị quyết vào cuộc sống; phát huy vai trò, tâm huyết, gắn trách nhiệm với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, tổ chức; thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, thôn, xóm.

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Tĩnh: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XVII, tr74

² Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Tĩnh: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XVII, tr15

³ Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Tĩnh: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XVIII, tr50

⁴ Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Tĩnh: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XVIII, tr54

⁵ Báo cáo số 22BC/TU, ngày 7-8-2018, “Tổng kết 10 năm thực hiện NQ số 26 của BCH TWĐảng và 9 năm thực hiện NQ số 08 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” tr 2.

⁶ -2018, “Tổng kết 10 năm thực hiện NQ số 26 của BCH TW Đảng và 9 năm thực hiện NQ số 08 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” tr4.

⁷ UBND tỉnh Hà Tĩnh: Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2018;

⁸ UBND tỉnh Hà Tĩnh: Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp kế hoạch năm 2020

⁹ UBND tỉnh Hà Tĩnh: Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp kế hoạch năm 2020.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp, là công cụ pháp lý để công dân bảo vệ quyền và lợi ích của mình, tập thể và Nhà nước khi bị xâm phạm. Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo, Đảng và Nhà nước kiểm tra tính đúng đắn, sự phù hợp của đường lối, chính sách, pháp luật, từ đó có cơ sở thực tiễn để hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều giải pháp căn cơ nhằm bảo đảm quyền khiếu nại của công dân được ghi nhận trong hiến pháp, trong đó đặc biệt chú trọng công tác giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Theo quy định tại Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, thì giám sát được hiểu là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính được hiểu là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo; trong tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; trong kiểm tra, xác minh, kết luận về nội dung khiếu nại, tố cáo và quyết định giải quyết, xử lý của người giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Hoạt động giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính đóng vai trò hết sức quan trọng là một trong những phương thức kiểm soát có hiệu quả việc thực thi quyền lực trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo, góp phần thúc đẩy việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mục đích của việc giám sát là để nhận xét, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, từ đó đưa ra kiến nghị để tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo; đưa ra giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức, thực hiện nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Theo quy định của pháp luật hiện hành trách nhiệm giám sát về giải quyết khiếu nại, tố cáo được giao cho nhiều cơ quan và chủ thể khác nhau thực hiện. Theo đó, ở địa phương do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Các chủ thể này được giao thẩm quyền và các

phương thức giám sát khác nhau để thực hiện chức năng giám sát. Tuy nhiên ngoài những kết quả đạt được thì công tác giám sát công tác giải quyết khiếu nại hiện nay vẫn còn một số tồn tại hạn chế nhất định:

Thứ nhất, chất lượng hoạt động giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa cao. Việc thực hiện giám sát còn nặng về nghe báo cáo mà chưa chú trọng vào việc trao đổi, nghe người dân trình bày và cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; chưa tập trung xem xét, xác minh vấn đề mà đại biểu quan tâm; việc theo dõi, đôn đốc các vụ việc đã chuyển tới các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức giám sát việc giải quyết chưa nhiều; việc phối hợp giữa các cơ quan thực hiện chức năng giám sát chưa đồng bộ, cơ sở dữ liệu thông tin về tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo thiếu và chưa được cập nhật thường xuyên; việc theo dõi, lập hồ sơ giải quyết đơn, thư do các cơ quan dân cử, đại biểu dân cử chuyển đến chưa đầy đủ, kịp thời, gây khó khăn cho công tác tổng hợp, báo cáo. Trong công tác giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp vẫn còn tình trạng nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo mà không xem xét xử lý hoặc chuyển đơn lòng vòng làm giảm niềm tin của nhân dân đối với chính quyền.

Thứ hai, việc tiếp nhận, xử lý các kiến nghị giám sát của các cơ quan có thẩm quyền còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến hiệu quả, hiệu lực của hoạt động giám sát. Thực tiễn cho thấy, nhiều cơ quan, tổ chức khi nhận được kết quả và kiến nghị giám sát nhưng chưa tổ chức thực hiện triệt để, chưa thực hiện đầy đủ các kiến nghị giám sát trong thời gian yêu cầu. Điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc chưa có các biện pháp bảo đảm thực hiện các kiến nghị giám sát vì vậy một số vụ việc nổi cộm sau khi có kiến nghị giám sát của các cơ quan chức năng vẫn không được cơ quan nhà nước có thẩm

quyền giải quyết một cách thấu đáo, gây mất thời gian tổn kém tiền của và giảm bớt niềm tin của người khiếu nại, tố cáo.

Thứ ba, kỹ năng, nghiệp vụ của các chủ thể giám sát còn hạn chế, nhất là chưa nắm rõ quy trình, thủ tục, thẩm quyền trong giải quyết khiếu nại tố cáo vì vậy vô tình gây cản trở hoặc không giám sát đến cùng vụ việc cần giám sát. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin của người dân vào tính khách quan, minh bạch và sự công bằng của các cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thứ tư, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có cơ chế khuyến khích việc nhân dân tham gia giám sát công tác giải quyết khiếu nại tố cáo của các cơ quan nhà nước. Vì vậy không tránh khỏi hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm hoặc bao che khuyết điểm cho nhau trong quá trình thụ lý, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân.

Từ những mặt hạn chế yếu kém nêu trên, để nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo cần tập trung một số nhiệm vụ sau:

Một là, ngoài việc thực hành giám sát của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành, cần áp dụng và nhân rộng mô hình tiếp dân định kỳ “ba trong một” của các cấp chính quyền nghĩa là thông qua việc tiếp dân định kỳ người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và Mặt trận tổ quốc có được cái nhìn cụ thể về tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân đồng thời tìm được tiếng nói chung giữa lãnh đạo chỉ đạo với thực hành tiếp dân và giám sát phản biện của mặt trận tổ quốc. Đặc biệt cần tăng cường giám sát kiểm tra của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo của các cơ quan nhà nước, tập trung

Xem tiếp trang 63

MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN LƯU Ý KHI GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH



ThS. NGUYỄN DUY LONG

Phó trưởng khoa Nhà nước & Pháp luật

Chính quyền địa phương bao gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân, là tổ chức Hiến định, được thiết lập ở các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, là bộ phận quan trọng trong bộ máy nhà nước. Chính quyền địa phương có nhiệm vụ tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương theo quy định của pháp luật. Do đó, việc nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân các cấp có ý nghĩa rất quan trọng.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan hành chính Nhà nước là những người trực tiếp tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, vì vậy, để nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền địa phương đòi hỏi phải quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về mọi mặt, trước hết là phải trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Khi giảng dạy chuyên đề Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính cần chú trọng giúp học viên nhận thức đầy đủ các vấn đề sau:

1. Cần phân biệt rõ văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật (văn bản cá biệt)

Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định của Pháp luật (Điều 2

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015). Quy phạm pháp luật được giải thích là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo quy định trong Luật và được Nhà nước bảo đảm thực hiện (khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

Cấu trúc chung của quy phạm pháp luật gồm 03 bộ phận cấu thành: Giả định, quy định và chế tài. Trong đó: phần giả định sẽ trả lời cho câu hỏi trong hoàn cảnh nào, khi nào thì áp dụng quy phạm pháp luật đó; phần quy định đặt ra cách xử sự khi gặp tình huống đó thì các chủ thể phải làm gì, được làm gì hoặc không được làm gì; phần chế tài xác định những trách nhiệm pháp lý (nói cách khác là hậu quả mà chủ thể phải chịu) khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong phần quy định của quy phạm. Đây là khuôn mẫu cho hành vi xử sự của các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật.

Một trong những đặc trưng của quy phạm pháp luật là được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần. “Áp dụng nhiều lần” hoàn toàn khác với “áp dụng trong một thời gian dài”. Quy tắc xử sự được áp dụng nhiều lần là khi chủ thể này ở trong tình huống (giả định) đó thì phải thực hiện cách xử sự đã quy định, khi chủ thể khác ở vào tình huống đó cũng phải thực hiện như vậy. Cũng có thể một chủ thể nhưng có nhiều lần tham gia vào tình huống thì tất cả các lần tham gia tình huống đều phải

áp dụng. Ví dụ: khi tham gia giao thông, đèn giao thông chuyển sang màu đỏ A dừng lại thì B cũng phải dừng lại và lần khác khi đến đây gặp đèn đỏ cũng phải dừng lại. Còn việc Nghị quyết của HĐND giao dự toán thu ngân sách cho đơn vị A trong năm là 02 tỷ thì đây là nhiệm vụ cụ thể giao cho một chủ thể phải thực hiện trong năm, tức là trong một khoảng thời gian dài (là một năm) chứ không phải giao cho các đơn vị khác. Mặt khác, khi chủ thể này nộp đủ số tiền vào ngân sách hoặc nộp không đủ nhưng đã hết thời hạn của năm ngân sách giao dự toán thu thì mệnh lệnh này hết hiệu lực mà không áp dụng lại cho chủ thể khác.

Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, do cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ban hành, được áp dụng một lần trong đời sống và bảo đảm thực hiện bằng sự cưỡng chế Nhà nước.

Từ khái niệm Văn bản QPPL được nêu tại điều 2 Luật Ban hành văn bản QPPL 2015, để xác định văn bản ở thể loại nào, chúng ta cần làm cho học viên rõ: văn bản đó có chứa đựng QPPL không? Chủ thể ban hành có đúng thẩm quyền không? Hình thức văn bản có đúng thể thức quy định không? Trình tự, thủ tục ban hành có đúng quy định không?

Ngoài ra, để xác định văn bản ở thể loại nào, chủ thể ban hành cần xem xét văn bản đó có thỏa mãn các yếu tố nào?

- Thứ nhất, về phạm vi áp dụng

Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với tất cả các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh (ví dụ: Luật xử lý vi phạm hành chính 2012); *văn bản áp dụng pháp luật* chỉ áp dụng đối với một hoặc một số đối tượng được xác định đích danh trong văn bản đó (ví dụ: Quyết định bổ nhiệm cán bộ của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân).

- Thứ hai, về thời gian có hiệu lực

Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực lâu dài, theo mức độ ổn định của phạm vi và đối tượng điều chỉnh; *văn bản áp dụng*

pháp luật có hiệu lực ngắn, theo vụ việc (ví dụ: Nghị quyết dự toán, quyết toán ngân sách địa phương).

- Thứ ba, về cơ sở để ban hành

Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành dựa trên Hiến pháp, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật của chủ thể có thẩm quyền ban hành; *văn bản áp dụng pháp luật* được ban hành thường dựa vào ít nhất một văn bản quy phạm pháp luật hoặc dựa vào văn bản áp dụng pháp luật của chủ thể có thẩm quyền.

- Thứ tư, về tên gọi, hình thức và chủ thể ban hành

Tên gọi, hình thức và chủ thể ban hành của *văn bản quy phạm pháp luật* được xác định có 15 loại văn bản do các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền ban hành (Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015) và do tập thể ban hành nhiều hơn; còn *văn bản áp dụng pháp luật* hiện không xác định bao nhiêu loại văn bản với tên gọi, hình thức thể hiện và chủ thể ban hành và cũng do các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ban hành, nhưng thường là cá nhân ban hành nhiều hơn.

2. Cần xác định rõ văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương

Thực tế trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương một số nơi cũng chưa được nhận thức và thực hiện đúng theo quy định. Có các loại văn bản theo quy định của pháp luật thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng một số địa phương đã ban hành theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Ở đây, có mấy điểm cần lưu ý:

Thứ nhất, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã liệt kê một số loại Nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, nó chỉ mang

tính hỗ trợ cho khoản 1 Điều 3: “Văn bản quy phạm pháp luật phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”, từ đó, dẫn ra một số loại để làm ví dụ chứ không phải là một phụ lục liệt kê hết tất cả các loại văn bản cá biệt.

Như vậy, có một số loại Nghị quyết, Quyết định không nêu trong khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 nhưng cũng có thể không phải là văn bản QPPL, vì không có đầy đủ các yếu tố của văn bản QPPL, mà trước hết là không chứa đựng các quy phạm pháp luật cụ thể nào cả. Ví dụ:

- Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, năm năm, mười năm đều có nội dung gồm các nhiệm vụ, các chỉ tiêu, kế hoạch mang tính định hướng, các giải pháp để đạt được mục tiêu và do nhiều chủ thể đồng thời cùng thực hiện. Việc triển khai thực hiện các nội dung đó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Nếu thực hiện, không đạt chỉ tiêu hoặc vượt chỉ tiêu (không đúng với nội dung nghị quyết) thì không vì vậy mà các chủ thể thực hiện phải chịu chế tài.

- Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách chỉ mang tính chất dự kiến. Kết quả thực hiện có thể thu không đạt hoặc thu vượt; chi không hết ngân sách dự kiến phân bổ hoặc chi vượt nên phải cấp kinh phí bổ sung từ nguồn ngân sách dự phòng. Do đó, các nghị quyết này thuộc nhóm văn bản chủ đạo, mang tính chất đề ra chủ trương, đường lối chứ không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách hàng năm là việc HĐND kiểm tra lại việc thực hiện chi ngân sách, tức là phê chuẩn, đồng ý với kết quả thực hiện chứ không đặt ra các quy tắc xử sự để thực hiện sau khi ban hành nghị quyết.

Thứ hai, theo quy định tại Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao”, tức là khi có sự ủy quyền của Quốc hội. Vì vậy, để biết văn bản được ban hành thuộc thể loại nào thì trước khi ban hành cần phải rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến nội dung văn bản chuẩn bị ban hành có được pháp luật cho phép hay không?

Chính vì vậy, khi giảng dạy chuyên đề Kỹ năng xây dựng ban hành văn bản trong chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính cần xác định trọng tâm cho học viên về kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Đây là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND./.

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

2. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

3. PGS.TS. Phan Trung Hiền - Phó Trưởng khoa Luật Trường Đại học Cần Thơ, Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật.

4. ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng (Trường Chính trị tỉnh Lạng Sơn), ThS. Phạm Thái Quý (Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh Quảng Bình) - “Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân” - Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=200>.

5. ThS. Hoàng Ngọc Hải - “Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015” - Tạp chí Dân chủ và Pháp luật: <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=321>.

6. Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính (Ban hành kèm theo Quyết định số 2720/QĐ-BNV ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ), chuyên đề 16.

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG KHỐI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH HIỆN NAY



ThS. CHU THỊ THU HUYỀN

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Xây dựng và phát triển tổ chức đảng trong các thành phần kinh tế tư nhân nói chung là một nhiệm vụ hết sức quan trọng được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, nhất là khối doanh nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện, như Quy định số 170-QĐ/TW, của Ban Bí thư, quy định “*Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp tư nhân*”; Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW, của Ban Tổ chức Trung ương, về “*Thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng*”... Mới đây nhất là Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18-3-2019, của Ban Bí thư, về “*Tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân*”... nhằm xây dựng hệ thống tổ chức đảng đến tất cả các thành phần, tổ chức kinh tế, tăng cường và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII nêu rõ: “*Tập trung thành lập, xây dựng, củng cố các tổ chức đảng và đoàn thể trong các doanh nghiệp*”. Đây được coi là nhiệm vụ quan trọng, nhất là trong điều kiện Hà Tĩnh đang tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, “ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp...”. Bên cạnh ưu tiên phát triển kinh tế những năm qua Đảng bộ Hà Tĩnh đã quan tâm xây dựng tổ chức đảng trong khối doanh nghiệp thực sự trở thành hạt nhân chính trị lãnh đạo đảng viên, người lao động; tuyên

truyền, vận động chủ doanh nghiệp nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, chủ doanh nghiệp, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã trên địa bàn.

Tuy nhiên, việc phát triển đảng trong khối doanh nghiệp tư nhân lại là một “lỗ hổng” khá lớn. Tỷ lệ doanh nghiệp có tổ chức đảng trên địa bàn Hà Tĩnh rất thấp so với số lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động. Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, hiện nay toàn tỉnh có gần 7.500 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc trên hệ thống,⁽¹⁾ trong đó có hơn 3.300 doanh nghiệp trong khối tư nhân đăng ký hoạt động nhưng chỉ có 54 tổ chức đảng (5 chi bộ trực thuộc đảng bộ bộ phận, 14 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở và 35 chi bộ cơ sở).

Tỷ lệ này cho thấy số lượng đảng viên và tổ chức đảng được thành lập nói chung chưa tương xứng với số lượng doanh nghiệp. Công tác phát triển đảng trong khối doanh nghiệp tư nhân chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, “*chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên, tỉ lệ số tổ chức đảng trên tổng số đơn vị cũng như số đảng viên trên tổng số lao động trong khu vực kinh tế tư nhân còn rất thấp*”⁽²⁾, đây là thực trạng chung của cả nước trong đó có tỉnh Hà Tĩnh. Thực trạng này do nhiều nguyên nhân, như đa số các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ (gần 97%)⁽³⁾, số lượng lao động ít, sản xuất, kinh doanh thiếu ổn định, lao động biến động thường xuyên; số lượng lao động thời vụ, lao động ngoài hợp đồng

trương đối nhiều nên có những doanh nghiệp chủ doanh nghiệp và người lao động chưa có sự ràng buộc chặt chẽ. Mặt khác, công tác chỉ đạo, hướng dẫn của một số cấp ủy Đảng đối với các doanh nghiệp chưa thường xuyên, chưa linh hoạt; không ít cấp ủy còn lúng túng hoặc chưa có quyết tâm chính trị cao. Nhận thức của nhiều cấp ủy chưa theo kịp tình hình, phương pháp, cách làm thiếu sâu sát, sáng tạo. Vì vậy, việc tiếp cận, tuyên truyền thành lập tổ chức đảng tại các doanh nghiệp còn nhiều trở ngại. Trong đó, khó khăn lớn nhất hiện nay là việc các chủ doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng đối với doanh nghiệp nên có tâm lý né tránh, không mặn mà với việc thành lập tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể trong doanh nghiệp của mình, dẫn đến việc xây dựng các tổ chức chính trị xã hội nói chung và tổ chức đảng nói riêng là hết sức khó khăn. ...

Về phía người lao động, các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn Hà Tĩnh hiện nay chủ yếu là lao động phổ thông, trẻ cả về tuổi đời và tuổi nghề, việc làm và thu nhập không ổn định, kinh tế khó khăn. Vì vậy, người lao động chủ yếu chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế mà chưa chú trọng đến chính trị, nên việc tuyên truyền vận động lực lượng này khó khăn; một bộ phận có tâm lý lo sợ khi tham gia sinh hoạt Đảng và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người đảng viên sẽ ảnh hưởng tới lợi ích kinh tế của mình. ...

Thực trạng trên đã ảnh hưởng rất lớn tới việc thành lập tổ chức và tạo nguồn, phát triển đảng viên cũng như duy trì hoạt động của tổ chức đảng trong khối doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó “các quy định, quy chế, hướng dẫn xây dựng tổ chức đảng thiếu đồng bộ, chậm sửa đổi, bổ sung phù hợp với đặc thù của đơn vị kinh tế tư nhân.”⁽⁴⁾

Thực tế đó đòi hỏi phải có sự thay đổi mạnh mẽ về nhận thức; đổi mới cả về nội

dung lẫn cách thức, phương pháp để phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong các đơn vị kinh tế tư nhân, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khu vực kinh tế này, trước mắt cần tập một số nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, tạo chuyển biến thực sự về mặt nhận thức cho cả xã hội, nhất là đội ngũ chủ doanh nghiệp và lực lượng lao động trong khu vực này về vị trí, vai trò của tổ chức đảng nói riêng và các tổ chức chính trị xã hội nói chung trong doanh nghiệp; về lợi ích chính trị cũng như nghĩa vụ của mình đối với nhà nước với chế độ. Cấp ủy đảng phải sát sao, cụ thể hơn trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chủ trương liên quan đến công tác phát triển đảng trong các tổ chức kinh tế tư nhân nói chung và các doanh nghiệp tư nhân nói riêng. Quan tâm, hỗ trợ đúng mức đến công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong các đơn vị doanh nghiệp tư nhân;

Thứ hai, rà soát, bổ sung, đổi mới hệ thống văn bản, quy chế, quy định về các thủ tục thành lập tổ chức đảng trong khối doanh nghiệp tư nhân, giảm bớt những quy định trình tự, thủ tục thành lập tổ chức đảng, kết nạp đảng viên, kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng nhằm linh hoạt, phù hợp với từng loại hình.

Thứ ba, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền vận động và phổ biến các quy chế, quy định của Đảng, Nhà nước. Đây là một giải pháp hết sức quan trọng để tháo gỡ những vướng mắc về mặt nhận thức của cả chủ doanh nghiệp và người lao động. Thực tế cho thấy, ở đâu công tác tuyên truyền tốt, nơi đó kết quả đạt được sẽ cao hơn, thể hiện bằng số lượng tổ chức đảng, tổ chức chính trị xã hội được thành lập trong doanh nghiệp và cả chất lượng hoạt động của các tổ chức đó.

Thứ tư, cấp ủy cần tập trung chỉ đạo xây dựng và lựa chọn cán bộ có đủ năng lực, bản lĩnh, uy tín, am hiểu công tác đảng tham gia cấp ủy. Lựa chọn bố trí bí thư cấp ủy là lãnh đạo doanh nghiệp. Mạnh dạn đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nhất là trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ; linh hoạt trong cách thức, phương pháp tổ chức hoạt động của đội ngũ cấp ủy, đảng viên trong doanh nghiệp. Ở những tổ chức đảng yếu kém hoặc mới thành lập, cấp ủy cấp trên phải cử cán bộ tham gia sinh hoạt chi bộ doanh nghiệp, trực tiếp gỡ khó khăn cũng như nắm bắt tình hình cụ thể để có những điều chỉnh phù hợp...

Thứ năm, tăng cường hoạt động của tổ chức đoàn thể, nhất là đoàn thanh niên làm nòng cốt trong việc tuyên truyền vận động cũng như tạo ra các phong trào hoạt động thực sự phù hợp, hiệu quả nhằm thu hút công nhân, lao động; tổ chức công đoàn phải làm tốt chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích của lao động ở từng doanh nghiệp, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa các phong trào hành động cách mạng, thi đua yêu nước với những nội dung cụ thể, thiết thực trong người lao động. Qua đó phát hiện, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện những đoàn viên công đoàn ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét, kết nạp; gắn việc xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp với công tác thi đua khen thưởng của nhà nước để tạo thuận lợi trong việc thúc đẩy thành lập tổ chức đảng cũng như tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong doanh nghiệp làm cơ sở tốt cho việc tạo nguồn, xây dựng và phát triển tổ chức đảng trong giai đoạn tới./.

¹ BC phòng đăng kí kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh

² Chỉ thị 33/CT/TW 2019

³ Theo BC BTC Tỉnh ủy

⁴ Chỉ thị 33/CT-TW 2019

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC...

(Xem tiếp trang 57)

chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vụ việc gây bức xúc trong xã hội, thiết lập lại trật tự kỷ cương nhà nước.

Hai là, cần có cơ chế để nhân dân giám sát có hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan nhà nước, như định kỳ các cơ quan nhà nước cần thông tin một cách chính xác và đầy đủ việc tiếp nhận, tiến trình giải quyết các vụ việc đối với người khiếu nại, tố cáo, đặc biệt chú trọng các vụ việc nghiêm trọng để từ đó quyết định tổ chức đối thoại một cách kịp thời và có hiệu quả tránh gây hiểu nhầm, bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Ba là, cần có các giải pháp nhằm nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của các chủ thể giám sát, như tăng cường tập huấn kiến thức, kỹ năng giám sát cho cán bộ, công chức làm công tác giám sát; nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ giám sát được giao. Thực hành tốt công tác tiếp công dân của các cơ quan, tổ chức với hoạt động giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Điều này giúp tạo sự gắn kết giữa việc tiếp công dân cũng như trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân trong giải quyết khiếu nại, tố cáo và theo dõi, giám sát việc giải quyết.

Cuối cùng bên cạnh các giải pháp trực tiếp nêu trên, cần tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách hành chính nhà nước, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng nhằm phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm của cán bộ công chức trong thi hành công vụ, đảm bảo trật tự kỷ cương trong quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Bên cạnh đó cần tập trung đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và luật về khiếu nại, tố cáo nói riêng nhằm giúp người dân hiểu và nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật khiếu nại, tố cáo của mình. /.

THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GÓP PHẦN NÂNG CAO CHỈ SỐ CẠNH TRANH CẤP TỈNH Ở HÀ TĨNH



Th.S HỒ THANH

Giảng viên khoa Nhà nước và Pháp luật

“**K**iểm soát thủ tục hành chính” là việc xem xét, đánh giá, theo dõi nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định về thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính⁽¹⁾ (TTHC).

Kiểm soát thủ tục hành chính là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình cải cách hành chính nhà nước (giai đoạn 2001 - 2010 và giai đoạn 2011-2020). Việc kiểm soát thủ tục hành chính không chỉ góp phần thực hiện tốt các nội dung cải cách hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực hiệu quả hành chính mà còn góp phần cải thiện và minh bạch hóa môi trường đầu tư kinh doanh, đảm bảo cam kết các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và kiểm soát quyền lực.

Ở Hà Tĩnh, thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số: 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát

thủ tục hành chính và các văn bản về kiểm soát thủ tục hành chính thì công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh từ năm 2015 đến 2019 đã có những kết quả tốt. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đã tích cực trong việc triển khai các kế hoạch hàng năm về kiểm soát thủ tục hành chính và triển khai đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ do Chính phủ giao. Công tác cập nhật, công bố danh mục, quy trình nội bộ thủ tục hành chính theo các quyết định của bộ, ngành Trung ương được các sở, ban, ngành tích cực thực hiện. Hầu hết thủ tục hành chính các lĩnh vực áp dụng trên địa bàn tỉnh được công bố chuẩn hóa ở cả 3 cấp chính quyền và được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định và bằng nhiều hình thức phong phú; giải quyết thủ tục hành chính công khai minh bạch ngay từ khi tiếp nhận cho đến giải quyết và trả kết quả; nhiều thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian thực hiện, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Từ năm 2015 đến 2019, tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết ở 3 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là 5.915.569 hồ sơ, trong đó, cấp tỉnh: 459.688 hồ sơ; cấp huyện: 642.412 hồ sơ; cấp xã: 4.813.469 hồ sơ. Đã giải quyết theo cơ chế một cửa là 5.877.913 hồ

sơ (chiếm 99,36%), trong đó, trả đúng hạn 5877854 hồ sơ, đạt 99,99%⁽²⁾. So sánh các chỉ số trên phạm vi cả nước, năm 2018, chỉ số Cuộc thi cấp tỉnh (PCI) của Hà Tĩnh xếp thứ 21/63 tỉnh, thành; chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp thứ 13/63 tỉnh, thành; chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) xếp thứ 7/63 tỉnh, thành; chỉ số Hài lòng về sự phục vụ của hành chính (SIPAS) xếp thứ 4/63 tỉnh, thành⁽³⁾.

Tuy nhiên, việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính ở Hà Tĩnh còn gặp những khó khăn, vướng mắc như:

Thứ nhất, nhiều quyết định công bố thủ tục hành chính của bộ, ngành Trung ương gửi về các địa phương chậm, thậm chí có Bộ, ngành không gửi cho địa phương; nhiều thủ tục hành chính công bố bộ phận cấu thành không đầy đủ dẫn đến gây khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc cập nhật công bố danh mục thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

Thứ hai, quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật của bộ, ngành Trung ương chưa thống nhất, nhất là trong cách tính thời gian giải quyết giữa “ngày” và “ngày làm việc”. Nhiều thủ tục hành chính quy định “ngày” nên rất khó phân định khi xây dựng quy trình các bước giải quyết thủ tục hành chính cụ thể giữa các cơ quan.

Thứ ba, cập nhật hồ sơ thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của một số bộ, ngành còn chậm làm ảnh hưởng đến việc địa phương hóa các thủ tục hành chính của các tỉnh. Việc xây dựng quy trình nội bộ còn lúng túng trong việc thống nhất, vì hiện nay tại mỗi sở, ban, ngành đều đang thực hiện 02 quy trình TTHC gồm: quy trình một cửa

điện tử trên hệ thống một cửa điện tử; quy trình ứng dụng ISO.

Thứ tư, việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng tình trạng hồ sơ trả quá hạn vẫn còn số lượng đáng kể là 14.882 hồ sơ (năm 2015-2019), yêu cầu bổ sung, trả lại vẫn còn nhiều; việc cập nhật thủ tục hành chính trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến vẫn còn chậm và còn tình trạng không đính kèm file kết quả, phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ... theo quy định.

Thứ năm, sự quan tâm của người dân, doanh nghiệp về việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa cao do công tác tuyên truyền, trình độ công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng còn hạn chế, cụ thể năm 2019 thực hiện thí điểm Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện số hồ sơ mới tiếp nhận trực tuyến là 16.704 hồ sơ (đạt 19%)⁽⁴⁾.

Để công tác kiểm soát thủ tục hành chính ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh ở Hà Tĩnh, trên cơ sở những thuận lợi, khó khăn, những dự báo phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và kinh nghiệm của một số địa phương trong nước, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là: Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương liên quan về công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Đồng thời, thực hiện các kế hoạch về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh đúng yêu cầu, quy định. Huy động hệ thống chính trị ở các cấp chung tay và nghiêm túc thực hiện các quy định về việc ban hành và kiểm soát thủ tục hành chính.

Hai là: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử và xử lý công việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là công chức trực tiếp làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Kiến nghị, đề xuất các bộ, ngành kịp thời cập nhật các văn bản, thủ tục hành chính để công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để địa phương có căn cứ thực hiện; đặc biệt là cập nhật kịp thời lên cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính vì thời gian qua một số bộ, ngành đã công bố thủ tục hành chính nhưng chưa cập nhật, đăng tải lên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Ba là: Nâng cao hiểu biết của nhân dân và doanh nghiệp về sử dụng các ứng dụng để thực hiện các thủ tục hành chính với các biện pháp đa dạng như: Tổ chức tuyên truyền, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản, kỹ năng thông thường, thiết yếu để mọi người có thể thực hiện các thủ tục hành chính ở mức độ 3, 4; kịp thời phản ánh với chính quyền các cấp những thuận lợi, khó khăn, bất cập, những cách làm sáng tạo, hiệu quả, những hành vi tiêu cực; tiếp tục nghiên cứu để từng bước giảm phí, lệ phí cho hoạt động thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

Bốn là: Xây dựng phần mềm đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, hướng tới sự tiện dụng cho người dân và doanh nghiệp. Tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn, UBND cấp huyện, cấp xã đối với sự phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Năm là: Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức, hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Huy động tối đa sự giám sát và phản ánh, kiến nghị của Nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm soát quyền lực có mối liên hệ hữu cơ với nhau và nhằm ngăn chặn sự lạm quyền, tùy tiện trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong cơ quan hành chính nhà nước nói riêng và hệ thống chính trị nói chung. Chính vì vậy, đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải vào cuộc, tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý, hệ thống giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, góp phần cải thiện chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh ở Hà Tĩnh trong thời gian tới./.

(1). Nghị định số: 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính

(2). Tổng hợp từ: UBND tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo số:139/BC-UBND, ngày 22/5/2019, Cải cách hành chính giai đoạn 2015 – 2018, Báo cáo số: 02/BC-UBND, ngày 02/01/2020 Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

(3). Tổng hợp Báo cáo năm 2018 về các chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI, SIPAS.

(4). UBND tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo số: 02/BC-UBND, ngày 02/01/2020.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



Ths. PHAN CHÍ QUYẾT

Giảng viên khoa Xây Dựng Đảng

Hà Tĩnh thuộc khu vực Bắc Trung bộ, phía Tây giáp Lào với đường biên giới (145 km), Cửa khẩu quốc tế cầu treo - cửa ngõ đi ra các nước khu vực Đông Nam Á; phía Đông có bờ biển dài (137 km); hệ thống sông ngòi đổ ra biển khá dày đặc; huyết mạch giao thông Quốc gia bao gồm: đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh đều đi qua. Hà Tĩnh có nhiều tiềm năng và vị trí chiến lược cả về kinh tế và quốc phòng - an ninh, là một trong những địa bàn trọng điểm mà các thế lực thù địch tìm mọi cách để phá hoại trong mọi thời kỳ cách mạng.

Quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, cùng với các nghị quyết về phát triển kinh tế, Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ban hành nhiều văn bản kịp thời triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới: như kế hoạch 732/KH-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh để thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”; Kế hoạch 158/KH-UBND ngày 03/6/2019, triển khai Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tuyên truyền thực hiện chính sách pháp luật về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2020; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 02/01/2020 sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”. Bên cạnh đó, cơ quan Quân

sự đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng với những chủ trương, biện pháp phù hợp, nhằm đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân; gắn quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, biên giới và ven biển. Các giải pháp phát triển kinh tế, nhất là lĩnh vực cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư được triển khai có hiệu quả; giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 18,6%/năm. Sau sự cố môi trường nền kinh tế đã hồi phục nhanh chóng trong năm 2017. Bình quân tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2017 đạt 10,8%/năm, cao hơn nhiều so với với tốc độ tăng trưởng bình quân 6,1% của cả nước trong cùng kỳ⁽¹⁾; năm 2018 tăng trưởng kinh tế đạt 20,8%⁽²⁾; năm 2019 tăng trưởng 10,99%; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng⁽³⁾.

Cùng với những kết quả đạt được về kinh tế, Hà Tĩnh đã quán triệt và thực hiện đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân, nhằm tăng cường tiềm lực, sức mạnh quốc phòng - an ninh, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững; chú trọng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành. Thường xuyên quan tâm xây dựng lực lượng và khu vực phòng thủ, tập trung xây dựng lực lượng vũ trang thường trực vững mạnh về mọi mặt, bảo đảm số lượng, cơ cấu thành phần, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, trước hết là chất lượng chính trị, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu. Đầu tư xây dựng một số công trình phòng

thủ quan trọng ở các khu vực phòng thủ then chốt, đi đôi với tăng cường quản lý, bảo vệ các công trình quốc phòng, khu quân sự và địa hình chiến lược về quốc phòng, an ninh; rà soát, bổ sung và xây dựng mới các phương án phòng chống xâm nhập qua biên giới đất liền, đường biển; chống di cư tự do; chống khủng bố, bắt cóc con tin; xây dựng các phương án, kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm hình sự, ma túy, buôn lậu, buôn bán người, vận chuyển vũ khí qua biên giới; phối hợp với nước bạn Lào đấu tranh thắng lợi nhiều chuyên án, bóc gỡ nhiều đường dây buôn bán ma túy xuyên quốc gia.

Cấp ủy, chính quyền các cấp luôn chăm lo xây dựng “thế trận lòng dân” thông qua các chương trình an sinh xã hội, chương trình phát triển kinh tế và giảm nghèo bền vững. Các ngành, đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ để nắm chắc và giải quyết tốt các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Công tác xây dựng cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu đã gắn kết chặt chẽ với phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững...⁽⁴⁾.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, việc phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh trên địa bàn Hà Tĩnh vẫn còn một số hạn chế nhất định: Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; hiệu quả nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người đạt thấp; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng đủ yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh... Tình hình an ninh trên một số địa bàn, nhất là tuyến biên giới phía Tây và ven biển đang diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định, khó lường; an ninh trật tự cả thành thị và nông thôn; các tệ nạn xã hội, hoạt động tôn giáo trái pháp luật, tai nạn giao thông, buôn lậu, đặc biệt là buôn bán ma túy qua biên giới đất liền, trên biển, đang là những vấn đề gây bức xúc cho xã hội.

Để khắc phục hạn chế, tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong thời gian tới, Hà Tĩnh cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, nhất là của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh. Cấp ủy các cấp cần nắm vững định hướng của Trung ương, tăng cường phổ biến, quán triệt các quan điểm của Đảng về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; kịp thời đề ra những quyết sách lãnh đạo ngành, địa phương thực hiện kết hợp một cách đúng đắn, hiệu quả; gắn lãnh đạo với tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội; tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc kết hợp ở ngành, địa phương. Lãnh đạo, chỉ đạo không chỉ dừng lại ở chủ trương, quan điểm, nhận thức mà còn phải được thể hiện bằng chỉ thị, nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động, kế hoạch... và phải được cụ thể hóa bằng các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; quy định rõ trách nhiệm của các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện. Đặc biệt, cần phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan quân sự, công an, biên phòng trong việc tham mưu; đồng thời, phân công theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện và rút kinh nghiệm kịp thời. Điều này thể hiện rõ vị trí, vai trò, tính chiến lược việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Hai là, phát triển kinh tế - xã hội phải quan tâm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực nền quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc

phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân; bảo đảm sức mạnh chiến đấu, chủ động đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; sẵn sàng đối phó kịp thời, có hiệu quả với các tình huống, kể cả khi có chiến tranh xâm lược, sử dụng vũ khí công nghệ cao. Việc kết hợp phát triển triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh phải được thực hiện từ trong chủ trương, quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong các chương trình, dự án trọng điểm xây dựng hạ tầng các lĩnh vực trong chiến lược quân sự, quốc phòng. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, gắn với xây dựng cơ sở xã, phường, cụm tuyến an toàn, làm chủ, sẵn sàng chiến đấu; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh, quốc phòng, an ninh với kinh tế.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; củng cố lòng tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kiên định chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh..., nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng bộ và Nhân dân, tuyệt đối tin tưởng vào đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, trọng tâm là lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 12- CT/TW, ngày 03-5-2007 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới”; nâng cao chất lượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên; đồng thời, chú trọng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nhằm

xây dựng ý thức, tri thức về quốc phòng cho mọi công dân, hướng tới một xã hội có kỷ cương, trật tự và văn minh.

Bốn là, tăng cường phối hợp đồng bộ các giải pháp, không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, trước hết là chất lượng chính trị, sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Tập trung xây dựng lực lượng quân đội, công an theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; thường xuyên rà soát, kiện toàn, bảo đảm có số lượng hợp lý, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bảo vệ địa bàn; chăm lo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo phương châm “vững mạnh, đều khắp”, coi trọng độ tin cậy về chính trị; duy trì lực lượng dân quân tự vệ theo quy định, chú trọng những địa bàn trọng điểm, dân quân biên; tăng cường xây dựng lực lượng dự bị động viên có trình độ sẵn sàng chiến đấu cao, khả năng huy động nhanh, sẵn sàng đối phó thắng lợi với các tình huống; thường xuyên bổ sung, hoàn thiện kế hoạch, phương án tác chiến phòng thủ phù hợp với tình hình mới; đồng thời, tổ chức tốt các phương án tác chiến phòng thủ ở thành phố, huyện, thị, các xã, phường, thị trấn theo kế hoạch; duy trì thực hiện nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các lực lượng: quân sự, công an, bộ đội Biên phòng, nắm chắc tình hình địa bàn, bảo vệ vững chắc các mục tiêu, địa bàn trọng yếu; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện cho cả lực lượng thường trực, dân quân tự vệ và dự bị động viên.

Năm là, trong hoạt động quản lý phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế cần tập trung một số nội dung cơ bản sau:

- + Đối với cụm công nghiệp, khu kinh tế
- + Cần chú trọng nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư không để lãng phí hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp đã được xây dựng.
- + Việc thu hút đầu tư phải đảm bảo ưu tiên các ngành sản xuất luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử, hóa chất, đóng tàu, các ngành

sản xuất sử dụng vật liệu của địa phương, trong nước, trong đó cần chú trọng lựa chọn công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, không tự biến mình thành bãi thải công nghiệp của các nước phát triển.

+ Đối với ngành nông, lâm nghiệp: Cần chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến có khả năng tăng nhanh giá trị sản xuất, tạo nguồn hàng phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, chủ động đảm bảo dự trữ hàng hóa, vật tư cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

+ Đẩy mạnh phát triển ngành nuôi trồng, đánh bắt và khai thác thủy hải sản; phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ để vừa phát triển kinh tế vừa bảo vệ chủ quyền biển đảo; tăng cường giáo dục ý thức nhân dân hoạt động sản xuất, dịch vụ trên biển tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật Quốc tế nhằm tránh xung đột, tạo cơ cho các thể lực thù địch gây hấn và đảm bảo an toàn cho sản xuất.

+ Đối với ngành giao thông vận tải:

+ UBND tỉnh chủ động phối hợp Bộ Giao thông vận tải triển khai có hiệu quả việc xây dựng các tuyến đường có vị trí chiến lược như: Cao tốc Bắc Nam đoạn qua Hà Tĩnh, nâng cấp Quốc lộ 8A, Quốc lộ ven biển, các tuyến đường biên giới, các cầu qua sông La, sông Lam...

+ Triển khai có hiệu quả vốn đầu tư công thuộc lĩnh vực giao thông do tỉnh làm chủ đầu tư, hình thành bộ khung đường giao thông trên toàn tỉnh ngày càng hiện đại kết nối các vùng trong tỉnh và các khu vực. Chú trọng các tuyến giao thông kết nối các khu vực phòng thủ và các vùng trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

- Đối với các khu vực nông thôn, đô thị, đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, kết hợp, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách với các nguồn vốn khác, nhất là vận động nhân dân đóng góp xây dựng thông qua cơ chế hỗ trợ

xi măng, hỗ trợ nhựa rải đường và thiết kế định hình, nhằm nhanh chóng tạo hệ thống giao thông thông suốt, đảm bảo chất lượng, tăng lưu lượng vận tải hàng hóa trong mọi tình huống: chiến tranh, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn...

- Tăng cường quản lý, bảo vệ các tuyến vận tải đường sông, trước mắt là kiểm tra, xử lý tình trạng cát tặc để tránh sạt lở bờ sông, suối; nâng cao hiệu quả khai thác các cảng biển, cảng sông đã có, tích cực kêu gọi và phối hợp với các nhà đầu tư triển khai các dự án xây dựng cảng biển tại Khu kinh tế Vũng Áng, phát triển ngành dịch vụ logistics.

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh là tất yếu khách quan trong quá trình thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là vấn đề có tính nguyên tắc, xuyên suốt nhằm tạo nên tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu quả trong quá trình kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh. Hà Tĩnh là tỉnh có nhiều tiềm năng và vị trí chiến lược cả về kinh tế và quốc phòng - an ninh. Vì vậy, cần có sự nhận thức thấu đáo và sự vào cuộc của các cấp, các ngành và toàn dân, tạo nên sự đồng thuận của xã hội, đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới./.

(1), (4). Báo cáo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh - Giai đoạn 4 - Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, lập quy hoạch tỉnh 2021-2030, và tầm nhìn năm 2050.

(2). Báo cáo Tình hình KT-XH năm 2018 trình kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khóa XVII.

(3). Báo cáo tình hình hình KT-XH 2019 trình kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh khóa XVII.

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI GIẢNG DẠY PHẦN 2 CHỦ NGHĨA DUY VẬT MÁC XÍT - CƠ SỞ KHOA HỌC CHO VIỆC NHẬN THỨC VÀ CẢI TẠO HIỆN THỰC



ThS. PHAN THỊ AN PHÚ

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Kiến thức triết học được trình bày trong Chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính không nhiều nhưng rất khái quát và là những vấn đề căn bản nhất tạo nền tảng cho việc nhận thức những phần học tiếp theo. Đặc biệt, đây là phần học tạo nền tảng cho nhận thức và giải quyết các vấn đề đặt ra trong công tác lãnh đạo, quản lý cũng như giải quyết công việc chuyên môn của người cán bộ, đảng viên.

Do thời lượng để trình bày phần triết học trên lớp không nhiều vì thế đòi hỏi người giảng viên khi giảng dạy cần tập trung chú trọng đến những vấn đề cốt lõi nhất để từ đó định hướng, chỉ dẫn cho học viên liên hệ, giải quyết những yêu cầu của thực tiễn đặt ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, giảng viên cần lưu ý một số vấn đề khi giảng dạy nội dung về quan điểm mácxít về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức như sau:

Thứ nhất, khi trình bày quan điểm duy vật mácxít về vật chất, từ định nghĩa vật chất của Lênin, giảng viên phải nhấn mạnh đến thuộc tính cơ bản nhất của vật chất là “thực tại khách quan” và phản ánh là thuộc tính chung nhất của mọi dạng vật chất cụ thể.

Đây chính là hai luận điểm cơ bản nhất để giúp người học khẳng định khả năng nhận thức thực tiễn của con người đồng

thời cũng đặt ra yêu cầu với người cán bộ, đảng viên khi quan sát đánh giá thực tiễn, từ việc đánh giá một phong trào, một vấn đề chung của địa phương, đất nước hay đánh giá, nhận xét một con người cụ thể, một công việc cụ thể đều phải đảm bảo tính khách quan. Thực tiễn đã chỉ ra chỉ khi khắc phục được bệnh hình thức, bệnh thành tích, bệnh quan liêu; nhận thức đúng đắn, đầy đủ về những vấn đề đang đặt ra thì chúng ta mới có thể giải quyết có hiệu quả. Mọi nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là nhằm giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong đời sống kinh tế - xã hội, đều vì cuộc sống của người dân. Do đó, chỉ khi đánh giá đầy đủ, đúng đắn các thuộc tính cơ bản, những mâu thuẫn chủ yếu đang đặt ra và các quy luật vận động của đối tượng thì mới đề ra được chủ trương, đường lối đúng đắn, đảm bảo tính khách quan phù hợp quy luật để giải quyết.

Trong nội dung này, giảng viên cũng cần phải tập trung làm rõ phương thức tồn tại của vật chất đó là tồn tại trong trạng thái vận động. Đây là một thuộc tính cố hữu của vật chất. Về hình thức tồn tại của vật chất thì bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng tồn tại trong một không gian và thời gian của nó.

Việc nhấn mạnh những luận điểm này là để chỉ ra yêu cầu đối với cán bộ, đảng viên khi xem xét, đánh giá thực tiễn, tình

hình của địa phương, cơ quan, đơn vị nói chung hay một con người nói riêng cần phải xem xét nó ở trong trạng thái luôn luôn có sự vận động, biến đổi. Điều này giúp cho người cán bộ, đảng viên cần có cái nhìn biện chứng, linh hoạt, sáng tạo, mềm dẻo, tránh sự khô cứng, máy móc cả trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Nhận thức này còn đặt ra yêu cầu cần cho mỗi cán bộ, đảng viên phải tránh tư tưởng bảo thủ, trì trệ, ngại đổi mới, cứng nhắc, thiếu tầm nhìn khi giải quyết các yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Khi đánh giá một địa phương, một con người hay một phong trào đều phải đặt nó trong không gian, thời gian của nó.

Thứ hai, khi trình bày phần quan điểm duy vật mácxít về ý thức, giảng viên cần chú ý làm rõ nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của ý thức.

Làm rõ nguồn gốc tự nhiên của ý thức là để tiếp tục khẳng định rằng vật chất quyết định ý thức. Vì suy cho cùng, ý thức của con người, của xã hội loài người thực chất là sự phản ánh của hiện thực khách quan vào óc người cũng từ đó mà tiếp tục khẳng định con người có khả năng nhận thức và cải tạo thế giới, từ đó đặt yêu cầu: trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào, người cán bộ, đảng viên cũng phải tìm cách để giải quyết những yêu cầu, nhiệm vụ đang đặt ra và tin tưởng rằng khi đã quyết tâm chắc chắn sẽ giải quyết được.

Việc nhấn mạnh nguồn gốc xã hội của ý thức là để nhấn mạnh vai trò xã hội đối với sự phát triển của con người, phát huy nhân tố con người và đặt ra yêu cầu đối với người cán bộ, đảng viên trong việc học tập nắm vững tri thức của nhân loại bởi vì hiện thực khách quan sẽ được phản ánh vào bộ óc con người một cách năng động, có tính khái quát cao và cuối cùng sẽ được

thể hiện qua ngôn ngữ cho nên vốn tri thức, ngôn ngữ phong phú sẽ là điều kiện quan trọng để nhận thức đúng đắn, khách quan tình hình thực tiễn.

Thứ ba, khi trình bày quan điểm duy vật mácxít về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức giảng viên cần nhấn mạnh đến vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức. Vật chất là cơ sở của mọi nội dung mà ý thức phản ánh. Mặt khác, giảng viên cũng cần phải nhấn mạnh vai trò năng động, sáng tạo của ý thức và tính độc lập tương đối của ý thức. Những khẳng định này sẽ là cơ sở để rút ra ý nghĩa của quan điểm duy vật mácxít về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong việc nhận thức và cải tạo hiện thực. Đó là phải luôn luôn đảm bảo tính khách quan, trung thực. Khi đánh giá, nhận xét tình hình thực tiễn, không được “tô hồng, bôi đen”. Mọi chủ trương, chính sách đều phải lấy thực tiễn làm điểm xuất phát và thực tiễn là nơi kiểm nghiệm để điều chỉnh, bổ sung và phát triển mọi chủ trương, đường lối.

Quán triệt nội dung này còn đặt ra yêu cầu cần nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn đối với cán bộ, đảng viên cũng như tạo cơ sở khoa học cho việc xử lý tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với văn hóa, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

1. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, t. 18, *Sđd.* tr. 173.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t. 1, *Sđd.* tr. 580.

3. Giáo trình Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TỪ CÔNG TÁC SẮP XẾP, TÌNH GIẢN BỘ MÁY HÀNH CHÍNH Ở HÀ TĨNH



ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Sớm nhận thức được những bất cập, hạn chế trong tổ chức và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, trước khi Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) được ban hành, thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010 và giai đoạn 2011-2020, Hà Tĩnh đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương về sắp xếp, kiện toàn bộ máy hành chính, nhất là ở cấp cơ sở. Ngày 19/8/2009, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVI đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về “Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn”; ngày 16/12/2011 theo đó Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND về phê duyệt đề án “Sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án, tổ chức hội”. Tiếp đó, ngày 22/3/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND về sáp nhập thôn, tổ dân phố. Việc thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố thể hiện sự chủ động, sáng tạo của Hà Tĩnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Trên cơ sở những kết quả bước đầu của việc nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, xã, phường, thị trấn và kiện toàn các cơ quan hành chính, ngày 29/9/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận 25-KL/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU về “Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn”, góp phần thực hiện Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành (BCH) Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở”. Tiếp đó, ngày 29/6/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban

hành Kết luận số 05-KL/TU về “Một số chủ trương nâng cao năng lực, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị”.

Như vậy, có thể thấy rằng, trước khi Trung ương ban hành Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (2017), Hà Tĩnh đã có những bước đi sáng tạo trong sắp xếp tổ chức bộ máy, kết quả bước đầu đã tạo cơ sở thuận lợi để Hà Tĩnh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết của BCH Trung ương.

Từ năm 2011, trên cơ sở các nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc sáp nhập thôn, tổ dân phố. Kết quả đến năm 2019, đã giảm được 829 thôn, tổ dân phố (từ 2.837 giảm xuống còn 2.008 thôn, tổ dân phố). Toàn tỉnh đã giảm hơn 24.000 cán bộ thôn, tổ dân phố (hơn 2.000 người hoạt động không chuyên trách và hơn 22.000 người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố), tiết kiệm chi ngân sách hàng năm trên 89 tỷ đồng.¹

Đối với cấp xã, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện sáp nhập là 80/262 đơn vị cấp xã (chiếm 30,5%), giảm 46 xã (chiếm 17,5%)².

Đối với cấp huyện, tập trung chỉ đạo sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong từng khối Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, các tổ chức hội, các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện. Những nơi có điều kiện thì thực hiện sáp nhập Văn phòng cấp ủy với Văn phòng HĐND – UBND. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội tập trung chỉ đạo thực

hiện theo tinh thần Nghị quyết số 19 như hợp nhất Trung tâm Văn hóa, Thể thao với Đài Truyền thanh và Truyền hình, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp cấp huyện theo hướng tự chủ; không xem xét thành lập mới các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thực hiện sáp nhập các tổ chức hội theo tinh thần Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị. Kết quả cấp huyện, đã giảm 27 đơn vị sự nghiệp.

Đối với cấp tỉnh, toàn tỉnh giảm 05 chi cục, 32 phòng chuyên môn thuộc sở, ngành, 29 phòng, tổ chức thuộc các ban, chi cục. Đối với đơn vị sự nghiệp, thực hiện việc sắp xếp hệ thống mạng lưới trường học, y tế theo các Nghị quyết số 94, 96 của HĐND tỉnh rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp các lĩnh vực khác, kết quả năm 2018, theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt và các đơn vị đề nghị giảm 05 đơn vị sự nghiệp (01 đơn vị thuộc lĩnh vực Lao động-TBXH, 03 đơn vị thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 01 đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), chuyển 01 đơn vị sang tự chủ (đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mặc dù đang còn những khó khăn, vướng mắc nhưng từ những kết quả bước đầu đã đạt được, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, phải tập trung làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, nỗ lực của các ngành, địa phương trong toàn tỉnh vì mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả, hoạt động của bộ máy, nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân.

Thứ hai, quá trình sáp nhập, sắp xếp, tổ chức lại giảm đầu mối sẽ dẫn đến việc dôi dư cán bộ ở một số vị trí trong đó có cả vị trí chức danh lãnh đạo, mặt khác việc bố trí lại các vị trí việc làm đã phá vỡ thói quen và tâm lý làm việc lâu nay của cán bộ, công chức từ

đó đã có ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm, gây xáo trộn trong nội bộ cơ quan, đơn vị, do đó các ngành, địa phương cần coi trọng sự công khai, minh bạch, khách quan, dân chủ khi tiến hành sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, coi trọng công tác nắm bắt tư tưởng của cán bộ, thực hiện nghiêm túc quy trình bổ nhiệm; trong quá trình nhất thể hóa cần phải rất quan tâm xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực để vừa phát huy được vai trò cá nhân vừa đảm bảo sự lãnh đạo của tập thể, tránh tình trạng lạm quyền.

Thứ ba, phải luôn luôn chủ động, sáng tạo, kiên trì, kiên quyết việc vận dụng tổ chức thực hiện chủ trương của trung ương. Thực tế cho thấy, từ năm 2011, khi Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh triển khai chủ trương sáp nhập thôn, xóm, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện có rất nhiều khó khăn, chưa có sự chỉ đạo hướng dẫn từ Trung ương, một số bộ, ngành cũng chưa có sự đồng thuận, nhưng từ yêu cầu của thực tiễn không thể không sáp nhập các trường học, không thể không sáp nhập các đơn vị sự nghiệp ở các huyện như Trung tâm ứng dụng Khoa học công nghệ, trạm Thú y, trạm Bảo vệ thực vật.....do đó tính chủ động, sáng tạo, kiên trì, kiên quyết trong tổ chức thực hiện là yêu cầu không thể thiếu.

Thứ tư, thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhất là thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Đây là cơ sở để đưa ra kế hoạch sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ khi sáp nhập và tinh giản biên chế. Thực tế cho thấy ở địa phương nào, ngành nào thực hiện tốt khâu này thì ở đó việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương sẽ thắng lợi.

Thứ năm, thường xuyên làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, công tác đánh giá phân loại đối với tập thể, cá nhân hàng năm nhằm tạo cơ sở cho việc sắp xếp, bố trí và tinh giản biên chế.

(1), (2): Báo cáo số 218/BC-SNV tỉnh Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 11 năm 2019

GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, LƯU TRỮ HỒ SƠ TẠI PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



BÙI THỊ THÚY

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, bởi vì thông tin trong các tài liệu được lưu trữ là loại thông tin chính thống, có tính pháp lý và có độ tin cậy cao do nguồn gốc hình thành, do đặc trưng pháp lý và tính chất làm bằng chứng lịch sử của tài liệu lưu trữ quy định.

Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu nói chung và hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng nói riêng, trong những năm qua Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Trần Phú đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý và lưu trữ hồ sơ tài liệu tại các khoa, phòng chuyên môn và coi đó là một khâu không thể thiếu trong công tác lãnh đạo, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường.

Đối với việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường chủ yếu do Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học đảm nhận, bao gồm: hồ sơ liên quan đến việc mở lớp; hồ sơ học viên; hồ sơ liên quan đến các khâu trong quá trình diễn ra lớp học; hồ sơ tốt nghiệp..., các loại hồ sơ nêu trên được quản lý, lưu trữ ngay từ khâu xét tuyển đầu vào cho đến khi kết thúc khóa học, trong đó, theo quy định có những hồ sơ phải đưa

vào lưu trữ vĩnh viễn, có những hồ sơ lưu trữ theo thời hạn.

Trong thời gian qua, nhìn chung công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học đã thực hiện đúng quy trình, đảm bảo về số lượng danh mục các hồ sơ, tài liệu được đưa vào quản lý, lưu trữ theo đúng quy định của các bộ, ngành và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần vào thành tích chung của nhà trường trong thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị do Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu vẫn còn những hạn chế như: chưa xây dựng được nội quy, quy chế về quản lý, sử dụng hồ sơ, tài liệu; chưa cụ thể được thời gian lưu trữ hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng; chưa xây dựng được danh mục các tài liệu cần lưu trữ trong hồ sơ các lớp đào tạo, bồi dưỡng; công tác kiểm tra, rà soát, bổ sung hồ sơ các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa thường xuyên; sắp xếp hồ sơ lưu trữ chưa khoa học; nghiệp vụ công tác lưu trữ hồ sơ của cán bộ phòng còn hạn chế; cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ chưa đảm bảo...

Để tiếp tục phát huy những ưu điểm, khắc phục hạn chế còn tồn tại, góp phần

nâng cao hiệu quả công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, phân công nhiệm vụ và lãnh đạo, chỉ đạo việc tập hợp, khai thác, sử dụng và quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng, từ khi mở lớp đến kết thúc khóa học thường diễn ra nhiều khâu và theo những quy trình khác nhau. Vì vậy, cần chú trọng phân công cán bộ, chuyên viên phụ trách theo từng nhóm công việc. Trong quá trình khóa học diễn ra, trên cơ sở nhóm công việc được giao, lãnh đạo phòng phải thường xuyên theo sát để lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, chuyên viên tập hợp, xử lý, bảo quản và lưu trữ những hồ sơ, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Cuối mỗi khóa học, phải phân công cán bộ, chuyên viên tập hợp toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến khóa học theo một tệp như: kế hoạch mở lớp; hồ sơ học viên; quyết định cử cán bộ đi học; công văn phối hợp mở lớp; quyết định mở lớp; quyết định chủ nhiệm lớp; quyết định thi, kiểm tra; quyết định đi nghiên cứu thực tế; quyết định công nhận tốt nghiệp..., lập danh mục các loại hồ sơ, tài liệu trong mỗi tệp, phân ra những loại hồ sơ, tài liệu phải lưu trữ vĩnh viễn và hồ sơ, tài liệu lưu trữ theo thời gian (theo Quyết định 2252-QĐ/HVCTQG, ngày 02/5/2019 của Giám đốc Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế quản lý đào tạo của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Quyết định số 4874-QĐ/HVCTQG, ngày 30/9/2019 của Giám đốc Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động bồi dưỡng của trường trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) để đưa về kho sắp xếp, bảo quản và lưu trữ.

Thứ hai, phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, chuyên viên phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học trong khai thác, sử dụng và quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, mỗi cán bộ, chuyên viên phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ; thường xuyên nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các quy định, hướng dẫn của các bộ, ngành về quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, đặc biệt là quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng (bao gồm lưu vĩnh viễn và lưu theo thời hạn); từ đó nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc tập hợp, quản lý, sử dụng, gìn giữ và lưu trữ các loại hồ sơ, tài liệu liên quan đến lĩnh vực mình được phân công phụ trách. Phải thường xuyên rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, làm đến đâu sắp xếp, xử lý hồ sơ, tài liệu tinh gọn đến đó, tránh để chồng chéo, ứ đọng.

Thứ ba, xây dựng chế độ kiểm tra, bảo vệ và sử dụng các loại hồ sơ, tài liệu liên quan đến các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Trần Phú.

Các loại hồ sơ, tài liệu liên quan tới các lớp đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ tại phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học là căn cứ pháp lý để nhà trường khai thác, sử dụng cho các hoạt động liên quan tới nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường, do đó cần phải có quy định về cơ chế khai thác, sử dụng nó. Vì vậy, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học phải tham mưu cho Ban Giám hiệu nhà trường xây dựng và ban hành nội quy, quy chế quản lý việc ra vào kho; chế độ kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất tình hình quản lý,

bảo quản hồ sơ, tài liệu; chế độ vệ sinh kho và tài liệu định kỳ; quy định đối tượng được khai thác, sử dụng hồ sơ, tài liệu; mục đích khai thác, sử dụng; đối tượng kiểm tra, theo dõi việc xuất, nhập hồ sơ, tài liệu.

Thứ tư, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu

Để đảm bảo cho việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong thời gian lâu dài (đối với tài liệu lưu vĩnh viễn), cần phải bố trí kho lưu trữ thông thoáng, trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị như: giá kệ, tủ, bìa, hộp, cặp, trang thiết bị vận chuyển tài liệu, thiết bị báo động, báo cháy, phòng chống cháy, phòng chống ẩm, hệ thống quạt, điều hòa, hệ thống camera quan sát... Vì vậy, Ban Giám hiệu nhà trường cần phải quan tâm nghiên cứu, đầu tư mua sắm những trang thiết bị, phương tiện bảo quản, quản lý hồ sơ tài liệu cần thiết, tiết kiệm và phát huy hiệu quả. Mặt khác, hiện nay các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học là rất lớn, để góp phần tiết

kiệm thời gian, công sức và hạn chế được khối lượng hồ sơ, tài liệu giấy ngày càng gia tăng, Phòng cần nghiên cứu đề xuất ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu như: phần mềm quản lý học viên (để dần dần thay thế lưu trữ hồ sơ học viên bằng bản giấy); phần mềm quản lý điểm; phần mềm quản lý tiểu luận học viên...

Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ tất yếu và thường xuyên. Quan tâm làm tốt công tác quản lý, lưu trữ tài liệu này sẽ góp phần bảo đảm cho các hoạt động liên quan tới công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường được thông suốt và đạt hiệu quả cao. Những hồ sơ, tài liệu được lưu trữ sẽ trở thành phương tiện để lãnh đạo, quản lý, điều hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát công việc của nhà trường một cách có hệ thống, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao./.



CẢM NHẬN TỪ CHUYÊN NGHIÊN CỨU THỰC TẾ Ở TÂY BẮC



ThS. LÊ ĐÌNH HÙNG

*Phó Trưởng Phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu*

Thực hiện Chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Trường Chính trị Trần Phú, tỉnh Hà Tĩnh, Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính K135 huyện Hương Sơn đã có chuyến đi nghiên cứu thực tế tại Tây Bắc. Chuyến đi đã để lại rất nhiều kỷ niệm đẹp đối với các thầy cô và học viên trong lớp. Nhớ hôm vừa đặt chân lên SaPa, ngay khi vừa bước xuống xe, cả một màn sương mù vây quanh, không thấy rõ mặt ai, đoàn người đi trong sương, cảm giác se lạnh khi nhiệt độ xuống thấp. Đêm đầu tiên ở SaPa, cả đoàn đã được trải nghiệm hoạt động kinh tế về đêm của một thị trấn nhỏ vừa mới được chuyển lên thành thị xã. Nhưng cũng thật ấm áp là lúc cả đoàn ngồi bên bếp lửa than hồng cùng mời nhau ngô nếp nướng. Khuôn mặt ai nấy đỏ ửng lên. Bao mệt nhọc của 01 ngày đường cùng chiếc xe lắc lư trên những cung đường quanh co đèo dốc dường như tan biến.

Chuyến đi đã thu được kết quả rất thành công và thực sự bổ ích! Các học viên đã được khám phá, trải nghiệm, được hòa mình cùng với đời sống sinh hoạt chân thực, giản dị của bà con đồng bào dân tộc nơi đây, cảnh sương sớm vùng cao, những bản làng dân tộc xa xôi, những thửa ruộng

bậc thang trải dài uốn lượn cùng những thiếu nữ dân tộc xinh xắn trong tà áo sặc sỡ đầy màu sắc, ché rượu cần mời gọi và điệu xòe hoa nghiêng ngả làm đắm say lòng người.

Nhưng ấn tượng hơn cả trong chuyến đi này vẫn là buổi đi tìm hiểu về xây dựng nông thôn mới ở xã Tả Phìn. Tại đây, cả đoàn như được đắm mình vào không khí xây dựng nông thôn mới thông qua những lời báo cáo, sự hướng dẫn giới thiệu nhiệt tình, đầy tâm huyết của đồng chí Chủ tịch UBND xã,

Tả Phìn là xã miền núi của huyện Sa Pa, cách trung tâm huyện 12km về phía Bắc với diện tích tự nhiên 2.707,95 ha. Địa hình đồi núi, độ dốc cao trung bình từ 10 - 45%, độ cao so với mực nước biển. Khí hậu mát mẻ vào mùa hè và lạnh giá vào mùa đông. Nguồn tài nguyên chủ yếu của xã là diện tích rừng, ngoài ra diện tích đất nông nghiệp đã đảm bảo đủ lương thực đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Nơi đây là địa bàn cư trú của đồng bào các dân tộc Dao, Hmông, Tày, Kinh. Từ khi triển khai Chương trình nông thôn mới do Trung ương phát động, Tả Phìn đã sớm phát huy được tiềm năng, lợi thế chủ yếu của địa phương, nhất là ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ có giá trị kinh tế cao,

(như: hoa địa lan, sản phẩm rau, củ, quả, du lịch cộng đồng theo chuỗi liên kết, ...), đã thu hút một lượng lớn khách du lịch trải nghiệm gắn với dịch vụ, tạo việc làm ổn định nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Diện mạo nông thôn ngày càng đổi mới, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định. Những mô hình, những cách làm hay, độc đáo, hiệu quả của một xã miền núi còn nhiều khó khăn như Tả Phìn đã để lại nhiều ấn tượng, những kinh nghiệm quý được rút ra để áp dụng thành công vào công cuộc xây dựng nông thôn mới của Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghiên cứu thực tế là một hoạt động rất cần thiết đối với đối với học viên các trường chính trị tỉnh, thành phố nói riêng, các trường giảng dạy lý luận chính trị nói chung. Nó cho thấy một nguyên tắc cơ bản của việc học lý luận là “học đi đôi với hành”, “lý luận gắn với thực tiễn”, nhà trường gắn liền với thực tế cuộc sống. Qua các chuyến đi này, học viên sẽ được thâm nhập vào đời sống thực tế để làm rõ hơn những kiến thức đã được các giảng viên giảng dạy, như: Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương; quá trình, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tổ chức, bộ máy và hoạt động của chính quyền các cấp, mô hình tổ chức các đô thị, thành phố; các khu công nghiệp; các điển hình sản xuất kinh doanh giỏi... Bên cạnh đó, học viên còn được về với các địa danh lịch sử được sống lại với những năm tháng hào hùng đấu tranh chống giặc ngoại xâm của quân và dân ta dưới ánh sáng soi đường của Đảng để giáo dục truyền thống, chủ

nghĩa yêu nước và lòng tự hào dân tộc; được tìm hiểu về đời sống và các phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số để thấy được những nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc, cũng như ý nghĩa mà các chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã đem lại. Thông qua những chuyến đi nghiên cứu thực tế này, học viên được chia sẻ có thêm những kinh nghiệm thực tiễn ở cơ sở để vận dụng một cách chắc chắn, tự tin và có phương pháp khoa học để giải quyết các công việc ở địa phương có hiệu quả, từ đó giúp họ trưởng thành hơn.

Mỗi chuyến đi đều để lại những kỷ niệm, sự trải nghiệm và khám phá, những điều hết sức thú vị về cuộc sống. Nhưng điều quý trọng hơn nữa là sự kết nối, gắn bó giữa các học viên trong lớp, giữa thầy và trò, giữa nhà trường với địa phương, sự chân thành thấu hiểu cuộc sống ở những vùng còn khó khăn, sự thân thiện trong văn hóa ứng xử, phong cách lễ tân ngoại giao, những tình cảm và sự trân trọng của nhân dân các địa phương dành cho cán bộ, giảng viên học viên nhà trường là những bài học kinh nghiệm, dấu ấn sâu sắc cho các thành viên của chuyến đi. Tất cả học viên đều thấm thía rằng khi có chủ trương đúng, có sự lãnh đạo sát sao chặt chẽ, đáp ứng lợi ích nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ, quyết tâm làm thì dù khó khăn đến mấy cũng chắc chắn thành công. Chuyến nghiên cứu thực tế tại Tây Bắc còn để lại hình ảnh nhiệt tình, trẻ trung, tâm huyết với công việc, tận tụy với nhân dân của người cán bộ nơi này, đây là nguyên nhân quan trọng đưa đến thành công trong xây dựng nông thôn mới của Tả Phìn, và có lẽ không chỉ riêng cho Tả Phìn mà còn đúng với mọi miền quê. Nó còn cho thấy

một điều là học tập chính trị không bao giờ khô khan đối với người học mà nó đầy ắp hơi thở cuộc sống. Những điều mắt thấy tai nghe, những cảm nghĩ thu nhận được từ chuyến đi càng làm cho chúng ta thấm thía lời dạy của Hồ Chí Minh về “gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành”. Học tập phong cách Hồ Chí Minh về học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, chúng ta càng thấy được vai trò to lớn của lý luận trong việc định hướng, dẫn dắt, dự báo xu hướng vận động, phát triển của thực tiễn. Tuy nhiên, khi học tập lý luận không được tuyệt đối hóa lý luận mà phải liên hệ với thực tiễn đất nước và thời đại; phải thấm nhuần lời dạy của Người: “Lý luận rất cần thiết nhưng nếu cách học tập không đúng thì sẽ không có kết quả. Do đó, trong lúc học tập lý luận chúng ta cần nhấn mạnh: lý luận phải liên hệ với thực tiễn”(1). Đối với

người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập lý luận chính trị, phải tự xây dựng cho mình phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả, làm giàu lý luận bằng cách tổng kết thực tiễn và vận dụng lý luận phù hợp để giải quyết được các vấn đề cụ thể của thực tiễn.

Từ mục đích, ý nghĩa đó, để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của nhà trường giảng dạy lý luận chính trị, chúng ta cần tổ chức tốt hoạt động nghiên cứu thực tế, xây dựng kế hoạch cụ thể, có nội dung học tập rõ ràng, phù hợp và thiết thực với mục tiêu, chương trình đào tạo, gắn với nhiệm vụ công tác của học viên.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 496.

